

**BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHÁU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN NGÀNH THIẾT KẾ MỸ THUẬT
SÂN KHÁU - ĐIỆN ẢNH**


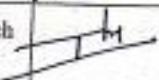
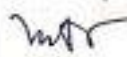

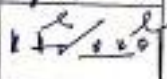

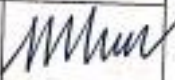
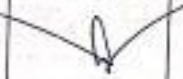

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của
Bộ Giáo dục và Đào tạo**

(Lưu hành nội bộ)

Hà Nội, tháng 01 năm 2022

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH KIẾN TOÀN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN
NGÀNH THIẾT KẾ MỸ THUẬT SẢN KHẤU – ĐIỆN ẢNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SẢN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 707/QĐ-SKĐAHN ngày 26 tháng 6 năm 2020 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sản khẩu – Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Ký nhận
1.	Ông Nguyễn Đình Thi	PGS.TS.NGND, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2.	Ông Phạm Đức Thi	ThS. Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3.	Ông Vũ Đình Toán	P.Trưởng khoa Thiết kế Mỹ thuật Giảng dạy môn thiết kế mỹ thuật	Phó Chủ tịch	
4.	Bà Trịnh Thúy Hương	TS. Trưởng phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thư ký	
5.	Ông Nguyễn Dân Quốc	NSND. Họa sĩ Nhà hát Chèo Việt Nam	Thành viên	
6.	Bà Nguyễn Thị Hồng Hiền	TS.Trưởng phòng Đào tạo, QLKH & Hợp tác quốc tế	Thành viên	
7.	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	ThS Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên	
8.	Ông Nguyễn Nguyên Vũ	ThS. NSUT. P.Trưởng khoa Thiết kế Mỹ thuật Giảng dạy môn thiết kế trang phục sản khấu – điện ảnh	Thành viên	
9.	Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh	SV Lớp Thiết kế Mỹ thuật - K37	Thành viên	

(Danh sách gồm có 09 người).

PHỤ LỤC

DANH MỤC NHỮNG TỪ VIẾT TẮT.....	6
PHẦN I. KHÁI QUÁT	7
1. Đặt vấn đề.....	7
2. Tổng quan chung	9
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	12
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	12
<i>Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.</i>	<i>12</i>
<i>Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.</i>	<i>14</i>
<i>Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai</i>	<i>17</i>
Kết luận về tiêu chuẩn 1	19
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	20
<i>Tiêu chí 2.1: Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.....</i>	<i>20</i>
<i>Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.....</i>	<i>21</i>
<i>Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.</i>	<i>22</i>
Kết luận về Tiêu chuẩn 2.....	23
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	25
<i>Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.....</i>	<i>25</i>
<i>Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.....</i>	<i>26</i>
<i>Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.....</i>	<i>28</i>
Kết luận Tiêu chuẩn 3:	29
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	30

<i>Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.....</i>	30
<i>Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.</i>	31
<i>Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.....</i>	34
Kết luận về Tiêu chuẩn 4:.....	36
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	38
<i>Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.....</i>	38
<i>Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.....</i>	39
<i>Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.....</i>	40
<i>Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.....</i>	42
<i>Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.....</i>	44
Kết luận về Tiêu chuẩn 5:.....	45
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	46
<i>Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu chương trình học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	46
<i>Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.....</i>	48
<i>Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....</i>	51
<i>Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá.....</i>	54

<i>Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....</i>	<i>56</i>
<i>Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>	<i>57</i>
<i>Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	<i>59</i>
Kết luận về Tiêu chuẩn 6.....	60
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	62
<i>Tiêu chí: 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng</i>	<i>62</i>
<i>Tiêu chí: 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....</i>	<i>63</i>
<i>Tiêu chí: 7.3 Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.....</i>	<i>64</i>
<i>Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó</i>	<i>65</i>
<i>Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	<i>67</i>
Kết luận về Tiêu chuẩn 7:.....	68
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....	70
<i>Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và được cập nhật</i>	<i>70</i>
<i>Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.....</i>	<i>72</i>
<i>Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học</i>	<i>73</i>
<i>Tiêu chí 8.4: Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác, nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học</i>	<i>76</i>

<i>Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.....</i>	78
Kết luận về tiêu chuẩn 8	80
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	82
<i>Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	82
<i>Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	84
<i>Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	87
<i>Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.....</i>	89
Kết luận Đánh giá về Tiêu chuẩn 9	92
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng.....	93
<i>Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình.....</i>	93
<i>Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.....</i>	95
<i>Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra</i>	96
<i>Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học</i>	98
<i>Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.....</i>	101
<i>Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....</i>	103
Kết luận về tiêu chuẩn 10	105
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.....	107
<i>Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	107

<i>Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	<i>109</i>
<i>Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	<i>111</i>
<i>Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	<i>113</i>
<i>Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	<i>115</i>
Kết luận về tiêu chuẩn 11	116
PHẦN III. KẾT LUẬN	118
PHẦN IV. PHỤ LỤC	126

DANH MỤC NHỮNG TỪ VIẾT TẮT

DHSKĐAHN	Đại học Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội
CTĐT	Chương trình đào tạo
BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BVHTTDL	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
TKMT SKĐA	Thiết kế mỹ thuật Sân khấu-Điện ảnh
TKMT	Thiết kế mỹ thuật
KT&ĐBCLGD	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
ĐT,QLKH&HTQT	Phòng Đào tạo, Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế
QLHSSV	Phòng Quản lý Học sinh, sinh viên
TT TTTV	Trung tâm Thông tin Thư viện
GV	Giảng viên
SV	Sinh viên
CĐR	Chuẩn đầu ra
NSUT	Nghệ sỹ ưu tú
NSND	Nghệ sỹ nhân dân
CTDH	Chương trình dạy học
SK-ĐA	Sân khấu-Điện ảnh
KQHT	Kết quả học tập
HCTH (TCCB)	Phòng Hành chính, Tổng hợp (bộ phận Tổ chức cán bộ)
NCKH	Nghiên cứu khoa học
CSGD	Cơ sở giáo dục
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Chương trình đào tạo Thiết kế mỹ thuật sân khấu - điện ảnh (CTĐT TKMTSK - ĐA) đào tạo họa sĩ thiết kế mỹ thuật thuộc lĩnh vực sân khấu điện ảnh, CTĐT bắt đầu được xây dựng và áp dụng từ năm 1980, qua quá trình 41 năm thực hiện, CTĐT đã nhiều lần bổ xung, chỉnh sửa hoàn thiện. Đến nay, CTĐT TKMTSK-ĐA đã có 6 chuyên ngành, đào tạo hơn 33 khóa sinh viên tốt nghiệp đóng góp đội ngũ thiết kế mỹ thuật thuộc lĩnh vực sân khấu điện ảnh. Trong thời gian triển khai chương trình, trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội thường xuyên quan tâm đến chất lượng đào tạo, đội ngũ giảng viên, áp dụng phương pháp dạy học đi đôi với thực hành nhằm phát triển toàn diện cho người học.

Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT TKMTSK-ĐA theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT (GD&ĐT), gồm 04 phần: Phần I. Khái quát; Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí; Phần III. Kết luận; Phần IV. Phụ lục.

Tự đánh giá CTĐT TKMTSK-ĐA là một khâu quan trọng trong toàn bộ quá trình phát triển CTĐT nhằm đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành. Trong quá trình triển khai công việc này, trường ĐH SKĐAHN căn cứ vào 11 tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng, hiệu quả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra.

Hội đồng tự đánh giá CTĐT TKMTSK-ĐA được thành lập theo Quyết định số 707/QĐ-SKĐAHN ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 07 thành viên gồm với thành phần đầy đủ các bên liên quan: Cán bộ quản lý Nhà trường, Khoa, giảng viên viên chức trong trường, sinh viên...Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có Ban thư ký gồm 07 thành viên và 06 nhóm chuyên trách phụ trách 11 tiêu chuẩn đánh giá. Danh sách Ban thư ký và các nhóm chuyên trách được thành lập theo quyết định số 707/QĐ-SKĐAHN ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội.

Mục đích tự đánh giá chương trình đào tạo là nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng CTĐT TKMTSK-ĐA thông qua việc tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT tại thời điểm tự đánh giá; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn

tiếp theo theo hướng cao hơn.; Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT TKMITSK-ĐA; thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội.

- Thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của trường ĐH SKĐAHN trong hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội.

Công cụ đánh giá là 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí đánh giá chất lượng CTĐT TKMITSK-ĐA được thực hiện theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ban hành theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và Kế hoạch số 118/KH – BGDĐT ngày 23/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học, trường Cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm năm 2017. Đối với mỗi tiêu chí, trường tiến hành xem xét theo trình tự sau: Mô tả thực trạng; Phân tích, giải thích, so sánh để đưa ra những nhận định đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu hoặc thiếu sót; Lên kế hoạch hành động nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

Quy trình đánh giá được tiến hành từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 8 năm 2020. Quá trình đánh giá có sự tham gia tích cực và đầy đủ của các bên liên quan đến chương trình đào tạo trong tiến trình và kế hoạch đã được Nhà trường thông qua. Các bước thực hiện tự đánh giá như sau: Thành lập Hội đồng tự đánh giá; ban thư ký, các nhóm công tác; lập kế hoạch tự đánh giá; phân tích tiêu chí; Thu thập thông tin và minh chứng (MC); Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được; Viết báo cáo tự đánh giá; lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá; Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Phương pháp tự đánh giá chủ yếu là thu thập thông tin, minh chứng từ các nguồn ở trong và ngoài Trường từ năm 2015 đến năm 2020, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng. Đối với mỗi tiêu chuẩn, các tiêu chí được phân tích thành các yêu cầu và các câu hỏi đặt ra cho các yêu cầu, sau đó các thông tin, minh chứng được thu thập từ các phòng chức năng, Ban, Khoa, Viện và các đối tượng liên quan.

Phương pháp mã hóa minh chứng được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư 04/TT-BGDĐT.

Hx.ab.cd.ef

H: viết tắt “Hộp minh chứng”

x: số thứ tự của tiêu chuẩn (có giá trị từ 10 đến 11).

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01)

ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí

Bản “Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Thiết kế mỹ thuật sân khấu – điện ảnh” là sản phẩm của một quá trình tự đánh giá khách quan, trung thực, dân chủ, minh bạch và công khai CTĐT ngành TKMTSK-ĐA – Khoa Thiết kế Mỹ thuật theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT). Bản báo cáo gồm bốn phần chính: Khái quát, đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí, kết luận và phụ lục. Phần đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí là phần trọng tâm của báo cáo; trong đó các tiêu chuẩn, tiêu chí được trình bày lần lượt theo thứ tự: Mở đầu, mô tả, điểm mạnh, điểm tồn tại, kế hoạch hành động, đánh giá các tiêu chí và kết luận mỗi tiêu chuẩn.

Phần mở đầu giới thiệu sơ lược về các tiêu chuẩn, các tiêu chí của mỗi tiêu chuẩn được mô tả chi tiết nhằm nêu ra những điểm mạnh và những tồn tại, thông qua đó lên kế hoạch hành động và các giải pháp cải tiến. Các tiêu chí sau khi phân tích được đánh giá một cách khách quan theo 7 mức quy định. Những điểm nổi bật, những tồn tại cơ bản ở mỗi tiêu chuẩn được trình bày tóm tắt ở phần kết luận. Tuy còn một số hạn chế về CTĐT nhưng theo đánh giá, các tiêu chuẩn đều đạt mức từ 4/7 đến 5/7.

2. Tổng quan chung

Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội (sau đây viết tắt là Trường hoặc Nhà trường) trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Giáo Dục và Đào tạo. Trường là đơn vị sự nghiệp công lập, thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; hoạt động theo các quy định của Luật Giáo dục, Điều lệ trường đại học. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Mục đích hoạt động của Trường là đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu hoạt động trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình có trình độ từ đại học đến sau đại học, có phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực sáng tạo tốt, đáp ứng nhu cầu giữ gìn, kế thừa và phát triển văn hóa dân tộc, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Là một trung tâm đào tạo trọng điểm hàng đầu của cả nước trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình; có khả năng hội nhập và giao lưu quốc tế, đi đầu trong việc tiếp thu kinh nghiệm đào tạo trong lĩnh vực sân khấu - điện ảnh của các nước vận dụng vào thực tế Việt Nam.

Trải qua hơn 40 năm hình thành, phát triển Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội và hơn nửa thế kỷ sự nghiệp đào tạo đội ngũ nghệ sĩ trong các lĩnh vực sân khấu; điện ảnh; nhiếp ảnh; thiết kế mỹ thuật; múa và truyền hình... nhiều thế hệ sinh viên ra trường đã trở thành những nghệ sĩ tài năng, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có khả năng giữ gìn, kế thừa và phát triển văn hóa Việt Nam, góp phần quan trọng trong việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Có được những thành tựu đó là do tập thể lãnh đạo, cán bộ, viên chức, sinh viên Nhà trường đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ chiến lược, mang lại nhiều thay đổi tích cực. Những kết quả đáng khích lệ được thể hiện trong việc đa dạng hóa các loại hình đào tạo; cập nhật chương trình đào tạo; điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống giáo trình; không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy; tích cực trong các hoạt động nghiên cứu khoa học; phát triển đội ngũ, phát triển cơ sở vật chất phục vụ dạy và học.

Ý thức được việc kiểm định chất lượng giáo dục Trường là việc làm hết sức quan trọng, quyết định đến sứ mạng của trường nên trường ĐHSK-ĐA HN đã thực hiện việc tự đánh giá chất lượng giáo dục trường từ nhiều năm qua. Nhà trường đã tự nguyện đăng ký tự đánh và kiểm định chất lượng vào năm 2017 theo 10 tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT (ban hành theo Công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 9/5/2013 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT) và được công nhận là trường đại học đạt chất lượng giáo dục (Năm 2017, Nhà trường đã được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục ĐH Quốc gia Hà Nội cấp chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục).

Khoa Thiết kế Mỹ thuật của nhà trường đào tạo ở bậc Đại học 6 chuyên ngành: Hoạ sĩ thiết kế mỹ thuật Sân khấu, Thiết kế mỹ thuật phim truyện, thiết kế mỹ thuật phim Hoạt hình, Thiết kế Trang phục Nghệ thuật, Thiết kế Đồ họa Kỹ xảo và Nghệ thuật hóa trang (Chính quy 4 năm). Trực tiếp giảng dạy ở khoa là các giảng viên với bề dày kinh nghiệm ở lĩnh vực mỹ thuật Sân khấu, Điện ảnh, Hoạt hình, Thiết kế trang phục, Hóa trang và Đồ họa kỹ xảo - đồng thời là các giảng viên đã có thành tựu về mỹ thuật chuyên ngành (NSND-NSUT), được đánh giá cao bằng các giải thưởng trong nước và quốc tế.

Trong quá trình đào tạo, khoa thường xuyên tổ chức những đợt thi tuyển nhằm chọn ra những Sinh viên xuất sắc để đào tạo nâng cao trong nước và cử đi đào tạo tại các trường Nghệ thuật nổi tiếng ở nước ngoài. Đây sẽ là đội ngũ nghệ sĩ, cán bộ, giảng viên kế cận có kỹ năng trình độ lý luận chuyên môn cao. Khoa thường xuyên kết hợp với các chuyên gia nước ngoài tổ chức các chuyên đề mở rộng về nghiệp vụ chuyên môn giúp sinh viên nắm bắt nhanh nhạy với tiến bộ khoa học kỹ thuật, văn hóa cũng như các xu hướng nghệ thuật đương đại trên thế giới. Khoa có đội ngũ Giảng viên trẻ

được đào tạo từ trong nước và nước ngoài về Đồ họa kỹ xảo, đảm trách các phòng học Đồ họa vi tính- Đáp ứng tất cả các nhu cầu về thiết kế, kỹ xảo và hậu kỳ cho hai ngành Sân khấu và Điện ảnh. Sinh viên của khoa sau khi tốt nghiệp không chỉ có khả năng hoạt động đúng chuyên ngành tại các Nhà hát, hãng phim- Truyền hình, hãng phim Hoạt hình mà còn đầy đủ khả năng hoạt động chuyên môn tại các hãng, công ty quảng cáo, thiết kế tạo mẫu và các hãng, trung tâm Thời trang.

Ý thức được việc kiểm định chất lượng CTĐT là việc làm hết sức quan trọng, quyết định đến sứ mạng của của Nhà trường và khoa TKMT nên Trường ĐHSK-ĐA HN đã thực hiện việc tự đánh giá chất lượng và chuẩn bị cho quá trình kiểm định chương trình từ nhiều năm qua. Năm 2018, theo kế hoạch kiểm định được thông qua, Nhà trường đã tổ chức tập huấn cho toàn thể cán bộ giảng viên của nhà trường về công tác kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

Năm 2018, theo hướng dẫn của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, trường đã kiện toàn Hội đồng tự đánh giá CTĐT TKMT SKĐA và thực hiện quá trình tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn quy định bởi Thông tư này.

Trước những thách thức của thời đại, nhiều trường ĐH đa ngành cũng đào tạo các ngành gần gũi với trường, tạo cho trường ngày càng nhiều cạnh tranh và áp lực, đòi hỏi trường càng phải quyết tâm nâng cao chất lượng giáo dục đặc biệt là đối với CTĐT TKMT SKĐA. Việc thẳng thắn tự đánh giá chất lượng CTĐT của trường sẽ giúp nhận ra được các mặt tồn tại để từng bước khắc phục, đồng thời cũng chỉ ra những điểm mạnh để tiếp tục phát huy.

Qua quá trình nghiên cứu, thu thập và xử lý MC, viết bản thảo báo cáo, nghe ý kiến tư vấn của các chuyên gia, thảo luận và chỉnh sửa, Trường ĐHSK-ĐA HN, Khoa TKMT đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá CTĐT của TKMT SKĐA. Báo cáo tự đánh giá TKMT SKĐA đã mô tả rõ ràng và đầy đủ các hoạt động của CTĐT.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của Chương trình đào tạo Thiết kế Mỹ thuật Sân khấu-Điện ảnh (CTĐT TKMTSKĐA) được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội (ĐH SKĐAHN, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học tại Việt Nam. Các mục tiêu và CĐR được xây dựng và rà soát điều chỉnh trên cơ sở sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan như sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng lao động, giảng viên. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của CTĐT ngành Thiết kế mỹ thuật (bao gồm TKMT Hoạt hình, TKMT Điện ảnh, TKMT Sân khấu, TK Trang phục nghệ thuật, TK Đồ họa kỹ xảo, Hoá trang) được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học [H1.01.01.01]; mục tiêu của CTĐT hướng tới việc thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường [H1.01.01.02]. Cụ thể, SV sau khi tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học ngành Thiết kế mỹ thuật được trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật tại môi trường văn hoá nghệ thuật trong nước và hợp tác quốc tế [H1.01.01.03].

CTĐT đã được rà soát, điều chỉnh, để phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học SKĐAHN [H1.01.01.04]. Đặc biệt từ năm 2018, thực hiện hướng dẫn quy trình xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT của Trường Đại học SKĐAHN, Khoa Thiết kế mỹ thuật đã tổ chức xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT ngành Thiết kế mỹ thuật [H1.01.01.05]. Mục tiêu của CTĐT ngành Thiết kế mỹ thuật hiện tại phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. Mục tiêu đào tạo được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch đào tạo và luôn được cập nhật; phát triển theo hướng quốc tế hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội cũng như quy mô phát triển của Khoa TKMT và nhà Trường. Ngoài ra, Khoa liên tục cập nhật nâng cao phương pháp giảng dạy, rèn luyện kỹ

năng, kỹ thuật cho sinh viên từ các chương trình, giáo trình đào tạo mới nhất của các nước có chương trình đào tạo TKMT tiên tiến nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới của môi trường TKMT nói riêng và Mỹ thuật nói chung. Giai đoạn 2015-2020, Khoa đã lấy ý kiến đóng góp của chuyên gia, cơ quan quản lý chuyên môn, trưởng bộ môn, SV năm cuối, cựu SV và nhà tuyển dụng [H1.01.01.06]. Kết quả cho thấy tất cả đều đánh giá các kiến thức, kỹ năng, năng lực trong CDR, các học phần trong khung CTĐT đáp ứng được yêu cầu của xã hội, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội [H1.01.01.07]. Hiện nay, CTĐT ngành hoá trang chưa có SV tốt nghiệp, do đó Khoa chưa tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan để rà soát, điều chỉnh CTĐT.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành Thiết kế mỹ thuật được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ. Nội dung của CTĐT đã có sự nâng cấp, cải tiến cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát định kỳ lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT ngành Thiết kế mỹ thuật chưa được tiến hành thường xuyên, định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa cùng Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ. Nội dung của CTĐT liên tục được nâng cao, chỉnh sửa cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2021-2022, Khoa Mỹ thuật phối hợp với P. ĐT QLKH & HTQT định kỳ ít nhất 2 năm một lần rà soát CTĐT về các nội dung trong đó có mục tiêu đào tạo của chương trình sao cho phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, với Luật giáo dục đại học sửa đổi và đáp ứng tốt hơn nhu cầu xã hội cũng như xu hướng phát triển chung của thế giới.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở mục tiêu đào tạo, các CĐR của CTĐT trình độ cử nhân ngành Thiết kế mỹ thuật được xây dựng, ban hành và công bố vào các năm 2015, 2020 [H1.01.02.01]. [H1.01.02.02.DC]. [H1.01.02.03.DC]. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng bao gồm chuẩn về kiến thức, kỹ năng; năng lực tự chủ và trách nhiệm cũng như triển vọng việc làm trong tương lai. Trải qua các đợt rà soát, điều chỉnh trong các năm 2015, 2020, CĐR của CTĐT hiện nay bao gồm 6 CĐR về kiến thức, 5 CĐR về kỹ năng và 4 CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm như tổng hợp dưới đây:

Bảng 1.2.1: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Kiến thức	
	CĐR (01): Kiến thức về mỹ thuật (bao gồm mỹ thuật cơ bản, mỹ thuật thể hiện)
	CĐR (02) Kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành được đào tạo
	CĐR (03) Kiến thức liên ngành
	CĐR (04) Kiến thức về văn hoá, xã hội.
	CĐR (05) Kiến thức về khoa học, công nghệ.
	CĐR (06) Kiến thức tổng hợp về các ngành nghệ thuật
Kỹ năng	
	CĐR (07) Kỹ năng làm việc, sáng tạo độc lập
	CĐR (08) Kỹ năng làm việc nhóm
	CĐR (09) Kỹ năng tổng hợp dữ liệu
	CĐR (10) Kỹ năng phân tích
	CĐR (11) Kỹ năng thể hiện
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	CĐR (12) Có trách nhiệm với công việc
	CĐR (13) Có năng lực làm việc độc lập cũng như phối hợp tập thể
	CĐR (14) Có năng lực sáng tạo, phát hiện và áp dụng các kiến

	thức cũng như sáng tạo liên ngành vào chuyên ngành được đào tạo.
	CĐR (15) Có năng lực trong việc thể hiện các khả năng của bản thân, có trách nhiệm trong sáng tạo tập thể.
Triển vọng việc làm trong tương lai	
	Sinh viên có khả năng (năng lực) sẽ có khả năng và điều kiện làm việc trong các tổ chức, các ngành nghệ thuật.
	Có thể tự chủ, độc lập trong sáng tạo nghệ thuật tùy theo năng lực cá nhân.
	Có điều kiện tham gia các triển lãm, liên hoan nghệ thuật với tư cách là một thành viên của tổ chức hoặc cá nhân.

Như vậy, CĐR CTĐT TKMT bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT của Khoa thiết kế mỹ thuật. Trong đó, phần kiến thức cũng chỉ rõ các chuẩn kiến thức chung của Trường, các chuẩn kiến thức về kiến thức chung và có các yêu cầu chuyên biệt là kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành. Trong chuẩn đầu ra về kỹ năng cũng thể hiện rõ cả kỹ năng chung và kỹ năng chuyên ngành. Các CĐR của ngành đều gắn với mục tiêu của CTĐT [**H1.01.02.04.DC**].

Đối với các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt, quá trình xây dựng CTĐT đảm bảo việc sinh viên được tiếp cận kiến thức và kỹ năng từ nền tảng đến chuyên sâu. CĐR của CTĐT TKMT hiện nay được thực hiện thông qua 210 học phần đối với chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật Sân khấu và 215 học phần đối với chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật Điện ảnh (tương đương 140 tín chỉ đối với chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật Sân khấu và 144 tín chỉ đối với chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật Điện ảnh, không tính các học phần GDTC và GDQP), cụ thể:

Đối với chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật Sân khấu:

72 học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, chiếm 34 %; 36 học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, chiếm 17 %; 82 học phần về kiến thức chuyên ngành, chiếm 39%, 10 học phần thực tập giữa khoá, chiếm 5 %; 10 học phần tốt nghiệp, chiếm 5 %.

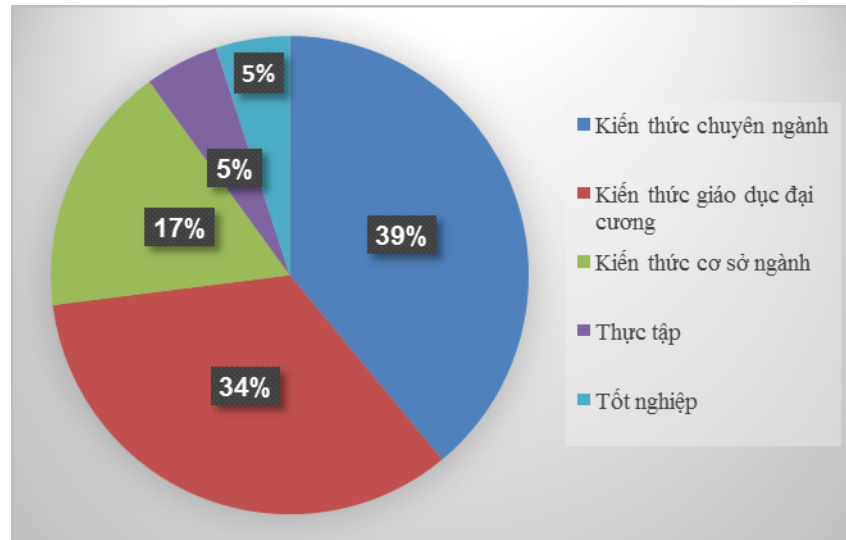
Đối với chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật Điện ảnh:

70 học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, chiếm 32 %; 46 học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, chiếm 21 %; 79 học phần về kiến thức chuyên

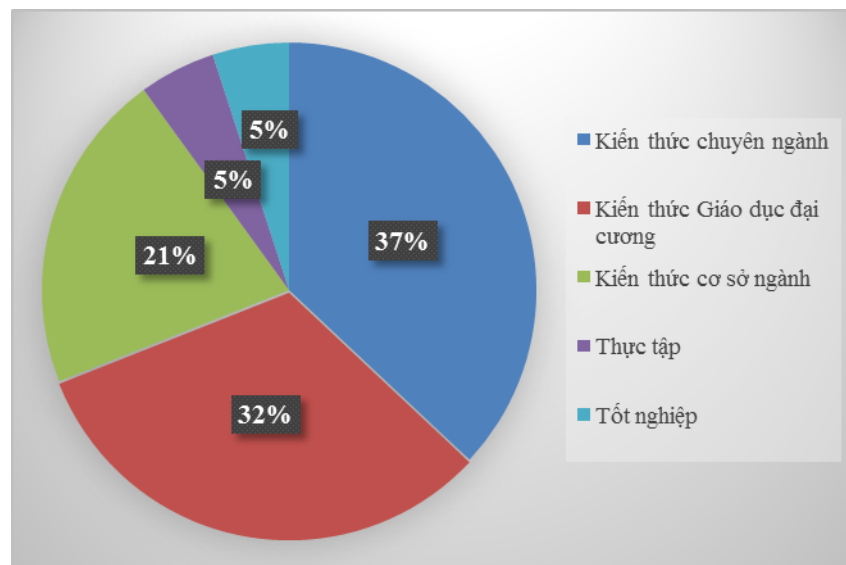
ngành, chiếm 37%, 10 học phần thực tập giữa khoá, chiếm 5 %; 10 học phần tốt nghiệp, chiếm 5 %.

Cấu trúc học phần của CTĐT theo khối kiến thức được thể hiện ở hình 1.2.1 dưới đây:

Chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật Sân khấu:



Đối với chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật Điện ảnh:



(Hình minh hoạ 1.2.1)

Các học phần về kiến thức chung và kiến thức ngành đáp ứng việc đạt các kiến thức – kỹ năng ở cấp độ nền tảng (ví dụ từ CĐR 01 đến CĐR 07), được thiết kế tập trung trong 1,5 đến 2 năm học đầu tiên [H1.01.02.02.DC]. Sau khi đạt được các học phần nền tảng, người học mới tiếp cận các môn học chuyên ngành nhằm đạt được các CĐR tổng quát hay CĐR chuyên ngành ở cấp độ chuyên sâu hơn.

Các CĐR của CTĐT khái quát các kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp người học trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao trong ngành mỹ thuật. Đặc biệt, sau khi tốt

nghiệp cử nhân chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật SV có thể đảm nhận công việc của hoạ sỹ thiết kế, hoạ sỹ trang phục, hoạ trang trong các phim, các dự án nghệ thuật, các chương trình truyền hình, sân khấu, nghiên cứu lĩnh vực mỹ thuật hoạt hình, điện ảnh, sân khấu. Tuy nhiên, CDR cho từng môn học mới chỉ được phản ánh dưới dạng mục tiêu của từng môn học [H1.01.02.05].

Khoa Thiết kế mỹ thuật còn thực hiện việc khảo sát nhà tuyển dụng, các giảng viên, các chuyên gia và cựu SV về CDR thông qua buổi tọa đàm về CTĐT. Kết quả cho thấy các đối tượng tham gia khảo sát đều đánh giá CDR đáp ứng được yêu cầu người học cũng như yêu cầu tại đơn vị tuyển dụng [H1.01.02.06].

2. Điểm mạnh

CTĐT ngành TKMT SKĐA được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT và xác định cụ thể mức năng lực mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, bao gồm cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt. Người học có thể tiếp cận tốt nhất các kiến thức và kỹ năng chuyên ngành được phân bổ khoa học trong suốt quá trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát CTĐT chưa được thực hiện định kỳ, việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong quá trình rà soát CTĐT chưa được tổ chức quy mô.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa Mỹ thuật phối hợp với các khoa chuyên môn trong trường tiếp tục thực hiện đúng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cho SV theo CDR đã xây dựng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Phòng ĐT, QLKH & HTQT, Phòng KT & ĐBCLGD phối hợp với Khoa TKMT ban hành hướng dẫn về phương pháp và công cụ đo lường mức độ đạt được của CDR, trên cơ sở đó tổ chức đánh giá, rà soát lại CDR của CTĐT và có đề xuất điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động. Từ năm 2022 trở đi, Khoa Mỹ thuật chủ động xây dựng và củng cố kênh tiếp cận với các bên liên quan, nhất là với cựu người học, nhà tuyển dụng để tăng cường mức độ đóng góp thiết thực nhất vào quá trình điều chỉnh, cập nhật CDR.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

CDR của CTĐT trình độ đại học ngành Thiết kế mỹ thuật phản ánh được yêu cầu

của các bên liên quan. Căn cứ vào hướng dẫn xây dựng CĐR được Trường ban hành, ý kiến khảo sát của các bên liên quan, khảo sát nhu cầu thị trường lao động, khoa Mỹ thuật đã tiến hành họp xây dựng và thống nhất CĐR [H1.01.03.01] [H1.01.03.07.DC]. Do CĐR được rà soát, điều chỉnh theo ý kiến của các bên liên quan nên CĐR của CTĐT cử nhân ngành Thiết kế mỹ thuật ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp các SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình [H1.01.03.03.DC] [H1.01.03.04.DC].

CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành Thiết kế mỹ thuật được định kỳ rà soát điều chỉnh 2 năm 1 lần. Theo đó, sau khi ban hành CĐR vào năm 2017, đến năm 2019, Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT phối hợp với khoa Mỹ thuật đã tiến hành rà soát và điều chỉnh CTĐT toàn Trường, trong đó có CTĐT các chuyên ngành của khoa Mỹ thuật. Việc rà soát điều chỉnh được thực hiện theo trình tự như sau: Lấy ý kiến đánh giá của cựu sinh viên, nhà sử dụng lao động [H1.01.03.04.DC], tổng hợp thực trạng nhu cầu nhân lực trên thị trường [H1.01.03.05]. Sau khi tổng hợp ý kiến của các bên có liên quan [H1.01.03.07.DC], Khoa tiến hành so sánh với CTĐT của 02 trường có CTĐT cùng chuyên ngành (trường Đại học Sân khấu Điện ảnh TP Hồ Chí Minh và Đại học Mỹ thuật công nghiệp) [H1.01.03.06.DC]. Tiếp đến Khoa tiến hành tổng hợp, phân tích, đánh giá việc điều chỉnh bổ sung CĐR áp dụng cho khóa học kế tiếp, cuối cùng là trình Hiệu trưởng ký ban hành và công bố công khai [H1.01.02.01.DC] [H1.01.03.08.DC].

CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành Thiết kế mỹ thuật được công bố công khai, rộng rãi thông qua website của trường, khoa và sổ tay SV, giúp GV, người học, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận được CĐR của CTĐT [H1.01.03.02.DC].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHKĐAHN đã tiến hành rà soát, điều chỉnh toàn bộ chương trình đào tạo, CĐR của các ngành học trong đó có Khoa Mỹ thuật. Việc điều chỉnh đảm bảo phù hợp với các văn bản quy định như Luật giáo dục đại học, Khung trình độ Quốc gia.

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Khoa Mỹ thuật được công bố công khai rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Điểm tồn tại

Việc trao đổi, hợp tác, phản hồi của các bên liên quan về CĐR của Khoa Mỹ thuật chưa được tổ chức quy mô, định kỳ, đối tượng các bên liên quan góp ý cho CĐR chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa TKMT phối hợp với P.Đào tạo

QLKH&HTQT tiếp tục giữ mối liên kết, hợp tác với các bên liên quan (SV, cựu SV, nhà tuyển dụng, giảng viên...) để rà soát, trao đổi và xây dựng những nguyên tắc liên quan đến CDR của CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT (ít nhất 2 năm 1 lần) chủ động lên kế hoạch định kỳ rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT ngành TKMT SKĐA đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. CDR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc cố vấn học tập. SV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như phẩm chất cá nhân cần thiết. CDR ngành TKMT SKĐA được công bố công khai đến từng sinh viên thông qua trang học tập cá nhân trên hệ thống website của Trường ở mỗi kì học, mỗi năm học.

Tuy nhiên, việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CDR của CTĐT mới chỉ được thực hiện theo hướng dẫn, quy định của nhà trường. Khoa chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học, cũng như chưa thiết lập được kênh thông tin riêng như website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 1:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 1		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 1.1				x				4.00	3	100
Tiêu chí 1.2				x						
Tiêu chí 1.3				x						

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT trình độ cử nhân ngành Thiết kế mỹ thuật được xây dựng theo các quy định, hướng dẫn của Bộ GD &ĐT, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Trường ĐHSKĐAHN và khoa Sân khấu. Bản mô tả CTĐT cung cấp cho các bên liên quan các thông tin về CTĐT, dự kiến kết quả đầu ra, cấu trúc khoá học, CĐR của CTĐT và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/ đánh giá học phần. ĐCHP được chuẩn hoá, đầy đủ thông tin và cập nhật. Bản mô tả và ĐCHP của CTĐT được công bố công khai qua nhiều kênh thông tin của Nhà trường và Khoa giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT trình độ cử nhân ngành Thiết kế mỹ thuật có đầy đủ thông tin và cập nhật cùng với thời điểm chỉnh sửa, rà soát, cập nhật CTĐT. Năm 2015 được chỉnh sửa, rà soát. Năm 2019, sau hoạt động đánh giá ngoài cơ sở giáo dục của Trường, CTĐT ngành Thiết kế mỹ thuật được cập nhật, điều chỉnh **[H2.02.01.01]**. Bản mô tả CTĐT thể hiện đầy đủ các nội dung: Tóm tắt mục tiêu đào tạo; CĐR; cấu trúc khóa học; nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của chương trình; bản mô tả các học phần. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin liên quan như: Tên cơ sở GDĐT, mục tiêu đào tạo, tiêu chí tuyển sinh, thông tin về CĐR, cấu trúc khóa học, số đơn vị học phần (số tín chỉ tương đương), nội dung học phần giúp người học có cái nhìn tổng quát về CTĐT **[H2.02.01.02]**.

Bản mô tả CTĐT có sự cập nhật và điều chỉnh những nội dung mới nhất có liên quan của CTĐT. Bên cạnh kiến thức, chương trình còn thể hiện các kỹ năng mà người học đạt được khi tốt nghiệp **[H2.02.01.03]**. Đồng thời, chương trình được cập nhật, chỉnh sửa trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của GV, của cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, nhà quản lý nhằm đảm bảo chương trình mang tính thực tiễn, phản ánh nhu cầu xã hội **[H2.02.01.04]**. Từ năm học 2020, do điều kiện dịch bệnh, CTĐT được thực hiện chủ yếu bằng hình thức dạy học trực tuyến. Điều này cần phải được nghiên cứu và cập nhật thêm trong Bản mô tả CTĐT về tình huống này, nhất là vấn đề phương pháp đánh giá KQHT.

2. Điểm mạnh

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT của Khoa Mỹ thuật đảm bảo tính đầy đủ

và tường minh, các nội dung đảm bảo theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường ĐH SKĐAHN và phù hợp với nhu cầu của người học, nhà tuyển dụng. Ma trận CDR thể hiện rõ mức độ đóng góp của từng học phần trong chương trình và được cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết của từng học phần.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT chưa được cập nhật thêm các nội dung liên quan đến việc tổ chức học trực tuyến do dịch bệnh COVID-19 hoặc các yếu tố phải tiến hành thực hiện CTĐT không theo cách thức truyền thống.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2021-2022, Khoa TKMT tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung bản mô tả CTĐT, ma trận CDR theo định kỳ trên cơ sở ý kiến các bên liên quan, đảm bảo tính cập nhật gắn liền với yêu cầu thực tiễn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT phối hợp với Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT, Phòng CT HSSV mở rộng quy mô lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan về số lượng người tham gia khảo sát và phạm vi thực hiện khảo sát. Từ năm 2022, P. ĐT QLKH&HTQT bám sát hướng dẫn trong Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học để tổ chức rà soát CTĐT và cập nhật Bản mô tả CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương các học phần của CTĐT được Khoa Kỹ thuật xây dựng theo quy trình được hướng dẫn tại các văn bản của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Sơn khấu - Điện ảnh Hà Nội [H2.02.01.01.DC] [H2.02.02.01]. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và thể hiện ở các mục tiêu và CDR của từng học phần [H1.01.02.02.DC] [H2.02.02.02]. Tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT cung cấp đầy đủ thông tin bao gồm: tên đơn vị; tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; tên môn học/học phần; số đơn vị học trình (số tín chỉ tương đương); mục tiêu, CDR của môn học/học phần, các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo [H2.02.02.03].

Tất cả đề cương môn học/học phần được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh

mục tài liệu. Tất cả những chi tiết điều chỉnh và cập nhật này được đưa ra dựa trên ý kiến khảo sát từ GV, SV năm cuối, các cựu SV, các nhà quản lý và các nhà tuyển dụng lao động nhằm hướng tới mục tiêu giáo dục phải bám sát và đáp ứng được các nhu cầu của xã hội [H2.02.02.04]. Tuy nhiên, vì ảnh hưởng của dịch Covid nên đề cương các môn học chưa cập nhật phần các phương pháp đánh giá KQHT của người học khi học trực tuyến. Ngoài ra một số ngành học trong CTĐT (Nghệ thuật Hóa trang) chưa có sinh viên tốt nghiệp nên chưa tổ chức rà soát, đánh giá cũng như chỉnh sửa sau khi có kết quả khảo sát đầy đủ từ các bên liên quan.

2. Điểm mạnh

Các đề cương học phần có đầy đủ thông tin và liên tục được kiểm tra, cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

3. Điểm tồn tại

Các tài liệu tham khảo trong đề cương môn học chưa phong phú, ngoài ra, vấn đề thực hành của sinh viên tại các cơ quan, tổ chức nghệ thuật liên quan đến chuyên ngành học chưa đa dạng, chưa thực sự đáp ứng tốt nhu cầu tìm hiểu, tham khảo, học tập. Các đề cương chưa xây dựng ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa TKMT chuẩn hóa mẫu ĐCCT học phần theo mẫu mới (điều chỉnh chung theo kế hoạch của Trường rà soát thực hiện Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT); tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật phù hợp với mục tiêu của CTĐT và yêu cầu thực tiễn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT phối hợp với phòng Đào tạo, QLKH & HTQT cập nhật chi tiết hơn về phương pháp dạy, kiểm tra, đánh giá người học trong các đề cương học phần (có bổ sung tình huống học trực tuyến). Năm 2022, Khoa MT chủ động yêu cầu các giảng viên xây dựng ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR trong đề cương môn học.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học/ học phần ngành Thiết kế mỹ thuật SKĐA được công khai bằng nhiều hình thức khác nhau [H1.01.03.02.DC]. Để tạo điều kiện cho các đối tượng liên quan có quan tâm dễ tiếp cận CTĐT và đề cương học phần, Khoa Mỹ thuật đã đăng tải CTĐT và đề cương các khóa lên website của Trường

[H1.01.02.02.DC] [H2.02.03.01]

Bên cạnh đó, những điều chỉnh trong Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được Nhà trường thông báo cho cán bộ GV và SV. Những điều chỉnh đều được cập nhật trên website của Nhà trường để cán bộ, SV và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành học biết và thực hiện **[H2.02.03.02]**

Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần bằng nhiều hình thức đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học **[H2.02.03.03]**

Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần trước khi công bố công khai đều được phản biện bởi hội đồng KHĐT của Khoa, các chuyên gia trong và ngoài trường. Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần được điều chỉnh định kỳ dựa trên việc thu thập ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu SV, SV năm cuối. **[H2.02.03.04]**

2. Điểm mạnh

Mọi thông tin trong bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần được công bố kịp thời, rộng rãi và công khai qua nhiều kênh khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu SV chưa cụ thể, chi tiết và sâu rộng.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa TKMT, P. CTHSSV, P. Đào tạo, QLKH & HTQT tiếp tục công bố rộng rãi và công khai bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần lên website của trường, của Khoa Kỹ thuật, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận bằng cách truy cập trang Web của Trường hoặc tham gia thực hiện các khảo sát, đánh giá CTĐT và các đề cương học phần.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa Kỹ thuật, P. Khảo thí & ĐBCLGD, P.CTHSSV, Phòng Đào tạo, QLKH& HTQT phối hợp xây dựng cơ chế đánh giá mức tiếp cận của các bên liên quan và định kỳ đánh giá hàng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

CTĐT trình độ đại học ngành Thiết kế mỹ thuật SKĐA của khoa Thiết kế mỹ thuật có bản mô tả CTĐT và các ĐCHP được xây dựng, điều chỉnh, cập nhật theo định kỳ và theo xu hướng mới về đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực sân khấu, kịch, điện

ảnh, truyền hình. Các thông tin trong bản mô tả CTĐT được công bố công khai, đầy đủ, rộng rãi và kịp thời. Quá trình xây dựng, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật CTĐT đều căn cứ theo quy định chung của BGDĐT. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như đóng góp, xây dựng của hội đồng khoa học khoa, cựu SV, giảng viên, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Bản mô tả CTĐT được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình. Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ, được công bố công khai và dễ tiếp cận để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học.

Tuy nhiên Khoa Thiết kế mỹ thuật chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các bên liên quan đối với CTĐT, do đó số lượng các bên liên quan để lấy ý kiến phản hồi về bản mô tả CTĐT và đề cương học phần chưa được chuyên sâu.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 2:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 1		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 2.1				x				4.0	3	100
Tiêu chí 2.2				x						
Tiêu chí 2.3				x						

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình dạy học xác định rõ mục tiêu chung của ngành, mục tiêu cụ thể của từng học phần và đạt được CĐR trong CTĐT trình độ đại học ngành TKMT SKĐA. Cấu trúc, trình tự của các học phần ngành ngành TKMT SKĐA được thiết kế hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Bộ GD&ĐT và Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành Thiết kế mỹ thuật, hướng đến thực hiện mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường. Các học phần trong CTĐT được sắp xếp cụ thể theo từng học kỳ, đảm bảo tính hợp lý và logic đồng thời mỗi học phần đều đáp ứng một hoặc nhiều tiêu chí trong CĐR. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc khoa học, logic, theo trình tự từ thấp lên cao và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Bắt đầu từ năm 2018, chương trình dạy học đại học ngành Thiết kế mỹ thuật SKĐA được thiết kế dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Đồng thời, việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học thuộc tất cả các môn học/học phần trong chương trình dạy học là phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR.

Chương trình được xây dựng và điều chỉnh dựa trên các ý kiến đóng góp của GV trong khoa, Hội đồng Khoa [H3.03.01.01], kết quả phản hồi của các bên liên quan [H3.03.01.02] để đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR. CTDH đảm bảo việc đạt được chuẩn đầu ra của ngành Thiết kế mỹ thuật thể hiện cụ thể thông qua bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần [H3.03.01.03], ma trận kỹ năng; hồ sơ giảng dạy của GV; tài liệu bài giảng [H3.03.01.04] và mô tả chuẩn đầu ra của CTĐT gồm: mục tiêu đào tạo; chuẩn đầu ra của ngành và chuẩn đầu ra của mỗi học phần; nội dung đào tạo; phương pháp kiểm tra đánh giá người học và thời lượng đào tạo của ngành và mỗi học phần.

Chương trình dạy học phù hợp với mục tiêu của chương trình đào tạo, thể hiện trong nội dung từng học phần và từng khối kiến thức. Đảm bảo các học phần bổ sung, hỗ trợ nhau và liên quan chặt chẽ với nhau, đan xen quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng. Trình tự thực hiện các khối kiến thức và các học phần đạt CĐR một cách tối ưu. Cụ thể, chương trình của ngành Thiết kế mỹ thuật hiện nay được thiết kế tập trung vào các khối kiến thức chung đại cương, khối kiến

thức ngành bao gồm kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành (gồm các môn học bắt buộc và tự chọn); đồ án tốt nghiệp. Bên cạnh đó là các học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng. Chủ đề của CĐR CTĐT bám sát 4 trụ cột chính là khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp. **[H3.03.01.05.** Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các môn học/học phần trong CTĐT ngành Thiết kế mỹ thuật phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, điều này được thể hiện rất chi tiết và rõ ràng ở bản mô tả CTĐT và bản mô tả học phần **[H3.03.01.06]**. Bên cạnh đó, kế hoạch giảng dạy của Nhà trường thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện chương trình dạy học **[H3.03.01.07]** .

2. Điểm mạnh

Cấu trúc của chương trình dạy học trình độ đại học ngành Thiết kế mỹ thuật được thiết kế đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức chung, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành nhằm đạt mục tiêu của CĐR. Các đề cương chi tiết trong từng học phần đều thể hiện tính gắn kết giữa dạy-học và đánh giá để đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

CTĐT chưa được xây dựng theo phương thức đào tạo tín chỉ; chưa thực hiện việc đối sánh, đánh giá về hiệu quả của CTĐT sau khi thực hiện rà soát, bổ sung, sửa đổi.

Việc lấy ý kiến phản hồi về chương trình dạy học chưa được thực hiện định kỳ, bài bản.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Phòng ĐT, QLKH & HTQT phối hợp với TKMT định kỳ rà soát cấu trúc chương trình dạy học hợp lý hơn nữa để phát huy tính gắn kết chặt chẽ giữa dạy – học nhằm đạt được CĐR ngày một cao hơn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, định kỳ 2 năm 1 lần, Phòng ĐT, QLKH & HTQT phối hợp với TKMT kết hợp với các nhà khoa học, GV, các nhà tuyển dụng và cựu SV để lấy ý kiến điều chỉnh, xây dựng chương trình dạy học được hoàn thiện hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ 100% các môn học, học phần trong chương trình dạy học có sự tương

thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CĐR. Cụ thể, mỗi học phần được phân nhiệm theo ma trận CĐR của CTĐT, trên cơ sở đó cụ thể hóa các mục tiêu và CĐR chi tiết của từng học phần nhằm đáp ứng CĐR được phân nhiệm. Các học phần xác định rõ nội dung, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy được chi tiết hóa và ứng với từng chủ đề CĐR của học phần. Các học phần theo các khối kiến thức (kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành) được phân chia theo nội dung giảng dạy, thời lượng, thời gian giảng dạy phù hợp theo khung của CTĐT và dựa trên cơ sở của độ khó học phần để phân nhiệm mục tiêu học phần cần đạt theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp cụ thể đã xác định trong CTĐT. [H3.03.02.01]

Mặt khác, 100% các môn học, học phần trong chương trình dạy học xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đạt được CĐR, cụ thể như sau: Tất cả các học phần trong CTĐT đều có đề cương chi tiết, do GV của các bộ môn biên soạn theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT. Mỗi đề cương đều có đầy đủ thông tin về đơn vị đào tạo, thông tin về học phần, thông tin về tổ chức dạy và học; mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần, giáo trình sử dụng và danh mục tài liệu tham khảo [H3.03.02.02].

Thông qua việc kiểm tra, đánh giá điểm quá trình, điểm kết thúc học phần và điểm bài tốt nghiệp của các SV để đo lường mức độ đạt được chuẩn kiến thức của mỗi môn học cơ bản đã đạt yêu cầu, chứng tỏ mỗi học phần đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được CĐR của chương trình [H3.03.02.03]. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, nhất là ý kiến của các DN về chuẩn đầu ra và chương trình dạy học đạt CĐR chưa được thực hiện định kỳ và rộng rãi. Việc bổ sung cách thức đánh giá trong học trực tuyến chưa được thực hiện.

2. Điểm mạnh

Các học phần trong chương trình dạy học được cấu trúc thành từng khối gắn kết giữa các kiến thức chung, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành. Nội dung chi tiết của từng học phần trong chương trình dạy học thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần, phương pháp đánh giá và thể hiện được sự gắn kết của học phần với các khối kiến thức khác đảm bảo quá trình dạy - học và có nội dung bao trùm các CĐR của chương trình dạy học.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt ý kiến của các nhà tuyển dụng thực

hiện chưa thường xuyên. CTĐT ngành Thiết kế mỹ thuật chưa thực hiện định kỳ tự đánh giá, điều này ảnh hưởng đến việc rà soát, bổ sung kịp thời các nội dung còn thiếu để đạt được CDR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022 và thực hiện định kỳ 2 năm/1 lần, Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT phối hợp với Khoa TKMT tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan trong việc hoàn thiện chương trình thường xuyên hơn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT xây dựng kế hoạch cải tiến chương trình dạy học thể hiện rõ hơn mục tiêu, yêu cầu của học phần, hoàn thiện hơn nữa phương pháp đánh giá nhằm đảm bảo quá trình dạy - học đạt được mục tiêu đề ra.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

Các học phần trong chương trình dạy học trình độ đại học ngành Thiết kế mỹ thuật được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình thành một khối thống nhất, cụ thể:

Từ năm học 2018, chương trình dạy học (CTDH) ngành Thiết kế mỹ thuật cấu trúc và trình tự logic hơn những năm trước đó. Các học phần thuộc khối kiến thức đại cương được tiến hành từ học kỳ I đến học kỳ VII; khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được tiến hành từ học kỳ I. đến học kỳ VIII đảm bảo tính hợp lý và logic; thực tập chuyên ngành được tiến hành vào kỳ VII. **[H3.03.03.01]**. 100% các môn học, học phần trong chương trình dạy học được bố trí hợp lý (học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/ học kỳ thực hiện) **[H3.03.03.02]**. Chương trình dạy học ngành Thiết kế mỹ thuật được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật vào năm 2014, năm 2018 tiếp tục được rà soát và điều chỉnh **[H3.03.03.03]**

2. Điểm mạnh

CTDH của các học phần trong CTĐT ngành Thiết kế mỹ thuật có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các qui định trong CDR của CTĐT Thiết kế mỹ thuật.

3. Điểm tồn tại

CTDH chưa được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật định kỳ theo quy định tối thiểu 2 năm một lần. Chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên

quan về hiệu quả của CTDH.

4. Kế hoạch hành động:

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa TKMT tiếp tục phát huy sự gắn kết liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành CTDH của các học phần trong CTĐT ngành Thiết kế mỹ thuật; bố trí hợp lý các học phần trong CTDH.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT xây dựng kế hoạch về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm đánh giá một cách toàn diện hơn về hiệu quả triển khai CTDH ngành Thiết kế mỹ thuật để kịp thời có những điều chỉnh, cải tiến CTDH, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Bên cạnh đó, Ban chủ nhiệm khoa sẽ tập trung chỉ đạo GV thực hiện CTDH phải thường xuyên trao đổi thông tin để biết các nội dung cần phải điều chỉnh nhằm đạt được mục tiêu học phần và các tuyên bố của CDR CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Kết luận Tiêu chuẩn 3:

Chương trình dạy học xác định rõ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của mỗi học phần trong việc đạt CDR. Nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần cũng được xác định rõ. Cấu trúc, trình tự của các học phần theo các nhóm kiến thức chung, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành, bài tốt nghiệp được sắp xếp cụ thể theo từng học kỳ có tính logic cao. Các học phần và nội dung học phần có hệ thống tích hợp liên quan chặt chẽ với nhau được thiết kế và mô tả trong chương trình; đội ngũ GV được bồi dưỡng và tập huấn thường xuyên và có sự kiểm tra chặt chẽ của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. Tuy nhiên việc lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động nhằm phục vụ cho việc điều chỉnh CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, định kỳ.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 3:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 3		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 3.1				x				4.0	3	100
Tiêu chí 3.2				x						
Tiêu chí 3.3				x						

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Năm 2017, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội tuyên bố triết lý giáo dục của Nhà trường là: **“Sáng tạo, chuyên nghiệp; bảo tồn, phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại”**, từ đó trong hoạt động đào tạo của Trường nói chung, ngành TKMT SKĐA nói riêng có sự điều chỉnh, hướng đến mục tiêu đào tạo những con người có đạo đức, trí tuệ, bản lĩnh để tư duy độc lập, chuyên nghiệp; biết sáng tạo để làm giàu mạnh những giá trị bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc; có đủ năng lực hội nhập; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại và quảng bá giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam ra thế giới. Khoa Thiết kế mỹ thuật luôn coi trọng việc xây dựng chiến lược dạy và học theo hướng lấy người học làm trung tâm, giảng viên đóng vai trò dẫn dắt, truyền cảm hứng học tập và phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của sinh viên. GV sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Tiêu chí: 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Năm học 2018-2019, CTĐT của ngành Thiết kế mỹ thuật được rà soát, các nội dung cơ bản của triết lý giáo dục Nhà trường được đưa vào mục tiêu của CTĐT ngành Thiết kế mỹ thuật [H4.04.01.01]; hoạt động rà soát tập trung chủ yếu vào công tác điều chỉnh khung CTĐT, điều chỉnh phân kỳ của học phần và điều chỉnh bổ sung nội dung giảng dạy [H4.04.01.02]

Đối với giảng viên, triết lý giáo dục cũng như mục tiêu đào tạo và CDR được các GV thấm nhuần trong quá trình xây dựng CTĐT, xây dựng bản mô tả CTĐT đảm bảo tính logic của những học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương học phần [H4.04.01.03]

Đối với SV, ngay từ khi SV năm thứ nhất nhập trường, triết lý giáo dục được phổ biến tới SV trong đợt học chính trị đầu năm dành cho tân SV, đồng thời giới thiệu về ngành đào tạo, và mục tiêu đào tạo ngành Thiết kế mỹ thuật cho SV của Khoa. Ngoài ra, Đoàn thanh niên cấp Trường và cấp Khoa cũng tổ chức các buổi tọa đàm và đối thoại giúp SV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động, tích cực của SV trong quá trình học tập [H4.04.01.04]

Hàng năm, công tác lấy ý kiến phản hồi của SV cuối khóa về các hoạt động của Nhà trường, ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV Trường,

Khoa cũng như việc lấy ý kiến của các bên liên quan về triết lý giáo dục được tiến hành khảo sát đo lường về mức độ hài lòng [H4.04.01.05]. Kết quả khảo sát đối với triết lý giáo dục của CTĐT ngành, hoạt động dạy-học của GV, SV khoa được đánh giá từ mức hài lòng trở lên.

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới SV và GV thông qua nhiều hình thức như website Trường, tập huấn, diễn đàn, các văn bản hướng dẫn, sổ tay sinh viên, v.v., đồng thời có khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Triết lý giáo dục/ mục tiêu của CTĐT được công bố cho các nhà tuyển dụng nhưng mới chỉ giới hạn ở ở một số đơn vị (nhà tuyển dụng chỉ được giới thiệu mục tiêu giáo dục khi tham gia giảng dạy, xây dựng CTĐT hoặc tham dự các buổi hội thảo, hội nghị hoặc các cuộc họp rà soát CTĐT). Nhà trường chưa nhận được nhiều phản hồi của đông đảo các nhà tuyển dụng trong cả nước.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa TKMT, phòng Đào tạo, NCKH&HTQT tiếp tục thực hiện các kế hoạch truyền thông về CTĐT của Khoa để thường xuyên chuyển tải triết lý/ mục tiêu giáo dục của Trường/ Khoa đến các bên liên quan; tổ chức nghiên cứu mức độ tiếp nhận triết lý và mục tiêu giáo dục từ các bên liên quan để cải tiến và đa dạng hơn các phương thức truyền thông cho nội dung này.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT tổ chức ít nhất một buổi tọa đàm thường niên với các nhà tuyển dụng để giới thiệu về triết lý giáo dục/mục tiêu CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình, CDR CTĐT cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Để đạt được mục tiêu đào tạo và CDR đã được công bố, hoạt động đào tạo của Khoa Mỹ thuật được áp dụng theo các chuẩn chung về CTĐT và đánh giá kết quả học tập theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khoa không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học [H4.04.02.01].

Các hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR, CTĐT được

Hội đồng KHĐT của khoa cập nhật, bổ sung và điều chỉnh theo định kỳ 2 năm 1 lần, cùng với sự điều chỉnh của toàn Trường nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước [H4.04.02.02]. Từ năm học 2018-2019, việc rà soát CTĐT, nội dung, phương pháp giảng dạy được tiến hành nghiêm túc, có tính cập nhật, đổi mới [H4.04.02.03].

Từ năm 2020, Bản mô tả CTĐT ngành Thiết kế mỹ thuật được xây dựng, ban hành, CTĐT được rà soát và phát triển theo hướng tăng cường phát triển năng lực của người học [H4.04.02.04]. Theo đó, CDR CTĐT ngành Thiết kế mỹ thuật chú trọng đến nâng cao tỷ lệ thực hành, thực nghiệm, thực tập rèn nghề cho SV, tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần, đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn thế giới việc làm, đồng thời đưa ra khỏi chương trình những kiến thức cũ, lỗi thời không còn phù hợp [H4.04.02.05].

Để hoạt động dạy học đạt hiệu quả cao nhất, mang lại lợi ích lớn nhất cho sinh viên, Khoa Mỹ thuật đã triển khai các phương pháp giảng dạy đa dạng, linh hoạt và hiệu quả. Các phương pháp dạy-học phổ biến gồm học trên lớp, các giờ ngoại khóa, áp dụng hệ thống phương pháp đào tạo trên nền tảng trực tuyến (khi phải giãn cách xã hội do dịch bệnh Covid-19...); hình thức thi hết môn thường là thể hiện phác thảo theo một tác phẩm văn học, điện ảnh, hoạt hình hoặc sân khấu. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng được hiển thị trong các đề cương môn học. Những giờ tự học và thực hành được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học [H4.04.01.02.DC].

Bên cạnh đó, các môn học cơ sở ngành được bố trí song song với các môn kiến thức cơ bản ngay từ những kỳ học đầu tiên (những môn học này sinh viên các ngành được học chung với nhau), điều này giúp cho các sinh viên thiết lập sự tương tác giữa các sinh viên khác chuyên ngành; giữa việc tiếp cận những kiến thức mang tính lý luận chính trị với những kiến thức đặc thù nghề nghiệp [H4.04.02.06]. Việc bố trí các môn học như vậy vừa tạo cho các sinh viên có kiến thức mang tính nền tảng lý luận, phương pháp học tập khoa học, vừa giúp các em có hứng thú để tiếp cận với môn học chuyên ngành [H4.04.02.07].

Cách thức giảng viên hướng dẫn người học được đặc biệt chú ý và thay đổi theo mỗi nhóm sinh viên hoặc mỗi sinh viên. Chẳng hạn, trong giảng dạy các môn chuyên ngành, giảng viên phải phát hiện các khả năng từng sinh viên hoặc nhóm sinh viên để đưa ra điều chỉnh phù hợp giúp sinh viên cải thiện các nhược điểm đó đồng thời phát huy các thế mạnh khác của bản thân. Người học được tiếp cận chương trình học tập do GV công bố ngay khi bắt đầu môn học, được tham gia các hình thức học

tập đa dạng như: Lý thuyết và thực hành được đan xen lẫn nhau giúp đạt được CĐR. Có năng lực độc lập sáng tạo, thể hiện vai trò của Thiết kế mỹ thuật trong các tác phẩm hoạt hình, điện ảnh, sân khấu. Nhanh chóng thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp; có khả năng chịu được áp lực công việc cao. Có khả năng tư duy, tìm kiếm, tổng hợp các sự kiện trong xã hội, các thông tin liên quan đến ngành; phân tích và xử lý thông tin để thực hiện các nhiệm vụ chuyên ngành. **[H3.03.03.01.DC] [H3.03.03.02.DC] [H4.04.02.08]**. Tỷ lệ 90-95% sinh viên hài lòng về phương pháp giảng dạy của GV. Như vậy, số liệu trên cho thấy rằng không có nhiều trở ngại nào đối với GV và SV trong việc triển khai các phương pháp dạy để đạt CĐR **[H4.04.02.09]**. Trong quá trình giảng dạy GV đã đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá để đo lường hiệu quả chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức trong từng môn học, nhằm đạt được CĐR **[H3.03.02.02.DC] [H4.04.02.10]**.

Bên cạnh đó, hằng năm, Khoa Mỹ thuật tổ chức Triển lãm mỹ thuật nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV, đáp ứng CĐR của CTĐT, tạo cơ hội cho SV làm quen với công việc trong tương lai, một số sinh viên đã tham gia các hoạt động nghề nghiệp và được xã hội công nhận (Thiết kế mỹ thuật cho các phim, vở diễn sân khấu) **[H4.04.02.11]**.

Tuy nhiên, tỷ lệ giờ thực hành tại các đơn vị tuyển dụng còn hạn chế, do đặc thù của cơ chế quản lý. Hoạt động khảo sát mức độ hài lòng với tổ hợp công nghệ dạy và học/ các phương pháp dạy và học chưa được triển khai định kỳ, việc đối sánh hiệu quả của các hoạt động dạy và học qua các năm còn hạn chế; hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên còn chưa rõ nét.

2. Điểm mạnh

Hoạt động dạy và học của CTĐT trình độ đại học ngành Thiết kế mỹ thuật kết hợp nhiều phương pháp đa dạng và hiệu quả để đạt được CĐR. Hoạt động dạy và học giúp người học lĩnh hội kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất từ các học phần. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa GV và SV.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa định kỳ khảo sát mức độ hài lòng của người học với tổ hợp công nghệ dạy và học/ các phương pháp dạy và học do đó việc đối sánh hiệu quả của các hoạt động dạy và học qua các năm còn hạn chế; hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên còn hạn chế; tỷ lệ thời gian cho sinh viên thực hành tại các đơn vị tuyển dụng chưa cao. Chưa tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động dạy/học trực tuyến.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa TKMT phối hợp với Phòng Đào tạo,

QLKH & HTQT; Viện nghiên cứu SK-ĐA tiếp tục đánh giá và cải tiến các phương pháp giảng dạy thông qua các hội thảo, tọa đàm thường niên với các bên liên quan, chú trọng đến phương thức thực tập nhằm nâng cao chất lượng thực tập thực tế cho SV, tập huấn cho GV; có nhiều chính sách hơn nữa để GV tham gia NCKH, bồi dưỡng nghề nghiệp

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT phối hợp Phòng Khảo thí & ĐBCLGD, phòng CTHSSV khảo sát mức độ hài lòng của người học với tổ hợp công nghệ dạy và học/ các phương pháp dạy và học. Xây dựng quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Cải tiến phương thức hợp tác với các cơ sở thực tập, nhằm nâng cao chất lượng thực tập thực tế cho SV. Năm 2022, Khoa tổ chức tọa đàm, hội thảo đánh giá về việc dạy và học trực tuyến do bắt buộc phải thực hiện giãn cách xã hội để làm thực hiện cập nhật CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học. Đề cương chi tiết của từng học phần có mô tả việc sử dụng các phương pháp giảng dạy của GV và phương pháp học tập của sinh viên. Trên các đề cương đều thể hiện các kỹ năng đạt được đối với từng học phần trong CTĐT ngành Thiết kế mỹ thuật. Chẳng hạn, các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng đặc thù của chuyên ngành như xử lý không gian, màu sắc, diễn tả chi tiết, phối hợp chất liệu, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm... **[H4.04.01.02.DC] [H4.04.03.01].**

Các hoạt động dạy và học nâng cao khả năng học tập và tự học tập của người học. Tất cả đề cương chi tiết môn học đều cơ cấu rõ tỷ lệ giờ học trên lớp và giờ tự học, qua đó cho thấy tất cả các đề cương của các môn học đã tập trung nhấn mạnh hoạt động tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Bên cạnh đó, khi bắt đầu một môn học, giảng viên giới thiệu và cung cấp cho sinh viên đề cương của môn học đó. Đặc biệt, đề cương giới thiệu chi tiết các tài liệu học tập trong đó chỉ rõ giáo trình chính và các tài liệu tham khảo phục vụ cho môn học. Điều đó tạo cho sinh viên sắp xếp thời gian, nội dung học tập của mình, sinh viên chủ động lên kế hoạch tự học, tự nghiên cứu để thực hiện các mục tiêu của môn học **[H4.04.03.02].**

Trong bài giảng, giảng viên đã thiết kế phối hợp và vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp dạy học nhằm tạo được sự vận động phát triển tư duy sáng tạo của sinh

viên, giúp sinh viên tham gia chiếm lĩnh bài học một cách hiệu quả nhất. Đồng thời, GV trong Khoa đã kết hợp các phương pháp dạy học linh hoạt và phù hợp với đặc thù của học phần; giảm thời lượng thuyết trình lý thuyết, điều chỉnh quy mô và khối lượng bài tập nhỏ, tạo điều kiện cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu và ứng dụng lý thuyết vào thể hiện bài tập; phát huy mạnh mẽ tính chủ động của người học; thay đổi và làm phong phú các hình thức giao bài tập, tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận và tự trau dồi học hỏi từ các nguồn tài liệu thực tế khác; Khai thác triệt để công nghệ thông tin và truyền thông mới. Chẳng hạn, phương pháp đặc thù được GV sử dụng trong dạy học tại Khoa Mỹ thuật là phương pháp DẠY HỌC DỰA TRÊN DỰ ÁN, là một PPDH giúp người học tiếp nhận kiến thức và kỹ năng thông qua quá trình thực hiện một nhiệm vụ học tập có tính thực tế, đòi hỏi sự vận dụng kiến thức và kỹ năng tổng hợp để đạt đến những sản phẩm cụ thể. [**H4.04.03.03**].

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm Nhà trường tiến hành rà soát nguồn học liệu, tài liệu giáo trình nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu cập nhật trên thư viện trường, qua đó giúp SV có điều kiện tốt để tự học [**H4.04.03.04**].

Để chuẩn bị hành trang cho SV khi tốt nghiệp, Khoa Mỹ thuật hàng năm tổ chức “Triển lãm sinh viên”, tạo điều kiện cho SV ngành Thiết kế mỹ thuật được đi thực tập tại các xưởng phim, nhà hát, các chương trình sự kiện[**H4.04.03.05**].

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, kết quả tổng hợp phiếu phản hồi cho thấy, mức độ hài lòng của sinh viên về hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy của GV cao. Điều này cho thấy GV tham gia giảng dạy luôn sử dụng thành thạo tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Ngoài ra, Trường và Khoa đã tiến hành khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp ngành Thiết kế mỹ thuật, tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm là khá cao. [**H4.04.03.06**].

2. Điểm mạnh

100% đề cương chi tiết các môn học đều mô tả rõ việc sử dụng tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm của người học hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa tổ chức đánh giá tính hiệu quả của các phương pháp giảng dạy đặc thù nhằm đạt được CDR. Đặc biệt là các phương pháp giảng dạy trực tuyến.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2021-2022, Khoa TKMT tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập để nâng cao kỹ năng cho người học. Từ năm học 2021-2022, Khoa TKMT yêu cầu đội ngũ GV của Khoa xây dựng bổ sung các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động tự học của SV, đồng thời đề xuất với Nhà trường sắp xếp điều kiện học tập cho sinh viên ngành Thiết kế mỹ thuật khi học môn học có thực hành, bài tập nhóm.

Khắc phục tồn tại: Năm 2022, Khoa Mỹ thuật phối hợp với P.ĐTQLKH&HTQT và các Khoa trong Trường nghiên cứu xây dựng và ban hành Hướng dẫn thiết kế PPDH đạt CĐR, đây sẽ là một hướng để tích lũy kinh nghiệm của các giảng viên trong quá trình giảng dạy xác định được các PPDH phù hợp hướng tới đạt các CĐR về kỹ năng và năng lực học tập suốt đời cho người học.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Bên cạnh đó, vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là hoạt động thực hành và trải nghiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, sinh viên tốt nghiệp không thể ngày một ngày hai trở thành họa sĩ thiết kế bối cảnh sân khấu, thiết kế bối cảnh phim điện ảnh ... họ phải tự học hỏi rất nhiều. Bên cạnh đó, do đặc thù về chuyên ngành đào tạo TKMT SKĐA là lĩnh vực đòi hỏi một cách tiếp cận mang tính đặc thù, để đạt hiệu quả cao khi triển khai đa dạng các phương pháp trong đào tạo phụ thuộc rất lớn chất lượng đầu vào của người học; cơ sở vật chất và trang thiết bị; kỹ năng giảng dạy của giảng viên. Hoạt động đào tạo thực hành gặp trở ngại lớn về đội ngũ giảng viên, người có kinh nghiệm trong nghề, có nhiều thành tích được cộng đồng công nhận lại bị vướng vào quy định về bằng cấp, những giảng viên lớn tuổi dành phần lớn thời gian vào làm nghề, trải nghiệm và có thành tích thì lại không thể đủ thời gian hoàn thành bằng cấp, chứng chỉ. Thêm nữa, thù lao nghề nghiệp giảng dạy thấp hơn việc hoạt động nghệ thuật ngoài thị trường, điều này ảnh hưởng rất lớn đến nguồn lực giảng viên có kinh nghiệm trong khoa TKMT thời gian tới.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 4:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 4		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 4.1				x				4.0	3	100
Tiêu chí 4.2				x						
Tiêu chí 4.3				x						

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Đánh giá kết quả học tập của người học là một quá trình liên tục trong suốt khóa học. Với mục tiêu đảm bảo chuẩn đầu ra cho người học, Trường đã xây dựng các quy định đánh giá kết quả học tập của SV từ giai đoạn tuyển sinh đầu vào đến khi hoàn thành bài tốt nghiệp.

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội thực hiện đánh giá đầu vào đối với người học ngành Thiết kế mỹ thuật theo Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng của Trường. Quy trình tuyển sinh được thực hiện minh bạch, công bằng và đúng quy định từ khâu công bố chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức thi đến khâu chấm thi và công nhận kết quả tuyển sinh [H5.05.01.01], đồng thời có các quy định riêng đối với khối ngành thi của Khoa Mỹ thuật [[H5.05.01.02].

Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập SV ngành Thiết kế mỹ thuật được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học SKĐAHN [[H5.05.01.03].

Tổ hợp các phương pháp đánh giá hồ sơ học tập của SV được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CDR, bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, tiểu luận, đặc biệt SV được đánh giá qua việc tham gia các dự án mang tính thực hành nghề nghiệp [H4.04.03.03.DC] v.v... tùy theo đặc thù từng học phần và chiếm 20% trọng số điểm của mỗi học phần. Các phương pháp kiểm tra đánh giá gắn với CDR của học phần về kiến thức, kỹ năng tương ứng, trong đó có kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, kỹ năng trình bày, thuyết trình vấn đề, kỹ năng tổng hợp, phân tích, phản biện, v.v... Tất cả các học phần đều có đề cương chi tiết quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá, các đầu điểm và tỷ trọng của các đầu điểm thành phần như sau: điểm chuyên cần và thái độ học tập (10%), điểm kiểm tra giữa kỳ (30%), điểm thi hết học phần (60%) [H5.05.01.04]

Trường Đại học SKĐAHN và Khoa Mỹ thuật có các văn bản hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp.

Tuy nhiên, trường chưa khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thi, kiểm tra đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp với đặc thù đào tạo của chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học. Về cơ bản các phương pháp đánh giá các học phần đều hướng đến đạt CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để đánh giá mức độ khó, dễ, phù hợp của các hình thức kiểm tra-thi nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức đạt được chuẩn đầu ra và có hướng điều chỉnh cho phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa TKMT phối hợp với Phòng KT & ĐBCLGD tiếp tục rà soát hình thức kiểm tra đánh giá nhằm đảm bảo mức độ phù hợp với nội dung giảng dạy và chuẩn đầu ra, đồng thời phân tích đánh giá kết quả học tập của người học để điều chỉnh phù hợp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT phối hợp với Phòng KT & ĐBCLGD tổ chức phân tích định lượng kết quả kiểm tra-thi của người học để đánh giá chính xác hơn kết quả học tập của SV.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học của ngành Thiết kế mỹ thuật được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo (Quy chế 25 - Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ phù hợp với phương thức đào tạo theo hình thức niên chế của Nhà trường [H5.05.02.01]. Giai đoạn 2015-2020, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học gồm đánh giá mức độ chuyên cần của người học trên lớp (10%), kiểm tra giữa kỳ (30%) và thi cuối kỳ (60%). Mức độ chuyên cần được đánh giá trong suốt mỗi kỳ học, theo đó SV phải tham dự tối thiểu 75 % giờ học trên lớp; tích cực tham gia các hoạt động tại lớp học và làm bài tập ở nhà do GV yêu cầu; kiểm tra giữa kỳ được thực hiện vào tuần thứ 8 của học kỳ theo hình thức bài kiểm tra thực hành hoặc bài tập theo dự án để đánh giá kết quả kiểm tra giữa kỳ của SV [H5.05.02.02].

Hoạt động đào tạo một họa sỹ Thiết kế mỹ thuật là một hoạt động đặc thù, do

đó, các phương pháp đánh giá cũng rất đa dạng. Với công việc chuyên môn của một họa sỹ thiết kế, có nhiều thang bậc đánh giá, cụ thể: Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần [H5.05.02.03]. SV được cung cấp Sổ tay sinh viên từ đầu khóa học trong đó có hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi-kiểm tra [H5.05.02.04]. Ngoài ra, SV ngành Thiết kế mỹ thuật được phổ biến trực tiếp quy chế kiểm tra đánh giá, điều kiện tốt nghiệp, v.v... từ trợ lý khoa và giảng viên chủ nhiệm của khoa. Bên cạnh đó, các thông tin, quy định về kiểm tra đánh giá các môn học được GV thông báo đến SV thông qua việc giới thiệu đề cương môn học, quy định về kiểm tra đánh giá môn học ngay từ buổi học đầu tiên của mỗi môn học [H5.05.02.05]. Trường có đầy đủ các quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, phúc khảo và các nội dung liên quan trong các kỳ thi được công bố công khai cho người học trước mỗi khóa học.

2. Điểm mạnh

Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT Thiết kế mỹ thuật là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

3. Điểm tồn tại

Chưa có cơ chế đánh giá việc nhận thông tin và hiểu rõ quy định về đánh giá kết quả học tập của người học.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa TKMT phối hợp với Phòng KT & ĐBCLGD; Phòng ĐT, QLKH & HTQT tiếp tục rà soát quy định, quy trình về đánh giá kết quả học tập của người học và công khai cho SV.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT phối hợp với Phòng KT & ĐBCLGD; Phòng ĐT, QLKH & HTQT tăng cường kênh thông tin đến SV và xây dựng cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận và hiểu thông tin của SV

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Với mục tiêu giúp người học nhận thức đúng đắn về kết quả học tập của bản thân, cũng như tạo điều kiện tối đa cho người học phát huy kỹ năng và kiến thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập đối với sinh viên Thiết kế mỹ thuật được xây dựng đa dạng, đảm bảo có giá trị, công bằng và đáng tin cậy. Phương pháp kiểm tra

đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy chế đào tạo; quy định về khảo thí; các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường ĐH SKĐAHN [H5.05.03.01].

Về độ đa dạng, các phương pháp đánh giá được thực hiện tùy theo từng học phần, tùy thuộc nội hàm của học phần là lý thuyết thuần túy hay có ứng dụng thực tế. Khi đó, phương pháp đánh giá được GV lựa chọn và thực hiện theo đề cương và quy định thi kết thúc học phần. Hình thức kiểm tra đa dạng: như bài tập nhóm, bài tập cá nhân, bài tập theo dự án, viết tiểu luận và có các tiêu chí đánh giá cụ thể, logic và bám sát chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT [H5.05.03.02]. Thi kết thúc học phần theo hình thức bài kiểm tra thực hành.

Về độ giá trị, đề thi được các giảng viên trực tiếp giảng dạy biên soạn, tùy đặc điểm của môn học. Mỗi học phần đều có bộ câu hỏi ôn tập và bao quát nội dung học phần sau khi được bộ môn phê duyệt, đảm bảo từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong đề cương học phần và bám sát mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT. Bài thi của SV được chấm chi tiết theo đáp án. Việc chấm thi được thực hiện bởi ít nhất 02 GV. Đặc biệt, với các môn chuyên môn thi thực hành, các thầy cô trong khoa đều tham gia buổi báo cáo để đưa ra ý kiến góp ý đối với SV để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học. Điểm thành phần các học phần chưa được công khai cho SV trước khi kết thúc học phần. Các bài tập thi kết thúc học phần đều được SV, khoa lưu trữ.

Đối với những môn học có đề thi tự luận, giảng viên biên soạn bộ câu hỏi ôn tập cho mỗi môn học. Bộ câu hỏi này được gửi về tiểu ban chuyên môn đánh giá để đảm bảo từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong đề cương môn học [H5.05.03.03], được các bộ môn phê duyệt và Phòng KT&ĐBCLGD của Trường lưu trữ dưới dạng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, được thẩm định trước khi đưa vào sử dụng [H5.05.03.04].

Về độ tin cậy và sự công bằng, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết được bộ môn phê duyệt để đảm bảo tính hiệu lực đánh giá trước khi chuyển về phòng KT&ĐBCLGD. Đồng thời GV phải chấm thi theo hướng dẫn cụ thể trong qui định về thi kết thúc học phần của Trường [H5.05.03.05].

Ngoài ra, để đánh giá kết quả học tập được chính xác, quy trình chấm thi được thực hiện với sự tham gia của ít nhất hai giảng viên chuyên môn dưới sự giám sát của phòng Đào tạo để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học, bên cạnh đó Trường ban hành quy định về khảo thí nhằm đảm bảo đánh giá đúng kiến thức người học với phương pháp phù hợp và cũng để bảo mật đảm bảo công bằng cho người học [H5.05.03.06].

Tuy nhiên, việc khảo sát về các phương pháp đánh giá kết quả của người học từ các bên liên quan chưa đa dạng (mới dừng lại ở việc lấy ý kiến phản hồi của người học), chưa đo lường độ tin cậy và độ giá trị của công tác đánh giá kết quả người học.

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy định, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT. Trường chưa ghi nhận trường hợp SV khiếu nại, phản nản bằng văn bản chính thức về kiểm tra đánh giá.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện sơ kết, tổng kết về hiệu quả sử dụng tổ hợp các hình thức kiểm tra đánh giá trong quá trình giảng dạy, chưa được lấy ý kiến rộng rãi sự phản hồi của các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa TKMT, Phòng KT & ĐBCLGD; Phòng ĐT, QLKH & HTQT tiếp tục nghiên cứu xây dựng các phương pháp đánh giá kết quả học tập.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT, Phòng KT & ĐBCLGD; Phòng ĐT, QLKH & HTQT tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm để lấy ý kiến về độ tin cậy và độ giá trị của công tác đánh giá kết quả của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm tạo điều kiện cho người học nhanh chóng biết được kết quả đánh giá kết quả học tập để có kế hoạch điều chỉnh học tập của bản thân, Trường có quy định về thời gian giảng viên chấm bài, đồng thời công bố kết quả đánh giá, thời gian phản hồi khiếu nại của người học về kết quả đánh giá **[H5.05.04.01]**. Điểm đánh giá ý thức học tập và điểm đánh giá giữa kỳ phải được thông báo công khai cho SV ngay khi kết thúc giảng dạy học phần; điểm thi kết thúc học phần được thông báo công khai cho SV qua ban cán sự lớp, giáo viên chủ nhiệm, trên bảng thông báo tại văn phòng khoa và công khai trên website, fanpage của Khoa/ Trường **[H5.05.04.02]**.

Người học nắm rõ quy trình kiểm tra đánh giá, quy định về phản hồi kết quả học tập và phúc khảo, khiếu nại/kiểm tra kết quả học tập thông qua Sổ tay sinh viên và quy

định khảo thí **[H5.05.04.03]**. Việc thông báo kết quả điểm kiểm tra giữa kỳ được GV tiến hành kịp thời, đồng thời có nhận xét đánh giá kết quả kiểm tra của SV để SV nhận diện được những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân đối với học phần qua đó lập kế hoạch cải tiến kết quả học tập. Trong trường hợp SV chưa hài lòng với kết quả đánh giá thì GV sẽ lập luận, phân tích điểm của SV theo tiêu chí đánh giá để SV nhận ra các điểm yếu cần cải thiện, hoặc lấy ý kiến của tập thể lớp để làm cơ sở điều chỉnh điểm cho SV... đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong cách đánh giá **[H5.05.04.04]**.

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức các cuộc thanh tra công tác đào tạo, trong đó có nội dung liên quan đến việc GV thực hiện quy định về phản hồi kết quả học tập cho người học theo đúng thời gian, tiến độ trong kế hoạch giảng dạy của giảng viên **[H5.05.04.05]**. Phòng KT&ĐBCLGD Nhà trường phối hợp với Khoa Mỹ thuật tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về mức độ hài lòng đối với phương pháp kiểm tra đánh giá, thông báo kết quả thi, mức độ hài lòng về kết quả học tập và hoạt động hỗ trợ người học của GV. Kết quả phản hồi của SV về các nội dung trên thường đạt mức hài lòng trở lên và được gửi đến lãnh đạo khoa, Trưởng bộ môn và từng GV của bộ môn **[H5.05.04.06]**.

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập được thông báo kịp thời đến người học và công bố công khai theo thời gian qui định, giúp người học có kế hoạch cải thiện việc học tập.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa thường xuyên lấy ý kiến của người học cũng như các bên liên quan (cựu sinh viên) về cách thức; thời gian phản hồi kết quả học tập (nhất là trong thời gian học trực tuyến).

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa TKMT, Phòng KT & ĐBCLGD, Phòng ĐT, QLKH & HTQT tiếp tục thực hiện và rà soát qui trình công bố kết quả đánh giá đến SV đúng thời hạn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT, Phòng KT & ĐBCLGD, Phòng ĐT, QLKH & HTQT định kỳ thực hiện khảo sát lấy ý kiến của người học, cựu người học về cách thức; thời gian phản hồi kết quả học tập (bao gồm cả thời gian học trực tuyến).

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học SKĐAHN có các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học và được công bố công khai **[H5.05.05.01]**. Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo đến SV thông qua nhiều hình thức như chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa, đối thoại trực tiếp giữa SV với lãnh đạo Nhà trường, sổ tay sinh viên **[H5.05.05.02]**. theo đó SV có quyền đề nghị kiểm tra kết quả thi kết thúc học phần trong thời gian cho phép theo quy định.

Đơn đề nghị kiểm tra kết quả thi phải được gửi đến giáo viên chủ nhiệm, khoa chuyên môn và phòng đào tạo. Sau khi nhận được đơn, giáo viên chủ nhiệm, khoa chuyên môn và phòng đào tạo sẽ tiếp nhận và giải quyết khiếu nại về kết quả học tập. Thời gian kiểm tra kết quả không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của SV. Sau khi kiểm tra, nếu điểm cao hơn hoặc thấp hơn trước từ 1 điểm trở lên thì Chủ nhiệm khoa hoặc Trưởng phòng Khảo thí & ĐBCLGD phải đề nghị một cán bộ thứ 2 có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng phải do Chủ nhiệm khoa (hoặc Trưởng bộ môn) ký xác nhận mới được công bố cho SV, muộn nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận đơn. Điểm sau kiểm tra là kết quả cuối cùng của học phần. Về khiếu nại kết quả điểm kiểm tra giữa kỳ, GV đọc điểm cho từng SV trước lớp học dựa vào các tiêu chí đánh giá cụ thể do đó việc SV không hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá là rất ít. Trong trường hợp SV chưa hài lòng với kết quả đánh giá thì GV sẽ lập luận, phân tích điểm của SV theo tiêu chí đánh giá để thuyết phục SV hoặc lấy ý kiến của tập thể lớp để làm cơ sở điều chỉnh điểm cho SV...đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong cách đánh giá **[H5.05.05.03]**.Tuy nhiên, từ năm 2015 đến 2020, ngành Thiết kế mỹ thuật - Khoa Mỹ thuật chưa ghi nhận trường hợp nào khiếu nại bằng văn bản về kết quả học tập.

2. Điểm mạnh

Người học dễ dàng tiếp cận với qui trình khiếu nại về kết quả học tập. Trong giai đoạn 2015-2021, Khoa Mỹ thuật chưa có trường hợp khiếu nại về kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Chưa có kênh đánh giá sự hài lòng của người học về việc tiếp cận quy trình khiếu nại.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa TKMT tiếp tục rà soát và phổ biến

qui trình khiếu nại kết quả học tập trên website của Trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT phối hợp với phòng Phòng KT & ĐBCLGD thiết lập sổ theo dõi việc khiếu nại/ kết quả trả lời khiếu nại về kết quả học tập của người học. Tiến hành khảo sát đánh giá việc tiếp cận quy trình khiếu nại của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Việc đánh giá kết quả học tập người học chuyên ngành TKMT SKĐA được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GDĐT và qui định của Trường ĐH SKĐAHN. Khoa TKMT luôn tập trung sâu vào đánh giá năng lực của người học thông qua các kỳ thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và CTĐT, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về phương pháp đánh giá còn chưa rộng rãi và định kỳ.

Đánh giá Tiêu chuẩn 5:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 5		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 5.1				x				4.0	5	100
Tiêu chí 5.2				x						
Tiêu chí 5.3				x						
Tiêu chí 5.4				x						
Tiêu chí 5.5				x						

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Chất lượng đội ngũ giảng viên có ảnh hưởng quyết định tới chất lượng giáo dục đào tạo do đó phát triển đội ngũ giảng viên là nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tại Trường ĐH SKĐAHN. Chương trình đào tạo cử nhân Thiết kế mỹ thuật SK-ĐA được thực hiện bởi đội ngũ giảng viên của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội, trong đó đội ngũ GV của Khoa Thiết kế Mỹ thuật là đội ngũ cốt lõi. Trong những năm qua, Nhà trường cũng như Khoa luôn chú trọng đến công tác quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo; NCKH; các hoạt động phục vụ cộng đồng nhằm hướng đến hoàn thành sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu chương trình học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Việc quy hoạch đội ngũ GV cho CTĐT cử nhân Thiết kế mỹ thuật được thực hiện theo định hướng phát triển của Trường nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo. Căn cứ theo Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh giai đoạn 2013 – 2020 và tầm nhìn 2030; Đề án Xây dựng trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia [H6.06.01.01] và thực hiện công tác quy hoạch, Trường đã ban hành các văn bản về hành lang pháp lý; quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo các cấp thuộc trường; quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo Khoa, Phòng, Bộ môn thuộc khoa và tương đương thuộc Trường [H6.06.01.02]. Theo đó, công tác quy hoạch và bồi dưỡng cán bộ của trường đều được thực hiện theo định hướng phát triển của trường và đáp ứng nhu cầu đào tạo [H6.06.01.03]. Mỗi giai đoạn Trường đều thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch [H6.06.01.04] Theo kết quả rà soát tình hình nhân sự và nhu cầu đào tạo, Trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, việc tuyển dụng được thực hiện theo qui trình tuyển dụng viên chức, có tiêu chí rõ ràng, công khai minh bạch [H6.06.01.05]. Dựa theo các yêu cầu về công việc của GV và các kế hoạch của trường, Khoa đã xây dựng đề án vị trí việc làm của Khoa [H6.06.01.06]. GV sau khi tuyển dụng được đào tạo, bồi dưỡng đầy đủ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc [H6.06.01.01]. Theo đó, số lượng cán bộ, GV được tuyển dụng phục vụ đào tạo cho ngành Thiết kế mỹ thuật trong 5 năm qua đã đáp ứng cả về lượng và chất cho CTĐT [H6.06.01.08]. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn; kinh nghiệm giảng dạy; thành tích nghề nghiệp. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối

quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV đã tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Bảng 6.1: Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số GV	GV cơ hữu		GV thỉnh
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	giảng trong nước
1	Giáo sư	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư/ Nghệ sĩ nhân dân/ nghệ sĩ ưu tú	1	0	0	0
3	Tiến sĩ	0	0	0	0
4	Thạc sĩ	13	13	2	
5	Đại học	0	0	0	0
6	Tổng số	13			

Bảng 6.1.1. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi

STT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Nghệ sĩ nhân dân/ Nghệ sĩ ưu tú	1	0,7	1	0	0	0	1	0	0
4	Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0

5	Thạc sĩ	13	100	9	4	0	10	2	1	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	13	100	9	4	0	10	2	1	0

Bên cạnh đó, việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ, nghỉ hưu và các chế độ phúc lợi xã hội của GV được thực hiện nghiêm túc đúng quy định hiện hành [H6.06.01.09].

2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ GV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đúng quy trình; phát triển được đội ngũ GV, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ GV cho CTĐT Thiết kế mỹ thuật còn gặp trở ngại do đặc thù nghề nghiệp và chính sách đào tạo thực tế (mô tả trên). Tỷ lệ giảng viên đạt trình độ tiến sĩ của Khoa còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Phòng HC, TH (bộ phận TCCB) định kỳ phối hợp với các đơn vị trong Trường (gồm Khoa TKMT) tổ chức hoạt động lấy ý kiến phản hồi của GV về công tác quy hoạch đội ngũ và tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với đội ngũ cán bộ quy hoạch nhằm đánh giá công tác quy hoạch, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT phối hợp Phòng HC, TH (bộ phận TCCB) nghiên cứu, bổ sung các chính sách phù hợp nhằm khuyến khích, hỗ trợ đội ngũ giảng viên trẻ đầu tư nghiên cứu khoa học và nâng cao học hàm, học vị. Đồng thời tổ chức rà soát, đánh giá mục tiêu cụ thể về phát triển đội ngũ để đảm bảo đạt được các chỉ tiêu theo Chiến lược xây dựng và phát triển nguồn lực của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Tính đến 12/2021, Khoa TKMT có 13 GV (4 nữ và 9 nam), trong đó có: 1 tiến

sỹ, 12 thạc sĩ. Độ tuổi trung bình của GV là 40 tuổi (32 tuổi đối với nữ và 45 tuổi đối với nam) [H06.06.02.01].

Thực hiện các hoạt động đào tạo của CTĐT cử nhân Thiết kế mỹ thuật do bộ môn chuyên ngành đảm nhiệm. Bộ môn có 10 GV (4 nữ, 6 nam), trong đó có 1 giảng viên có trình độ tiến sỹ, 9 giảng viên có trình độ ThS; GV ở trong độ tuổi 30 - 40 chiếm tỷ lệ 60 %, độ tuổi 41 - 50 chiếm tỷ lệ 40 % [H06.06.02.02]. Ngoài ra còn có sự tham gia của các giảng viên cơ hữu trong Khoa, Trường và các giảng viên thỉnh giảng tham gia thực hiện CTĐT. [H06.06.02.03].

Bảng 6.1.2: Tỷ lệ giảng viên/sinh viên của ngành TKMT SKĐA.

Năm học	Tổng số giảng viên cơ hữu ngành TKMT SKĐA	Tổng số sinh viên ngành TKMT SKĐA	Tỷ lệ GV/SV ngành TKMT SKĐA
2015-2016	14	18	1,2
2016-2017	14	14	1
2017-2018	14	24	1,7
2018-2019	14	42	3
2019-2020	13	57	4,3

Ghi chú: Giảng viên cơ hữu ngành TKMT SKĐA tính theo số lượng giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT TKMT SKĐA.

Bảng 6.1.2 Thể hiện tỷ lệ giảng viên/sinh viên của ngành TKMT SKĐA trong 05 năm gần đây (2015-2020). Kết quả cho thấy tỷ lệ GV/SV của ngành TKMT SKĐA đáp ứng được với Thông tư số 24/2015/TT/BGD&ĐT [H06.06.02.04] và Thông tư số 32/2015/TT/BGD&ĐT [H06.06.02.05] của Bộ GD&ĐT quy định.

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được Nhà trường và Khoa thực hiện theo Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 quy định chế độ làm việc của GV và quy định riêng của Nhà trường, từ năm 2020 thực hiện theo thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học và QĐ 1415/QĐ-SKĐAHN ngày 08/12/2020 của ĐHSKĐAHN về việc ban hành quy định về chế độ làm việc của GV [H06.06.02.06].

Định mức giờ chuẩn cho GV trong một năm học là 270 giờ, các công việc được quy đổi theo giờ chuẩn khác nhau. Định mức giờ chuẩn đối với các GV được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác khác được giảm trừ giờ chuẩn và các trường hợp GV được miễn giảm giờ chuẩn được quy định trong Quy định về chế

độ làm việc của GV của ĐHSKĐAHN. Ngoài ra còn có các điều kiện được quy định rõ ràng để tính vượt giờ cho GV. Quy định về NCKH, mỗi năm GV phải hoàn thành nhiệm vụ NCKH được giao tương ứng với chức danh nghề nghiệp hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm. Kết quả NCKH của GV được đánh giá thông qua các sản phẩm NCKH cụ thể, tối thiểu là một đề tài NCKH cấp cơ sở hoặc tương đương được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc một bài báo được công bố trên tạp chí khoa học có phản biện hoặc một bài báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học chuyên ngành. Định mức khối lượng giờ thực hiện NCKH của các chức danh GV được quy định cụ thể **[H06.06.02.07]**.

Việc đánh giá cán bộ, viên chức căn cứ vào chức trách nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện nhiệm vụ về tiến độ và chất lượng công việc của từng người, số lượng công việc được giao theo kế hoạch, những nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất, những yêu cầu về trình độ chuyên môn của công việc, mức độ cần cù, chịu khó, tận tâm, tận tụy, trách nhiệm với công việc, chấp hành kỷ cương. Việc đánh giá được xem xét qua các cấp: cá nhân tự đánh giá, tự chấm điểm, bộ môn xem xét, đề nghị hội đồng Khoa chấm điểm, hội đồng Thi đua khen thưởng của Trường rà soát, công nhận và ra quyết định **[H06.06.02.08]**.

Đầu năm học, các GV phải có biên bản giao, nhận nhiệm vụ. Trên cơ sở đó, Khoa rà soát khối lượng công việc để có kế hoạch phân công công việc trong năm học mới một cách hợp lý, tránh tình trạng không cân đối về khối lượng công việc **[H06.06.02.09]**. Sau mỗi năm học, việc đánh giá khối giảng dạy và NCKH, cũng như các hoạt động chuyên môn và nghiệp vụ khác được Khoa thực hiện thông qua việc đánh giá kết quả, phân loại CBVC, để hưởng lương lương tăng thêm và xếp loại thi đua **[H06.06.02.10]**.

Ngoài việc quản lý trực tiếp của Khoa, bộ môn; các phòng chức năng của Trường kiểm tra giám sát đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV từ đó đảm bảo chất lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của GV. Kết quả là trong 5 năm qua, toàn bộ GV trong Khoa đều hoàn thành công việc, nhiều GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được nhận các danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, bằng khen các cấp, đặc biệt giảng viên của Khoa có nhiều giải thưởng trong hoạt động nghề nghiệp được xã hội công nhận **[H06.06.02.11]**.

Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức lấy ý kiến đánh giá của người học về chất lượng giảng dạy của GV nhằm giúp GV khoa đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề có giải pháp tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để cải tiến chất lượng đào tạo **[H06.06.02.12]**.

Mặc dù tỷ lệ GV/SV ngành Thiết kế mỹ thuật tạm đủ trong những năm qua. Tuy

nhiên, trong những năm tới, do đặc thù giảng dạy ngành Thiết kế mỹ thuật luôn luôn phải nâng cao trình độ, số lượng giảng viên học lên bậc tiến sĩ còn hạn chế sẽ ảnh hưởng nhiều đến chiến lược đào tạo, xây dựng đội ngũ giảng viên. Các hoạt động khác của giảng viên chưa được quy định hoặc định lượng cụ thể, quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học SKĐA HN mới được ban hành trong năm 2021, cần được tiếp tục thực hiện và đánh giá hiệu quả **[H6. 06.02.13]**.

2. Điểm mạnh

Khối lượng công việc của GV được quy đổi theo giờ chuẩn và có thể đo lường được, có quy định về số giờ giảng tối thiểu theo quy đổi đối với GV. Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của từng GV được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.

3. Điểm tồn tại

Việc đo lường các nhiệm vụ chuyên môn khác đối với GV (ngoài giờ giảng, giờ NCKH) còn mang tính định tính, chưa có những tiêu chí cụ thể, các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV chưa định lượng được.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Phòng HCTH (TCCB); Phòng ĐT, QLKH & HTQT có cơ chế giám sát, khuyến khích GV thực hiện tốt công việc để đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT phối hợp với Phòng HCTH (TCCB); Phòng CTHSSV căn cứ quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học SKĐA HN để xây dựng kế hoạch về việc tổ chức các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng theo từng năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng, cụ thể.

Các tiêu chí tuyển dụng gồm: 1- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên hoặc được công nhận nghệ sĩ nhân dân đối với giảng viên giảng dạy các

môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ (hoặc được công nhận là nghệ sĩ nhân dân) đối với giảng viên giảng dạy và hướng dẫn luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; 3- Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5- Lý lịch bản thân rõ ràng.

Đối với ngành đào tạo Thiết kế mỹ thuật, ngoài các tiêu chí trên, còn có những tiêu chí đặc thù về danh hiệu (NSND, NSUT) hoặc có thời gian công tác từ 10 năm trở lên - có từ 03 tác phẩm để tham gia giảng dạy cho chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật **[H6.06.03.01]**

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, được phổ biến công khai trên Trang thông tin điện tử của Trường và Khoa; gửi Thông báo bằng văn bản về các đơn vị trong Trường, được đăng tải trên báo chí khi có các đợt tuyển dụng tập trung. Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với quy định chung của Nhà nước **[H6.06.03.02]**

Trường đã xây dựng và đưa vào thực hiện các tiêu chí cho quy trình tuyển dụng cán bộ, giảng viên sao cho phù hợp với yêu cầu của trường đào tạo nghệ thuật mang tính đặc thù cao. Ngoài quy trình tuyển dụng cán bộ, giảng viên riêng của Trường, những năm qua Trường đã thực hiện đúng kế hoạch, quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Trước năm 2018, thực hiện nghiêm túc quy định về tuyển dụng, trước mỗi kỳ tuyển dụng, Nhà trường đều có thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các hình thức thông báo trên báo chí và truyền thông các thông tin về tiêu chuẩn và số lượng cũng như cần tuyển vào biên chế. Việc tuyển dụng cán bộ, giảng viên của Trường phải trải qua hai hội đồng sát hạch, đó là hội đồng sơ tuyển tại trường và hội đồng tuyển dụng cấp Bộ VHTTDL **[H6.06.03.03]**. Hiện nay, Trường đã được Bộ phê duyệt đề án tự tuyển dụng và được tự tổ chức tuyển dụng viên chức để chủ động hơn trong việc bổ sung nguồn nhân lực cho Nhà trường. **[H6.06.03.04]**

Sau mỗi kỳ thi tuyển dụng, Nhà trường đều có văn bản công khai danh sách những người trúng tuyển và thông báo rộng rãi trên các bảng tin của Trường. Các cán bộ, giảng viên đã trúng tuyển trong các kỳ thi tuyển dụng phải trải qua một thời gian làm hợp đồng thử việc. Sau khi hoàn thành tốt những công việc được giao, các cán bộ, giảng viên này sẽ được Nhà trường ký hợp đồng chính thức **[H6.06.03.05]**

Đối với những giảng viên được điều chuyển từ đơn vị khác về Trường, để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng nhằm đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác, khách quan và có sự đồng thuận tập thể

[H6.06.03.06]. Sau khi trúng tuyển, các GV được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng ở bộ môn dự giờ các cán bộ giảng dạy khác và tiến hành giảng thử tại bộ môn rồi mới giảng trước Hội đồng của nhà trường. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là các khoa chuyên môn có liên quan. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thực hành giảng dạy và trả lời các câu hỏi về chuyên môn của Hội đồng sát hạch, nếu đạt GV mới được lên lớp chính thức. Trong 1 năm tập sự, khoa sẽ cử 1 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV tập sự **[H6.06.03.07]**

Do đặc thù của chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật là học truyền nghề, trải nghiệm thực hành, thực tế... chiếm 50 % các ĐVHT trong CTĐT, do đó Khoa Mỹ thuật đã có cố gắng trong việc mời một số nghệ sỹ có thâm niên, có kinh nghiệm trong nghề về hợp tác giảng dạy **[H6.06.03.08]**

Việc bổ nhiệm, điều chuyển GV của Chương trình đào tạo Thiết kế mỹ thuật được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, quy trình và công khai, minh bạch. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn **[H6.06.03.09]**

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định một cách rõ ràng và được phổ biến công khai. Các GV được tuyển dụng, lựa chọn đều đáp ứng các tiêu chí của Trường.

3. Điểm tồn tại

Việc thống nhất về mặt chuyên môn giữa giảng viên cơ hữu và các giảng viên thỉnh giảng là những họa sỹ, nghệ sỹ có danh hiệu còn có một số trở ngại do đặc thù: giảng viên cơ hữu không có đủ thời gian thực hành nghề nghiệp thực tế, ngược lại, giảng viên thỉnh giảng có nhiều kinh nghiệm thực tế nhưng còn thiếu phương pháp sư phạm.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, khi có kế hoạch tuyển dụng, Nhà trường (giao cho Phòng HCTH – bộ phận tổ chức cán bộ) tiếp tục công khai các thông tin và tiêu chí khi tuyển dụng GV trên các phương tiện truyền thông.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Nhà trường tạo điều kiện để giảng viên cơ hữu có cơ hội tham gia nhiều hoạt động nghề nghiệp thực tế. Phòng HCTH (TCCB) phối hợp với Khoa TKMT rà soát chiến lược phát triển nguồn nhân lực; xây dựng, đề xuất với Bộ VH-TT-DL những tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm mang tính đặc thù. Có

chính sách thu hút mạnh hơn nữa cho các ứng viên đủ tiêu chuẩn và có tầm ảnh hưởng tốt về nghề muốn về công tác tại trường.

5. *Tự đánh giá*: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Các ứng viên được tuyển làm giảng viên của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh nói chung đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn chung về giảng viên đại học. Sau khi trúng tuyển, hằng năm họ đều được cử đi bồi dưỡng các khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ chuyên môn do Bộ VH-TT-DL tổ chức (nếu có). Cụ thể là 100% giảng viên của Khoa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và chứng chỉ công nghệ thông tin đạt chuẩn của Bộ quy định **[H6.06.04.01]**. Bên cạnh đó, Nhà trường tạo điều kiện cho các GV của khoa nói chung và GV chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật tham gia mọi hoạt động sáng tác để nâng cao nghiệp vụ, kinh nghiệm **[H6.06.04.02]**.

Đội ngũ giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học dưới hình thức các hoạt động đặc thù của ngành như: tham gia các dự án, liên hoan sân khấu trong và ngoài nước, hội thảo nghề, hội thảo giáo dục của các tổ chức trong nước, quốc tế, giao lưu giữa các hội thảo, chia sẻ giữa các khoa trong trường. **[H6.06.04.03]**. GV của Khoa Mỹ thuật đã có nhiều công trình chất lượng được xã hội ghi nhận **[H6.06.04.04]**.

Trường ĐH SKĐAHN luôn khẳng định GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của Nhà trường, đầu tư phát triển đội ngũ giảng viên cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm, theo đó các tiêu chí xác định năng lực của giảng viên cũng là mục tiêu phấn đấu của các giảng viên Khoa TK Mỹ thuật **[H6.06.04.05]**. Trường ĐHSKĐAHN có văn bản quy định về các tiêu chí đánh giá phân loại công chức, viên chức trong đó quy định rõ các tiêu chí phân loại các mức hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành nhiệm vụ... với các tiêu chí về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần thái độ, trách nhiệm trong công việc, khả năng hoàn thành nhiệm vụ, kết quả NCKH... **[H6.06.04.06]**. Nhà trường ban hành quy định đánh giá, phân loại CCVC để xét nâng lương trước niên hạn **[H6.06.04.07]** các văn bản này được Nhà trường tổ chức cho CBGV thảo luận, thống nhất và được thông báo công khai bằng văn bản **[H6.06.04.08]**.

Hằng năm, Nhà trường đều có thông báo, hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của giảng viên **[H6.06.04.09]**. Theo đó, mỗi GV viết báo cáo đánh giá kết quả công tác, tu dưỡng, rèn luyện để bộ môn đánh giá. Kết quả này

tiếp tục được kiểm duyệt đánh giá ở cấp Khoa và cấp Trường. Kết quả đánh giá cho thấy 100% giảng viên khoa Mỹ thuật hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có nhiều giảng viên hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao **[H6.06.04.10]**.

Công tác bình xét thi đua - khen thưởng hằng năm được triển khai một cách đa dạng, bên cạnh việc bám sát các tiêu chí khen thưởng đã được ban hành, Nhà trường còn đề nghị Bộ VHTTDL khen tặng đối với giảng viên có thành tích xuất sắc trong các hoạt động nghề nghiệp, ví dụ như tặng thưởng các giảng viên đạt giải hoặc tham gia các dự án trong các sự kiện mang tính quốc gia, quốc tế... hoặc vinh danh các giảng viên có thành tích trong Hội nghị công chức viên chức hằng năm **[H6.06.04.11]**.

Phòng KT&ĐBCLGD có lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV, kết quả cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của SV **[H6.06.04.12]**.

Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được Nhà trường xác định rõ ràng, nhất quán. Việc đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Tuy nhiên, Khoa Mỹ thuật chưa xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên của khoa. Do đó, năng lực của đội ngũ GV tham gia giảng dạy chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật SKĐA đôi khi còn tình trạng đánh giá mang tính định tính.

2. Điểm mạnh

Giảng viên của Khoa đều hoàn thành tốt nhiệm vụ các năm học và có kết quả đánh giá về công tác giảng dạy ở mức cao.

3. Điểm tồn tại

Khoa Mỹ thuật chưa xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên khoa, chưa cụ thể hóa tiêu chí đánh giá để GV có thể phấn đấu đáp ứng yêu cầu đặt ra.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Phòng HCTH (TCCB) phối hợp với Khoa TKMT tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn năng lực GV để làm cơ sở cho quá trình đánh giá kết quả công việc.

Khắc phục tồn tại: Năm 2022, Phòng KT & ĐBCLGD phối hợp với Khoa TKMT xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên giảng dạy của Khoa Mỹ thuật.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ GV, CB của Trường tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và nước ngoài; có chính sách khuyến khích giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, tạo điều kiện về kinh phí đối với giảng viên học thạc sĩ, tiến sĩ, đi đào tạo ở nước ngoài. **[H6.06.05.01]**. Bên cạnh đó, Trường và Khoa luôn công khai thông báo các chương trình học bổng học tập nước ngoài nhằm tạo điều kiện để cán bộ GV trẻ tham gia dự tuyển, có quy định rõ ràng về các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường, trong đó hướng dẫn cụ thể cho GV khi tham gia các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ...ở nước ngoài. **[H6.06.05.02]**.

Các quy định về khen thưởng, hỗ trợ NCKH, đi hội thảo trong nước và nước ngoài; các nội dung chi, mức chi được quy định cụ thể trong các quy chế chi tiêu nội bộ (hỗ trợ chi trả học phí, trả thù lao biên soạn giáo trình, viết chuyên đề NCKH,...) của Nhà trường. **[H6.06.05.03]**.

Ngoài các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Trường tổ chức, về cơ bản, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Khoa chủ yếu là tự đào tạo thông qua hình thức tọa đàm, hội thảo, tham gia các Liên hoan phim, Liên hoan sân khấu; tham gia tổ chức các sự kiện mang tầm quốc gia (như GV của Khoa tham gia các hoạt động mang tính đối ngoại quốc gia; thiết kế các biểu tượng cho Liên hoan Phim Việt Nam lần thứ XII tại Thừa Thiên Huế tháng 11.2021) triển lãm, hội chợ Mỹ thuật trong nước và quốc tế, các dự án Văn hóa nghệ thuật...**[H6.06.05.04]**.

Tuy nhiên, Khoa Mỹ thuật chưa tổ chức nghiên cứu, khảo sát/ đánh giá nhu cầu đào tạo/ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên.

2. Điểm mạnh

Giảng viên có nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn cao. Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giảng viên tham gia các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, các khóa đào tạo tại ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo, ...). Hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho GV nhanh chóng, hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Khoa Mỹ thuật chưa tổ chức nghiên cứu, khảo sát/ đánh giá nhu cầu đào tạo/ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên. Kinh phí hỗ trợ GV tham gia

các hội nghị, hội thảo quốc tế còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Trường giao Phòng HCTH (TCCB) nghiên cứu xây dựng các chính sách tiếp tục duy trì hoặc nâng cao hơn nữa mức hỗ trợ để khuyến khích GV học tập nâng cao trình độ.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT phối hợp với Phòng HCTH (TCCB) khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV cũng như có kế hoạch cụ thể để triển khai các khóa học. Tăng cường tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các tổ chức, doanh nghiệp hoặc dự án để hỗ trợ GV tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng và được Bộ VHTTDL phê duyệt đề án vị trí việc làm, đây là căn cứ để quản trị theo kết quả công việc của giảng viên **[H6.06.06.01]**, theo đó, với từng chức danh công việc, Trường có qui định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy) cho từng loại đối tượng cán bộ giảng dạy. Bên cạnh đó, Nhà trường lấy phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; kiểm tra việc dự giờ, kế hoạch giảng dạy của GV... làm cơ sở triển khai hoạt động viên chức giảng dạy (giảng viên) theo năng lực làm việc **[H6.06.06.02]**.

Các GV đều phải xây dựng kế hoạch giảng dạy ngay từ đầu mỗi năm học **[H6.06.06.03]**, Hàng năm, khoa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo Hướng dẫn của Trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau **[H6.06.06.04]**

Nhà trường sử dụng kết quả đánh giá giảng viên để thực hiện quản lí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và các chính sách đãi ngộ đối với giảng viên, cụ thể: Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác sẽ là cơ sở để Khoa bình xét và đề cử danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, cấp bộ; được đề nghị khen thưởng Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ... Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những

cá nhân có thành tích cao, đột xuất xuất sắc sẽ được nâng lương trước hạn hoặc là cơ sở xem xét để bổ nhiệm vào vị trí quản lý chuyên môn hoặc hành chính. Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho GV sẽ tạo động lực cho GV phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu [H6.06.06.05]. Tính đến tháng 12 năm 2021, Nhà trường chưa nhận được đơn khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các GV. Các đánh giá theo kết quả công việc của GV công khai, minh bạch, rõ ràng [H6.06.06.06].

Về nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, do đặc thù của đào tạo ngành Thiết kế mỹ thuật, các giảng viên tham gia tham gia các Liên hoan phim, Liên hoan sân khấu; tham gia tổ chức các sự kiện mang tầm quốc gia (như GV của Khoa tham gia các hoạt động mang tính đối ngoại quốc gia; thiết kế các biểu tượng cho Liên hoan Phim Việt Nam lần thứ XII tại Thừa Thiên Huế tháng 11.2021) triển lãm, hội chợ Mỹ thuật trong nước và quốc tế, các dự án Văn hóa nghệ thuật, các triển lãm nghệ thuật.... [H6.06.05.04.DC]. Đây là những hoạt động mang lại nhiều ý nghĩa cho phát triển chuyên môn của giảng viên cũng như có giá trị ảnh hưởng, góp phần vào sự phát triển chung của cộng đồng. Do đó, Nhà trường đã có văn bản quy định cụ thể về việc căn cứ vào thành tích nghề nghiệp để tính quy đổi thành điểm nghiên cứu khoa học cho các giảng [H6.06.06.07].

2. Điểm mạnh

Trường có các quy định để thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của GV, tạo ra động lực cho GV phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhiều GV vượt định mức quy định cụ thể về khối lượng công việc và đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp cũng như các giải thưởng.

3. Điểm tồn tại

Trong giai đoạn 2015-2021, các hoạt động nghiên cứu khoa học (mang tính lý luận) của giảng viên khoa Mỹ thuật còn chưa nhiều, mới có giảng viên tham gia đề tài cấp Bộ chưa có GV tham gia đề tài cấp Nhà nước.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Nhà trường giao cho Phòng HCTH (TCCB); Phòng ĐT, QLKH & HTQT tổ chức khảo sát về sự đáp ứng của GV khoa Mỹ thuật đối với vị trí việc làm để xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ của Khoa. Duy trì các chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực tham gia NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT; Phòng HCTH (TCCB); Phòng ĐT, QLKH & HTQT phối hợp thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ GV về qui

trình và tiêu chí đánh giá kết quả công việc, thi đua khen thưởng. Khảo sát chỉ số quy đổi trong tính điểm NCKH, bổ sung ưu đãi trong chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH; định kỳ thực hiện hàng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Viện Sân khấu điện ảnh - Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội là đầu mối xây dựng kế hoạch về NCKH hằng năm của Nhà trường [H6.06.07.01]. Nhà trường đã ban hành Quy định rõ ràng về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài nghiên cứu khoa học của Trường ĐHSKĐAHN [H6.06.07.02].

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được Trường quy định rõ (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn SV TN) đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định, phù hợp với nhiệm vụ khoa học công nghệ của Trường. Kết thúc năm công tác, khoa và Trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm đảm bảo về số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV [H6.06.07.03].

Nhà trường đã có quy định rõ ràng về hướng nghiên cứu các đề tài ứng dụng phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy, các hình thức tham gia các dự án phim, liên hoan sân khấu, triển lãm nghệ thuật... trong ngành Mỹ thuật đều có các văn bản của Nhà trường hướng dẫn quy đổi sang định mức nghiên cứu khoa học. (Quy định chế độ làm việc của GV có xác định 12 nội dung các tác phẩm nghệ thuật được tính giờ NCKH). Nhiều tác phẩm, sản phẩm khoa học của Nhà trường được ứng dụng và hợp tác sản xuất với các đài truyền hình, các hội chuyên ngành uy tín, GV của Khoa Mỹ thuật đã đạt được nhiều giải thưởng trong nước ...[H6.06.05.04.DC] [H6.06.07.04].

Bên cạnh đó, Nhà trường có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định [H6.06.07.05]; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ [H6.06.07.06]. Các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ luôn được thông qua bởi một Hội đồng nghiệm thu với các thành viên là những người am hiểu về lĩnh vực nghiên cứu của GV [H6.06.07.07].

Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Nhà trường dưới nhiều hình thức từ đề tài, giáo trình đến tư liệu đã hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nâng cao trình độ cho đội ngũ GV của Trường.

Tuy nhiên, do đặc thù đào tạo của ngành Thiết kế mỹ thuật, các NCKH thể hiện trong các tác phẩm, sản phẩm SK-ĐA cụ thể, Khoa cũng nhận định rằng, GV

chưa có nhiều đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, chưa thực hiện đối sánh số lượng và chất lượng các kết quả NCKH; số lượng bài báo được công bố trong các hội thảo và tạp chí quốc tế còn chưa nhiều. Do đó, hiện nay việc đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV chưa được Khoa rà soát, điều chỉnh, đối sánh để nâng cao chất lượng của các hoạt động NCKH.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH theo định mức ứng với mỗi vị trí công việc của GV, có chính sách quy đổi giờ NCKH đặc thù.

3. Điểm tồn tại

GV của Khoa Mỹ thuật chưa có nhiều đề tài nghiên cứu lý luận cấp Bộ hoặc cấp nhà nước; Khoa chưa thực hiện đối sánh số lượng và chất lượng các kết quả NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, hằng năm Phòng HCTH (TCCB) phát huy các cơ chế hiện có (quy đổi; khen thưởng) để khuyến khích GV hoàn thành tốt nhiệm vụ NCKH.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Phòng HCTH (TCCB); Viện Sân khấu phối hợp với Khoa TKMT tổ chức hội thảo, tọa đàm để tìm ra giải pháp nâng cao chất lượng, số lượng đề tài NCKH. Thực hiện định kỳ rà soát, đối sánh kết quả và mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV để cải tiến chất lượng.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Đội ngũ giảng viên trong ngành TKMT SKĐA có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy; nghiên cứu khoa học; phục vụ cộng đồng của Khoa đã có những thành tích nhất định.

Trong giảng dạy, với số lượng người học như hiện tại, đội ngũ giảng viên của Khoa luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng theo quy định và đa số giảng viên có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao theo thăm dò ý kiến từ sinh viên. Trong NCKH, đội ngũ giảng viên của Khoa đã tích cực tham gia vào tất cả loại hình về nghệ thuật SK-ĐA, nhiều giảng viên được khen thưởng hoặc nhận các giải thưởng danh giá. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa và nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của giảng viên, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà

trường. Tuy nhiên, GV của chương trình chưa có nhiều đề tài NCKH cấp bộ hoặc cấp nhà nước.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 6:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 6		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 6.1				x				4,00	7	100 (7/7)
Tiêu chí 6.2				x						
Tiêu chí 6.3				x						
Tiêu chí 6.4				x						
Tiêu chí 6.5				x						
Tiêu chí 6.6				x						
Tiêu chí 6.7				x						

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội bao gồm nhân viên làm việc tại phòng chức năng (Phòng hành chính tổng hợp; Phòng đào tạo, quản lý khoa học và hợp tác quốc tế; Phòng công tác học sinh sinh viên; Phòng khảo thí & đảm bảo chất lượng giáo dục); Trung tâm thông tin thư viện. Do đặc thù đào tạo, Trường không có phòng thí nghiệm, thay vào đó là Trung tâm thực hành sân khấu - điện ảnh (xưởng phim thực nghiệm, nhà hát thể nghiệm, trung tâm âm thanh ánh sáng) và các bộ phận hỗ trợ sinh viên tại các phòng chiếu phim/ trường quay/ phòng tin học. Đội ngũ nhân viên của Trường và Khoa được tuyển dụng và đánh giá theo đúng quy định, được hỗ trợ phát triển chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện hiệu quả công việc đáp ứng tốt cho các hoạt động của Nhà trường nói chung và Khoa Thiết kế Mỹ thuật nói riêng.

Tiêu chí: 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2018 trở về trước, việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện theo các quy định của Bộ VHTTDL trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên. Từ năm 2019, Nhà trường có đề án tự tuyển dụng [H07.07.01.01]. Số lượng và chất lượng của nhân viên đáp ứng được nhu cầu để thực hiện công tác quản lý đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H07.07.01.02]. Việc xác định nhu cầu về đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường (Phần phát triển đội ngũ) và trong Đề án vị trí việc làm [H07.07.01.03]; [H07.07.01.04].

Bên cạnh đội ngũ nhân viên làm việc tại Trung tâm TTTV Nhà trường, phòng chiếu phim, phòng tin học, trường quay, Trung tâm Âm thanh - ánh sáng sân khấu, nhà hát, xưởng Trường, vv..., các đơn vị phòng chức năng (Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT; khảo thí & ĐBCLGD, HC-TH; Quản lý HSSV) đều phân công nhân viên trực tiếp phụ trách, hỗ trợ cho Khoa Mỹ thuật [H07.07.01.05]. Nhà trường đã có chính sách phát triển đội ngũ nhân viên thể hiện trong các văn bản: Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Nhà trường [H07.07.01.06]. Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội [H07.07.01.07], Quy chế chi tiêu nội bộ [H07.07.01.08]. Cụ thể, Nhà trường đã thực hiện chuyển đổi ngạch viên chức [H07.07.01.09], chính sách hỗ trợ kinh phí, thời gian

cho cán bộ phục vụ tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hội nghị hội thảo chuyên ngành và tổ chức các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ phục vụ [H07.07.01.10].

Bên cạnh đội ngũ nhân viên của Trường, Khoa Mỹ thuật còn có các giảng viên kiêm nhiệm công tác trợ lý, hỗ trợ công tác đào tạo và NCKH và kịp thời hỗ trợ cho người học giúp người học hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập [H07.07.01.11].

Đội ngũ nhân viên thực hiện quy trình đánh giá chất lượng công việc cũng như mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao, được bình xét thi đua theo đúng các quy định của Nhà trường. Tỷ lệ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt tỷ lệ cao trên 90% [H07.07.01.12].

Tuy nhiên, Nhà trường cũng như Khoa Mỹ thuật chưa thực hiện công tác khảo sát, đánh giá phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên; chưa phân tích, đánh giá nhu cầu về đội ngũ để có các kế hoạch tuyển dụng nhân sự hàng năm.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên của Trường/Khoa được quy hoạch đáp ứng hiệu quả công việc phục vụ cho việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH.

Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Chưa thường xuyên khảo sát phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, các phòng chức năng; Trung tâm thực hành SK-ĐA; Trung tâm TTTV tiếp tục cử các chuyên viên, kỹ thuật viên, NV tham gia các khóa tập huấn để tăng cường nghiệp vụ chuyên môn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT phối hợp với P.Khảo thí & ĐBCLGD định kỳ hàng năm khảo sát người học, giảng viên về chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí: 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm đảm bảo chất lượng nhân viên khi tuyển dụng và để phù hợp với vị trí

việc làm đã được phê duyệt, Trường đã ban hành các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng, điều chuyển và bổ nhiệm tuân theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định khác của các Bộ liên quan [H07.07.02.01]. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H07.07.02.02].

Các chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng [H07.07.02.03]. Việc bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, quy trình và công khai, minh bạch. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn [H07.07.02.04].

Trường, Khoa và các đơn vị luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp chuyên viên (chuyên viên chính) [H07.07.02.05]. Bên cạnh đó, trong quá trình làm việc, một số nhân viên có thể được thay đổi sang một vị trí mới phù hợp hơn với nhu cầu và khả năng [H07.07.02.06].

2. Điểm mạnh

Trường có xây dựng các tiêu chí tuyển chọn nhân viên để bổ nhiệm. Các tiêu chí là rõ ràng và được công khai để tuyển chọn.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa khảo sát, phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Phòng HCTH (TCCB) có kế hoạch xây dựng hệ thống chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể để giúp triển khai và đánh giá công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ..

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Phòng HCTH (TCCB) định kỳ 2 năm 1 lần tổ chức khảo sát, phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để đáp ứng yêu cầu tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí: 7.3 Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Để đánh giá năng lực của đội ngũ NV, các đơn vị đều triển khai thực hiện đồng bộ quy trình đánh giá do Trường quy định [H07.07.03.01]. Theo đó, căn cứ vào yêu cầu công việc, mỗi cán bộ NV các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc Trường đều

phải thực hiện đăng ký thi đua hàng năm [H07.07.03.02].

Vào cuối mỗi năm học, các NV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học [H07.07.03.03]. Việc tự đánh giá căn cứ theo chức danh (nhân viên làm quản lý có tiêu chí đánh giá riêng), nhiệm vụ được giao. Sau đó, lãnh đạo đơn vị thực hiện đánh giá (lãnh đạo đơn vị được đánh giá bởi cấp trên - Ban Giám hiệu), cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Kết quả đánh giá phản ánh rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu, năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ hỗ trợ [H07.07.03.04]. Như vậy, năng lực của đội ngũ NV đều được đánh giá theo đúng quy trình thủ tục.

Hàng năm, các quy định, quy trình đánh giá năng lực NV đều được cải tiến dựa trên những ý kiến đóng góp của cán bộ NV [H07.07.03.05]. Kết quả bình xét đánh giá mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ nhân viên hàng năm (kể từ năm 2015 đến 2021) đạt nhiều danh hiệu Lao động tiên tiến. Trong đó có cán bộ, nhân viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp Bộ, Bằng khen của Bộ trưởng....và được xét đề nghị nâng lương trước hạn [H07.07.03.06]. Đặc biệt, đội ngũ làm công tác quản lý các phòng chức năng của Trường đa phần có học vị tiến sĩ, bên cạnh đó còn tham gia công tác giảng dạy, góp phần hiểu rõ và phục vụ tốt hơn công tác đào tạo. Đội ngũ trợ lý Khoa Mỹ thuật được đánh giá, cho điểm về công tác phục vụ và được hỗ trợ kinh phí [H07.07.03.07].

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ nhân viên của Trường được xác định thông qua tiêu chí tuyển dụng, bản mô tả vị trí việc làm và kết quả và kết quả làm việc được đánh giá hàng năm. Các nhân viên đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động lấy ý kiến về sự hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên thực hiện CTĐT chưa được triển khai định kỳ.

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Trường luôn chú trọng đến việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV hỗ trợ, các chính sách này được thực hiện từ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch [H07.07.04.01]. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên tham gia các khóa học tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H07.07.04.02]. Trên cơ sở đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên, Trường lập danh sách gửi về Bộ VHTTDL hoặc các đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, bên cạnh đó, Trường hỗ

trợ 100 % kinh phí đào tạo bồi dưỡng **[H07.07.04.03]**.

Đội ngũ nhân viên được tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của Nhà trường. Song, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học, Nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên. Các lĩnh vực nâng cao bồi dưỡng được xác định gồm: lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ và tin học, an ninh quốc phòng **[H07.07.04.04]**. Các khóa học đáp ứng yêu cầu thực tiễn nên đã thu hút đông đảo cán bộ NV nhiệt tình tham gia. Sau mỗi khóa học, các nhân viên được yêu cầu gửi minh chứng như bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, giấy chứng nhận về bộ phận tổ chức cán bộ, đồng thời thực hiện khai bổ sung sơ yếu lý lịch hằng năm **[H07.07.04.05]**.

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của các nhân viên, hàng năm Trường luôn xác định cụ thể các nội dung cần bồi dưỡng cho nhân viên và có phân bổ ngân sách đào tạo **[H07.07.04.06]**.

Từ năm 2015-2021, nhiều nhân viên của Trường đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn để dự thi nâng ngạch từ chuyên viên lên chuyên viên chính hoặc được cấp bằng thạc sĩ, tiến sĩ **[H07.07.04.07]**.

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ nhân viên và có những hình thức để đáp ứng nhu cầu đó. Khoa luôn cử đội ngũ nhân viên của Khoa tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường. Mặc dù, số lượng cán bộ hỗ trợ của Khoa còn ít nhưng luôn đảm bảo sự trợ giúp tối đa cho SV trong các hoạt động đào tạo của ngành Thiết kế mỹ thuật.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên, nhất là bộ phận hỗ trợ cho Khoa Mỹ thuật còn chưa đa dạng. Kinh phí hỗ trợ cho đội ngũ nhân viên về đào tạo và phát triển chuyên môn còn hạn hẹp.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Phòng HCTH (TCCB), các phòng chức năng, trung tâm thực hành, TTTTTV định kỳ hàng năm khuyến khích các nhân viên phòng ban tham gia các khóa tập huấn về nghiệp vụ chuyên môn. Giao các phòng chủ động đề xuất các lớp học, khóa tập huấn có liên quan đến nghiệp vụ của đơn vị.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Phòng HCTH (TCCB), các phòng chức năng, trung tâm thực hành, TTTTTV định kỳ hàng năm khảo sát nhu cầu đào tạo của đội ngũ

nhân viên và có kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ hỗ trợ. Tổ chức các khóa, lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên theo nhu cầu.

5. *Tự đánh giá:* Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. *Mô tả hiện trạng*

Để việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên được triển khai tốt, tạo động lực; hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Nhà trường cũng như Khoa Mỹ thuật triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao thể hiện qua bản mô tả vị trí công việc và các quy định cụ thể trong quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H07.07.05.01] [H07.07.05.02] Tất cả nhân viên đều được phân công phụ trách từng mảng công việc cụ thể phù hợp với năng lực chuyên môn [H07.07.05.03]. Trưởng các đơn vị trực tiếp giám sát hiệu quả công việc của mỗi nhân viên; nhận xét của đồng nghiệp và bản tự nhận xét đánh giá của nhân viên để đánh giá xếp loại vào cuối năm [H07.07.05.04]

Hàng năm, Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường dựa vào kết quả đánh giá để đánh giá, ghi nhận và khen thưởng thành quả của từng nhân viên [H07.07.05.05]. Quy trình đánh giá được thực hiện chặt chẽ theo các bước: nhân viên tự đánh giá, lãnh đạo đơn vị đánh giá, họp đơn vị thảo luận kết quả tự đánh giá và đánh giá của thủ trưởng đơn vị, Ban Giám hiệu đánh giá (đối với nhân viên làm công tác quản lý) và Hội đồng thi đua khen thưởng đánh giá. Các tiêu chí đánh giá được xác định rõ ràng, trên cơ sở tổng điểm đánh giá (có mẫu phiếu); nhân viên được đánh giá ở 4 mức là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Yêu cầu đối với mức xuất sắc của nhân viên là phải có sáng kiến kinh nghiệm hoặc công trình khoa học được đăng trên tạp chí có tính điểm của Hội đồng chức danh Nhà nước, hoặc bài viết tham gia Hội thảo chuyên đề (đối với ngành MTSKĐA được quy đổi thành các tác phẩm/ sáng tác/ hoạt động nghề nghiệp được ghi nhận bằng giải thưởng...) [H07.07.05.06]. Kết quả xếp loại viên chức là cơ sở để bình xét các danh hiệu thi đua và xét nâng lương trước hạn [H07.07.05.07].

Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa còn tích cực tiếp thu ý kiến của đội ngũ nhân viên để hoàn thiện Quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H07.07.05.08]. 100% nhân viên của Trường được tham gia xây dựng góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc.

Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức Hội nghị CCVC và có báo cáo của Thanh tra nhân dân, trong đó ghi nhận kết quả giám sát đối với việc thực hiện các chính sách của Nhà trường. Tính đến năm 2021, Nhà trường không nhận được những ý kiến khiếu nại gì về việc quản trị theo kết quả công việc thông qua các hình thức thi đua khen thưởng [H07.07.05.09]

2. Điểm mạnh

Có tiêu chuẩn, quy trình đánh giá rõ ràng, triển khai đồng bộ công tác đánh giá kết quả công việc của NV, kết quả đánh giá đã khích lệ đội ngũ NV thực hiện tốt công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ nhân viên rất khó khăn để đạt được danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (ví dụ: thiếu bài báo - công trình NCKH hoặc sáng kiến cải tiến kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế) theo các quy định trong Quy chế thi đua khen thưởng.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Phòng HCTH (TCCB) và các đơn vị thuộc Trường hoàn thiện chính sách quản trị nguồn nhân lực chú trọng khâu đánh giá kết quả thực hiện bằng cách xây dựng tiêu chí đánh giá rõ ràng, cụ thể để ĐGCL công việc và theo dõi, giám sát thực hiện.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Nhà trường cần có những thay đổi về quy định thi đua - khen thưởng cho phù hợp để tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên đạt được danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở nhằm khuyến khích nhân viên nỗ lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tổ chức khảo sát sự hài lòng của NV về việc quản trị theo kết quả công việc. Rà soát bản mô tả vị trí việc làm.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Trường có đội ngũ nhân viên (cán bộ hỗ trợ) đảm bảo về số lượng, có năng lực chuyên môn và sẵn sàng phục vụ. Đội ngũ này được tuyển dụng, bổ nhiệm đúng quy định và công khai. Nhà trường luôn tạo điều kiện để đội ngũ nhân viên học tập, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được thực hiện một cách công bằng, có tác dụng kích thích, động viên lớn. Bên cạnh đó vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục như: Nhà trường/ Khoa chưa khảo sát các bên liên quan (nhất là người học) về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên; kinh phí hỗ trợ cho đội ngũ nhân viên về đào tạo và phát triển chuyên môn còn hạn hẹp; tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân

viên (cũng như để đạt được mức độ ghi nhận cao nhất) chưa được lượng hóa cụ thể, cơ bản vẫn còn định tính.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 7:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 7		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 7.1				x				4,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 7.2				x						
Tiêu chí 7.3				x						
Tiêu chí 7.4				x						
Tiêu chí 7.5				x						

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội - Khoa TKMT luôn xác định người học và hoạt động hỗ trợ người học đóng một vai trò rất quan trọng trong đảm bảo chất lượng của CTĐT. Giai đoạn 2015-2021, Trường đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp tuyển sinh được công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được triển khai minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên trường sạch đẹp, trang thiết bị dạy-học hiện đại, tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và được cập nhật

Chính sách tuyển sinh của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội - Khoa Thiết kế mỹ thuật luôn được coi là khâu khởi đầu rất quan trọng của chuỗi quá trình đào tạo, do đó những chính sách/quy định về tuyển sinh của Trường/ Khoa đều thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chi tiết nhằm cung cấp thông tin về các hình thức tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh đến với những thí sinh có nhu cầu. Ngành Thiết kế mỹ thuật được tuyển sinh theo quy chế của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng áp dụng cho khối các trường năng khiếu đã được Bộ GD & ĐT phê duyệt **[H08.08.01.01]**. Các thông tin được xác định rõ ràng như: Đối tượng thi tuyển/ xét tuyển, những chính sách ưu tiên, chỉ tiêu, ngành và chuyên ngành đào tạo; điều kiện dự thi; quy trình thi năng khiếu; hồ sơ và lệ phí và thời gian thi tuyển.

Hàng năm, các thông tin tuyển sinh của Nhà trường được công bố công khai trên website của Trường, tại địa chỉ <http://skda.edu.vn>; trang facebook của Khoa/ Trường; trong các chương trình tư vấn tuyển sinh do ĐH Bách khoa, Sở Giáo dục & Đào tạo; các đơn vị báo chí tổ chức (Ngày hội tuyển sinh) **[H08.08.01.02]**. Ngoài ra các thông tin về tuyển sinh còn được gửi văn bản tới các sở GD&ĐT các tỉnh thành phố, các trường THPT trên toàn quốc; các đơn vị tuyển dụng đặc thù: Đài truyền hình, đài phát thanh, hãng phim, nhà hát, đoàn nghệ thuật trung ương, địa phương **[H08.08.01.03]**. Bên cạnh các quy định về tuyển sinh được cụ thể hóa trong các văn bản của Trường, Khoa Thiết kế mỹ thuật còn tổ chức lớp giải đáp thắc mắc để hỗ trợ trực tiếp thông tin cần thiết đến các thí sinh. Trước kỳ thi sơ tuyển khoảng một tháng, khoa cùng nhà trường hỗ trợ, giải đáp tất cả các thắc mắc của các thí sinh trực tiếp tại trường, từ chuyên môn tới các thủ tục hành chính, nhằm giúp thí sinh tránh được các sai sót đáng tiếc. **[H08.08.01.04]**. Để người có nhu cầu học dễ dàng tìm kiếm thông

tin; nhằm nâng cao hiệu quả quảng bá và đưa thông tin tuyển sinh đến các địa phương khác, nhà trường thành lập Tổ Truyền thông đi đến từng địa phương để quảng bá về hoạt động tuyển sinh của Nhà trường hoặc tổ chức cho các Trường THPT đưa học sinh đến thăm quan, trải nghiệm tại Nhà trường [H08.08.01.05]. Chính sách tuyển sinh được Trường rà soát và cập nhật theo đúng qui định hiện hành. Sau khi kết thúc công tác tuyển sinh hằng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh nhằm mục đích đánh giá hiệu quả công tác tuyển sinh, từ đó xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm học tới nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh hằng năm [H08.08.01.06].

Tuy nhiên, Trường/ Khoa Thiết kế mỹ thuật chưa phân tích/ dự báo nhu cầu nhân lực trên cơ sở góp ý của các bên liên quan để làm cơ sở xây dựng chính sách tuyển sinh.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách tuyển sinh được thực hiện đúng quy chế của Bộ GD & ĐT. Chính sách tuyển sinh cũng được xác định rõ ràng, công bố công khai giúp cho việc tuyển sinh của Trường thuận lợi; đối tượng tuyển sinh được tiếp cận thông tin dễ dàng và đầy đủ.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực chưa được thực hiện thường niên. Nhà trường chưa có nhiều dữ liệu về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh chưa đáp ứng đầy đủ cho việc.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, trước khi lập Kế hoạch tuyển sinh hàng năm, P. ĐTQLKH & HTQT tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chính sách tuyển sinh, cập nhật và chủ động công bố thông tin và hình ảnh trên website của trường, của khoa, thực hiện tuyển sinh theo đúng quy định của Bộ GD & ĐT. Thành lập Ban truyền thông để thực hiện tốt hơn nữa công tác quảng bá tuyển sinh và các hoạt động chung của nhà trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, P. ĐTQLKH & HTQT thực hiện khảo sát sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, đồng thời thu thập dữ liệu về nhu cầu nhân lực ngành Thiết kế mỹ thuật của xã hội để làm cơ sở xây dựng đề án tuyển sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội - Khoa Thiết kế mỹ thuật thực hiện các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học căn cứ vào quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời dựa trên cơ sở đúc kết thực tế tuyển sinh của Trường qua các năm trước [H08.08.02.01]. Thông tin về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong Đề án tuyển sinh của Trường [H08.08.02.02].

Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh, các Ban Thư ký, Ban coi thi, bên cạnh đó Hiệu trưởng Nhà trường còn thành lập Ban thanh tra tuyển sinh để thực hiện giám sát toàn bộ quy trình và phương pháp tuyển chọn thí sinh [H08.08.02.03]. Trước mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường đều tổ chức tập huấn công tác tuyển sinh cho toàn bộ lực lượng liên quan đến kỳ thi tuyển [H08.08.02.04].

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, đề rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học, Trường tổ chức hội nghị (họp) rút kinh nghiệm, trong đó tham khảo ý kiến của mỗi thành viên hội đồng tuyển sinh; đánh giá điểm mạnh và những điểm cần cải thiện về công tác tổ chức để nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh [H08.08.02.05]. Tất cả thông tin về kết quả tuyển sinh đều được thông báo rõ ràng, đầy đủ trên website của Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội và facebook của Trường [H08.08.02.06]. Tính đến thời điểm, Nhà trường chưa nhận được bất kỳ ý kiến nhận xét nào đánh giá không tốt về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học [H08.08.02.07]. Khoảng 2 năm trở lại đây, do giãn cách xã hội (vì dịch bệnh COVID -19), việc tuyển sinh của khoa TKMT phải tổ chức dưới hình thức trực tuyến. Cách thức này cũng là tình thế, tuy nhiên Khoa sẽ tổng kết, đánh giá đối với hình thức thi online để thực hiện hiệu quả việc tuyển sinh (nếu có).

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Khoa được xác định rõ ràng, theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và đề án tuyển sinh của Nhà trường; được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào các chuyên ngành của khoa.

3. Điểm tồn tại

Một số lượng thí sinh vùng xa vùng cao có thể khó khăn về tiếp cận thông tin tuyển sinh của nhà trường, nhất là trong bối cảnh thi trực tuyến (do dịch bệnh hoặc lý do khác không thể thực hiện tuyển sinh trực tiếp).

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa Thiết kế mỹ thuật phối hợp với P. ĐT, QLKH & HTQT nghiên cứu tiêu chí và phương pháp tuyển sinh mới để có thể thu hút được đa dạng các đối tượng thí sinh, chú trọng xác định năng lực nền của học sinh phù hợp với ngành học.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, P. ĐT, QLKH và HTQTố gắng tối đa để tiếp cận các đối tượng thí sinh ở các vùng miền khác nhau bằng nhiều hình thức khác nhau. Bổ sung tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học theo hình thức tuyển sinh trực tuyến.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học

1. Mô tả hiện trạng

Người học được tư vấn hỗ trợ kịp thời trong suốt quá trình học. Trước hết, Nhà trường có quy trình, có công cụ giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng của người học. Nhà trường dựa trên Quy chế đào tạo đại học [H08.08.03.01], đồng thời ban hành những quy định đào tạo riêng của Trường về việc xây dựng đề cương chi tiết, quy định về tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết thúc học phần, công bố điểm, quy định rõ ràng chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ, tốt nghiệp các môn lý luận chính trị, giáo dục quốc phòng [H08.08.03.02].

Sự tiến bộ, kết quả học tập và khối lượng học tập, kết quả rèn luyện của sinh viên ngành TKMT SKĐA được quản lý bởi phòng Đào tạo, QLKH & HTQT; Công tác học sinh sinh viên (HSSV), Khảo thí & ĐBCLGD, trợ lý Khoa TKMT và giảng viên chủ nhiệm, giảng viên chuyên môn [H08.08.03.03].

Giảng viên chủ nhiệm, các giảng viên trong bộ môn và khoa căn cứ vào kết quả học tập để kịp thời khích lệ, tuyên dương cũng như nhắc nhở, tư vấn và hướng dẫn người học điều chỉnh kế hoạch học tập. Trường triển khai hoạt động đánh giá xếp loại sinh viên, khen thưởng, kỷ luật theo đúng quy định hiện hành [H08.08.03.04].

Để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, Nhà trường có bộ phận kiểm tra nề nếp giảng dạy và học tập [H08.08.03.05]. Các thông tin về tình hình học tập và rèn luyện của sinh viên được cập nhật hằng tuần, được công bố trong cuộc họp giao ban hằng tháng giữa trường các đơn vị với Ban Giám hiệu Nhà trường để trao đổi và tìm các biện pháp chấn chỉnh [H08.08.03.06]. Hiệu trưởng Nhà trường trực tiếp chỉ đạo và giao Phó HT phụ trách công tác HSSV trực tiếp điều hành kế

hoạch kiểm tra nề nếp giảng dạy học tập, trong đó thể hiện việc giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học cũng như việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giảng viên **[H08.08.03.07]**.

Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều công bố Thời khóa biểu của từng Khoa trong đó có các thông tin về lớp học, giảng viên, thời gian học, môn học **[H08.08.03.08]**. Điều này cung cấp cho SV thông tin về sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập, đảm bảo người có học lực trung bình hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Số lượng môn học/ học phần được phân bổ hợp lý giữa các kì, trong đó các môn học đại cương về lý luận chính trị được phân bổ đều vào các học kì để tránh sự nhàm chán, đặc biệt trong học kì đầu tiên khi sinh viên mới vừa nhập học, chương trình phân bổ 1-2 học phần liên quan đến chuyên ngành không cần điều kiện tiên quyết để các giảng viên của bộ môn tiếp cận sinh viên ngay từ đầu, kịp thời định hướng nghề nghiệp, giải đáp thắc mắc về cơ hội việc làm cũng như tương tác, hỗ trợ, đồng hành với từng cá nhân sinh viên trong từng bài giảng chuyên môn và cả trong đời sống. Bên cạnh đó, các học phần trong khung CTĐT của ngành TKMT SKĐA đã được Khoa TKMT xây dựng chặt chẽ trong đó lấy vai trò của ngành học TKMT SKĐA làm trung tâm, đó là mối quan hệ tương tác với các thành phần sáng tạo quan trọng trong sản xuất, sáng tạo nghệ thuật là: Thiết kế Mỹ thuật Sân khấu – Điện ảnh; Thiết kế Đồ họa kỹ xảo; Thiết kế Trang phục; Nghệ thuật hóa trang. Vì vậy, hầu hết các bài tập trong các học phần của chuyên ngành TKMT SKĐA đều có sự cộng tác, đánh giá cùng của các GV các chuyên ngành nói trên - và ngược lại **[H08.08.03.09]**.

Các kì học được phân bổ hợp lý từ lý thuyết, thực hành, thực tập để người học phát triển đầy đủ kiến thức, kỹ năng, để đảm bảo hầu hết sinh viên có thể tốt nghiệp đúng tiến độ. Sinh viên ngành TKMT SKĐA có sự tương tác chặt chẽ với GV trong đào tạo chuyên môn, SV luôn biết chắc chắn bài thi của họ có vấn đề gì và họ được bàn bạc với GV để có ngay giải pháp cả về nội dung chuyên môn và thủ tục hành chính trong suốt quá trình học. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành Sổ tay sinh viên, hỗ trợ các thông tin về Trường ngay từ các buổi học trong tuần giáo dục công dân **[H08.08.03.10]**.

Theo kế hoạch của Nhà trường, Khoa tổ chức các buổi sinh hoạt lớp để trợ lý khoa/ giáo viên chủ nhiệm của khoa nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, quá trình học tập của sinh viên. Qua đó phối hợp với Ban chủ nhiệm khoa để có hướng điều chỉnh và hỗ trợ SV tốt nhất. Sinh viên được đối thoại trực tiếp với toàn bộ giảng viên trong khoa để giải đáp các thắc mắc của sinh viên về đào tạo, học tập. Qua đây, khoa, nhà trường tổng hợp các ý kiến, các đề xuất của người học để kịp thời điều chỉnh, giám sát và hỗ trợ người học (các bản tổng hợp ý kiến này được đưa ra Hội nghị đối thoại với sinh

viên).

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức hội nghị đối thoại giữa Ban Giám hiệu, trưởng các phòng chức năng (đơn vị hỗ trợ) với sinh viên, nhằm nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện. Đồng thời, cung cấp cho sinh viên những thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường liên quan tới chế độ, chính sách đối với sinh viên, quyền và nghĩa vụ của sinh viên trong quá trình học tập tại Trường. Qua đó, kịp thời giải quyết những đề nghị, nhu cầu chính đáng của sinh viên nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện. **[H08.08.03.11]**.

Kết quả học tập của từng môn học của người học được thực hiện lưu trữ theo quy định tại P. ĐTQLKH&HTQT, **[H08.08.03.12]**. Trước mỗi kỳ tốt nghiệp của khóa học, phiếu điểm (điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi, điểm tổng kết học phần) của sinh viên được P. Khảo thí & ĐBCLGD kiểm tra, đối chiếu với bảng tổng hợp điểm toàn khóa **[H08.08.03.13]**. Kết quả học tập là cơ sở để xét học bổng, cảnh báo học vụ, danh hiệu được đề xuất, điều kiện lên lớp, điểm rèn luyện, xét điều kiện để được làm bài tốt nghiệp hoặc xét kết nạp vào Đảng CSVN **[H08.08.03.14]**.

Trường có những văn bản pháp quy để thực hiện việc giám sát hoạt động của người học, tuy nhiên Nhà trường chưa hệ thống hóa thành quy định về theo dõi sự tiến bộ của người học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống giám sát phù hợp nhằm theo dõi và cập nhật tiến độ học tập của người học kịp thời, chính xác.

Cán bộ giảng viên trong khoa TKMT đa phần là những giảng viên giàu kinh nghiệm thực tế, nhiệt huyết, gần gũi với sinh viên nên kịp thời nắm bắt chính xác vấn đề của sinh viên gặp phải và sẵn sàng hỗ trợ người học.

3. Điểm tồn tại

Kết quả học tập từng môn học của người học chưa được cập nhật lên hệ thống quản lý trực tuyến để thông báo cho sinh viên. Điều này gây khó khăn cho GVCN trong quá trình theo dõi sự tiến bộ của người học.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa TKMT, Phòng ĐT, QLKH & HTQT, P. KT & ĐBCLGD tiếp tục theo dõi chặt chẽ tiến độ học tập của người học, đặc biệt là các sinh viên bị cảnh báo học vụ để hỗ trợ kịp thời.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT, Phòng ĐT, QLKH & HTQT, P.

KT & ĐBCLGD, Phòng CTHSSV phối hợp xây dựng phần mềm chuyên dụng, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong quản lý đào tạo. Cải tiến công cụ giám sát kết quả học tập của sinh viên; cập nhật lên hệ thống quản lý trực tuyến để thông báo cho sinh viên; mở tài khoản điện tử dành cho GVCN để hỗ trợ trong quá trình theo dõi sự tiến bộ của người học. Xây dựng quy định về theo dõi sự tiến bộ của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 8.4: Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác, nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua cũng như các dịch vụ hỗ trợ khác đối với người học của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội - Khoa TKMT được thực hiện kịp thời ngay từ thời gian đầu ở trường đại học cho đến khi tốt nghiệp.

Phòng Công tác học sinh, sinh viên của Trường là đơn vị chức năng chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua để hỗ trợ việc học tập của SV, Ban Giám hiệu Nhà trường phân công một Phó HT phụ trách công tác HSSV [H8.08.04.01]. Bên cạnh đó, các hoạt động tư vấn được thực hiện bởi Đoàn Thanh niên CSHCM; đội ngũ giảng viên chuyên môn; giáo viên chủ nhiệm và trợ lý của Khoa [H08.08.04.02].

Quy trình triển khai các hoạt động động tư vấn, hỗ trợ SV được vận hành ngay khi mỗi khóa đào tạo bắt đầu, Trường có quyết định phân công GVCN cho từng lớp [H8.08.04.02], phân công cán bộ lớp, đây là những đầu mối giao tiếp cơ bản của Trường đối với người học. Trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H08.08.04.03] giúp SV nắm nhất tiếp cận các quy chế, hướng dẫn phương pháp học tập, cách thức đánh giá cũng như các quy định công dân để nhanh chóng hòa nhập với môi trường học tập mới trong trường đại học. Bên cạnh đó, Trường còn cung cấp sổ tay sinh viên để mỗi SV tham khảo và sử dụng khi cần trong suốt quá trình học [H5.05.04.03.DC] [H08.08.04.04]. Ngoài ra, Trường phân công Khoa TKMT tổ chức buổi đón tiếp SV mới với sự tham gia đầy đủ CBGV, đại diện Nhà trường và tất cả SV của Khoa [H08.08.04.05].

Trong suốt quá trình học, người học được hỗ trợ các chính sách như: học bổng, và hỗ trợ thủ tục hành chính trong chương trình vay vốn tín dụng đối với học sinh, sinh viên [H08.08.04.06], miễn giảm học phí theo quy định của Nhà nước (người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo, cũng như việc trợ cấp xã hội cho SV)

[H08.08.04.07], đăng tải thông tin tuyển dụng cũng như có báo cáo tổng kết đánh giá tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp **[H08.08.04.08]**.

Sinh viên ngành TKMT SKĐA còn được tham gia những hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ trực tiếp cho việc học tập như: tham gia các chuyên đề được thực hiện theo lịch (và cả bất thường) tùy theo sự kiện, diễn ra trong đời sống SKĐA Việt Nam cũng như Quốc tế. **[H08.08.04.09]**.

Để nâng cao hiệu quả học tập cho SV, GV chuyên môn của Khoa chịu trách nhiệm hỗ trợ, theo dõi và hướng dẫn SV trong suốt quá trình học tập theo quy định của Trường. Bên cạnh đó, trong các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng, công tác hỗ trợ HSSV được Nhà trường rà soát, P. CTHSSV có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, cũng như những công việc trong tháng để toàn Trường được biết, Hiệu trưởng Nhà trường đều có kết luận chỉ đạo kịp thời. Đặc biệt, đối với những sinh viên xuất sắc, Khoa TKMT đều đề nghị Nhà trường kịp thời khen thưởng **[H08.08.04.10]**.

Định kỳ mỗi năm một lần, Trường tổ chức Hội nghị đối thoại giữa cán bộ lãnh đạo Nhà trường với SV toàn trường, nhằm tập trung giải đáp các thắc mắc của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và hỗ trợ người học, Ngoài ra, Khoa cũng chỉ đạo các lớp tổ chức sinh hoạt lớp hàng tháng, có đại diện Ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm, trợ lý khoa tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV **[H08.08.04.11]**.

Trường, khoa tích cực chủ động lên danh sách các đơn vị thực tập phù hợp với ngành đào tạo để sinh viên lựa chọn hoặc khuyến khích SV chủ động lựa chọn, tìm kiếm đơn vị thực tập theo mong muốn và có sự hướng dẫn của GV trong quá trình SV thực tập nghề nghiệp, đồng thời thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp và kết nối mạng lưới cựu người học để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV **[H8.08.04.12]**.

Ngoài ra, Đoàn thanh niên trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa như tổ chức các hoạt động thể thao phong trào cho SV, nhằm tạo điều kiện giao lưu giữa SV các khóa, các ngành đào tạo và giữa SV với GV, viên chức Trường, hỗ trợ tích cực việc học tập và nâng cao đời sống tinh thần, thể chất cho SV. Qua mỗi hoạt động SV được trau dồi và rèn luyện thêm các kỹ năng mềm đồng thời SV có cơ hội thể hiện sức sáng tạo, nhiệt huyết và bản lĩnh của tuổi trẻ; mỗi hoạt động đều được đánh giá thi đua, khen thưởng cho cá nhân và tập thể **[H8.08.04.13]**.

Công tác tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV ngành TKMT SKĐA đã có những ảnh hưởng tích cực đến đời sống tinh thần cũng như khuyến khích SV nỗ lực học tập, rèn luyện tốt hơn. Từ năm 2015-2021, Nhà trường/ Khoa chưa nhận được

thông tin nào phản hồi không tốt về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác từ sinh viên.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có rất nhiều hoạt động hỗ trợ học tập, ngoại khóa, thi đua để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

3. Điểm tồn tại

Trong năm 2020, do tình hình Covid nên hoạt động trao đổi sinh viên với các đơn vị đối tác bị trì hoãn. Nhà trường và khoa chưa khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa Thiết kế mỹ thuật phối hợp phòng CTHSSV, Đoàn TNCSHCM, tiếp tục tăng cường các hoạt động ngoại khóa, trao đổi sinh viên (bằng cả hình thức trực tuyến).

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa Thiết kế mỹ thuật không ngừng hỗ trợ cho mọi hoạt động của người học trong khoa. Nâng cao rà soát tất cả các hoạt động hỗ trợ người học các chuyên ngành trong khoa. Từ năm 2022, Khoa Thiết kế mỹ thuật phối hợp với phòng CTHSSV, Khảo thí & ĐBCLGD định kỳ hằng năm lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học đánh giá về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác của Khoa/ Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm thiết lập môi trường làm việc, học tập thân thiện, không khí thoải mái tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, Nhà trường luôn có chính sách về đảm bảo môi trường học tập, sức khỏe và an toàn cho người học, các hoạt động này được giao cho Phòng Hành chính, tổng hợp chủ trì và phối hợp các đơn vị trong toàn Trường [H08.08.05.01]. Để có được cảnh quan sạch đẹp nhà trường luôn hợp đồng với đội vệ sinh của công ty Hoàn Mỹ làm việc từ 6h30-16h30 tất cả các ngày [H08.08.05.02].

Sơ đồ trường đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội được bố trí hợp lí các khu giảng đường, khu hành chính, trung tâm thực hành SK-ĐA, phòng chiếu phim, nhà hát, sân tập... Đặc biệt, nhân kỷ niệm 40 năm thành lập Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội (1980-2020). Dưới sự chỉ đạo, phân công của Ban giám hiệu Nhà

trường, KhoaTKMT đã thiết kế, trang trí khu nhà B với việc tái hiện những dấu ấn, khung cảnh mang tính nghệ thuật, đậm chất sáng tạo riêng **[H08.08.05.03]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường được sử dụng khu giáo dục thể chất và ký túc xá thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng riêng cho các trường văn hóa nghệ thuật. Khu thể chất có sân bóng đá, nhà thi đấu đa năng và khu bể bơi với cảnh quan thoáng mát, tiện nghi cùng nhiều chính sách hỗ trợ internet, thể thao, ăn uống, sinh hoạt **[H08.08.05.04]**. Đoàn TNCS Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao và nhiều cuộc thi bổ ích khác để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho SV, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng SV trong trường **[H08.08.05.05]**.

Nhà trường có sơ đồ, vị trí lắp đặt pano, băng rôn và hình ảnh pano, băng rôn trong đó có các Pano tại các khu giảng đường để mỗi người học, nhân viên luôn nhận thức được vai trò sứ mệnh của bản thân, có động lực làm việc, học tập, phát triển bản thân **[H08.08.05.06]**.

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, nhà trường có phòng y tế tại tòa nhà A2 với một cán bộ phụ trách luôn hỗ trợ sinh viên về vấn đề y tế cơ bản **[H08.08.05.07]**. Giai đoạn 2015-2020, 100% SV khoa Thiết kế Mỹ thuật được tham gia bảo hiểm y tế đầy đủ. Hàng năm, SV được thăm khám sức khỏe cơ bản định kỳ và hướng dẫn tham gia các hoạt động tích cực của y tế **[H8.08.05.08]**. SV được cung cấp Sổ tay sinh viên và được phổ biến các văn bản về quy tắc ứng xử của cán bộ cũng như học sinh, sinh viên trong Nhà trường **[H8.08.05.09]**. Công tác an toàn học đường/an toàn vệ sinh thực phẩm được trường, khoa quan tâm chỉ đạo và giám sát hiệu quả **[H8.08.05.10]**. Hàng năm, nhà trường tổ chức phun thuốc muỗi để phòng chống dịch sốt xuất huyết; thực hiện nghiêm túc các biện pháp sát khuẩn/ phòng chống dịch theo quy định, nhất là trong giai đoạn phòng chống dịch Covid -19 **[H8.08.05.11]**.

Ngoài ra, nhà trường luôn chú trọng hệ thống phòng cháy, chữa cháy. Hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy tại các giảng đường, phòng thực hành, các phòng làm việc, được trang bị đầy đủ, được lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy kiểm tra định kỳ. Ngoài ra, định kì nhà trường tổ chức khóa tập huấn phòng cháy chữa cháy cho nhân viên để có kỹ năng đảm bảo an toàn về cháy nổ trong nhà trường **[H08.08.05.12]**. Nhà trường quy định toàn cán bộ công nhân viên phải đeo thẻ (bảng tên, chức danh) khi làm việc, giữ thái độ hòa nhã và tận tụy với sinh viên và luôn nhấn mạnh văn hóa học đường, ban hành các nội quy giảng đường, phòng thực hành, phòng chiếu phim, nội quy tại TTTT Thư viện... **[H08.08.05.13]**.

Định kỳ, Khoa và Trường tổ chức đối thoại với sinh viên để kịp thời nắm bắt tâm

tư, nguyện vọng của sinh viên, từ đó đưa ra những giải pháp cho các vấn đề mà sinh viên gặp phải. Đa số sinh viên hài lòng với những điều kiện về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan mà Nhà trường mang lại [**H08.08.05.14**].

2. Điểm mạnh

Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

3. Điểm tồn tại

Khu thể chất của Trường do Bộ VH-TT-DL quản lý riêng, do đó quần thể để sinh viên rèn luyện thể dục thể thao bị hạn chế. Nhà trường chưa định kỳ lấy phiếu phản hồi của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ 2022, Khoa Thiết kế mỹ thuật phối hợp với phòng CT-HSSV, P. HCTH định kỳ lấy phiếu phản hồi của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường.

Khắc phục tồn tại: Từ 2022, Khoa Thiết kế mỹ thuật phối hợp với phòng CT-HSSV, P. HCTH sẽ tiến hành định kỳ lấy phiếu phản hồi của người học về môi trường ký túc xá, cảnh quan, tâm lý của người học tại khoa, tại trường.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành TKMT SKĐA. Chất lượng người học thể hiện trước hết ở điểm đầu vào của ngành từ khâu Nhà trường tổ chức tuyển sinh cho đến kết quả học tập và rèn luyện trong suốt thời gian đào tạo tại trường của người học được lưu trữ tại Phòng ĐT, QLKH & HTQT, Phòng CT-HSSV của Nhà trường. Người học được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập, NCKH và thể chất, tinh thần, nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân.

Bên cạnh đó, Trường vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục như: Chưa có sự phân tích, đánh giá và dự báo chi tiết về nhu cầu nhân lực hàng năm; chưa định kỳ lấy phiếu phản hồi của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 8:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 8		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 8.1				x				4,2	5	100
Tiêu chí 8.2				x						(5/5)
Tiêu chí 8.3				x						
Tiêu chí 8.4				x						
Tiêu chí 8.5					x					

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, phòng chiếu phim, trường quay (Trung tâm Âm thanh - Ánh sáng SK) và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành được đặt tại Trung tâm Thông tin - Thư viện của Trường, thư viện điện tử (băng đĩa, phim v.v...) mà Khoa TKMT đang sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Trường ĐHSKĐAHN có tổng diện tích là 20.610,8 m², trong đó diện tích nơi học: 11.257 m². Nhà trường có đủ phòng học là 161 phòng học lý thuyết và thực hành thuộc các khu vực giảng đường là nhà A1, A2, khu B, khu C với trung bình tỷ lệ diện tích sàn/sinh viên là 8,77 m². Phòng thực hành/ xưởng thực tập là 4575 m². Thư viện, hội trường, các phòng chức năng và khoa có không gian rộng rãi thuận lợi cho cán bộ làm việc cũng như đón tiếp sinh viên [**H09.09.01.01**].

Khoa Thiết kế Mỹ thuật được giao làm việc tại nhà C bao gồm: 01 phòng làm việc, khoảng 45m² dành cho tất cả sinh hoạt chung của 13 GV biên chế; các GV Thỉnh giảng và 01 phòng dành cho Trưởng khoa. Phòng chung cho các bộ phận chức năng và giảng viên có diện tích khoảng 45m² (bình quân 3,5m² /1 giảng viên), được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in,... Các trang thiết bị và phòng làm việc này phù hợp với định mức theo quy định của Nhà trường để đáp ứng cơ sở vật chất (CSVC) tốt nhất cho giảng viên, CBCNV có nhiều điều kiện phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ của mình [**H9.09.01.02**]. Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội có đủ số phòng học, giảng đường lớn, đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH. Hiện tại, sinh viên Khoa Thiết kế Mỹ thuật được bố trí học trong 9 phòng học với tổng diện tích sử dụng hai tầng là 300m² của Nhà trường; sinh viên của Khoa còn được học tại phòng chiếu phim, trường quay:

- Phòng học dành riêng cho chuyên ngành Hóa trang C101;
- Phòng học cho bộ môn vẽ Hội họa C102 và C103;
- Phòng học cho bộ môn vẽ Hình họa C201;
- Phòng học cho bộ môn Thiết kế Trang phục cơ bản, Kỹ thuật Cắt may C104;
- Phòng học được trang bị máy tính dành riêng cho chuyên ngành Thiết kế Đồ

họa A2.609;

- Phòng học chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật Hoạt hình C202 và C203.

Với tổng diện tích 300m². Đến năm học 2019-2020, với số lượng 119 sinh viên chính quy, diện tích phòng học bình quân đạt 2,5 m²/người học, diện tích phòng thực hành đạt 1,5 m²/người học. Hệ thống phòng học ở khu nhà A, nhà C do Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT bố trí lịch trình sử dụng. Văn phòng Khoa Thiết kế Mỹ thuật hiện tại có 02 phòng làm việc tại nhà C (1 phòng dành cho BCN Khoa, 1 phòng chung) với tổng diện tích sử dụng là 70 m² [H9.09.01.03].

Hệ thống phòng học được Nhà trường đầu tư, quản lý sử dụng đảm bảo sử dụng hợp lý, hết tần suất 8 h mỗi ngày từ thứ 2 đến thứ 6 không phải học vào các ngày thứ Bảy và Chủ nhật.

Giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, phòng thực hành (A2.609, C202, C203) của Nhà trường. Nhà trường đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành Nghệ thuật Hóa Trang, Thiết kế Đồ họa Kỹ xảo... Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học và các trang thiết bị phục vụ CTĐT có 80 % số người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 80 % trở lên), 20 % đánh giá mức độ “khá” (đáp ứng từ 20 %).

Đồng thời, các khu vực giảng đường và khu vực các phòng chức năng đều được bố trí đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, nội quy sử dụng phòng [H09.09.01.04]. Bên cạnh đó, Trường được sử dụng cơ sở vật chất với quần thể nhà thi đấu thể thao, bể bơi, sân bóng, nhà thi đấu đa chức năng, ký túc xá thuộc Bộ VHTTDL quản lý [H09.09.01.05].

Trường giao cho Phòng Hành chính, Tổng hợp (bộ phận Hành chính, quản trị) quản lý, bảo dưỡng, lập kế hoạch sửa chữa, quản lý tài sản, trang thiết bị nhằm đảm bảo an toàn, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng [H09.09.01.04]; xây dựng kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hàng năm nhằm bổ sung, bảo trì, thay thế và nâng cấp cơ sở vật chất [H09.09.01.05]. Nhà trường đã có Kế hoạch chiến lược phát triển về cơ sở vật chất để định hướng, xác định và triển khai các hoạt động nhằm tăng cường cơ sở vật chất và nâng cao hiệu quả hoạt động đối với các CSVC hiện có [H09.09.01.06]. Bên cạnh đó, hàng năm, trong Hội nghị cán bộ CCVC, Trường luôn công khai kinh phí về các kế hoạch xây dựng, nâng cấp, sửa chữa hệ thống phòng học và các phòng chức năng đến cán bộ và giảng viên [H09.09.01.07].

Trong Báo cáo đánh giá ngoài của Trung tâm KĐCLGD ĐH QGHN đã thực hiện kiểm tra thực tế và ghi nhận Nhà trường đạt tiêu chuẩn về việc có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo **[H09.09.01.08]**.

Mặc dù cơ sở vật chất của Nhà trường thường xuyên được Bộ VHTTDL đầu tư, nâng cấp, nhưng hiện nay các phòng học của nhà C đều không đạt chuẩn và đã xuống cấp qua nhiều năm sử dụng để có thể đáp ứng tốt cho việc dạy và học (Đặc biệt các phòng học: C102, C103, C201 quá nóng vì không có điều hòa. Với đặc thù của các chuyên ngành trong Khoa Thiết kế Mỹ thuật, sinh viên sẽ tập trung vẽ bộ môn Hình họa và Hội họa trong cả ngày, do vậy việc trang thiết bị và phòng học quá cũ sẽ ảnh hưởng lớn đến chất lượng đào tạo. Thiết bị phục vụ dạy và học chuyên ngành Đồ họa Kỹ xảo nhanh lạc hậu với sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số.

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, phòng chiếu phim, trường quay ... với nhiều thiết bị hiện đại, phù hợp với từng chuyên ngành, phục vụ cho dạy, học. Cơ sở vật chất được đầu tư nâng cấp thường xuyên để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Một số phòng học thuộc khu nhà C đang xuống cấp, thiết bị trong các phòng học này cũng lạc hậu, cần phải được nâng cấp.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Phòng HCTH Nâng cao ý thức trong việc giữ gìn trang thiết bị phòng học. Thực hiện bảo dưỡng định kì các trang thiết bị sẵn có để đảm bảo hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng của Khoa và sinh viên các lớp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Phòng HCTH đề xuất với Nhà trường cung cấp đầy đủ phòng sinh hoạt chuyên môn, phòng làm việc phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội có đủ phòng thực hành và trang thiết bị để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Do đặc thù của các chuyên ngành đào tạo, Trường không có hệ

thông phòng thí nghiệm. Với đặc điểm là một trường đào tạo nguồn nhân lực cho nhiều ngành trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình có trình độ từ đại học đến sau đại học, do đó để thực hiện công tác đào tạo, trường có phòng thực hành, sàn tập, phòng chiếu phim, trung tâm thực hành sk-đa, nhà hát (sân khấu biểu diễn) xưởng vẽ... (sau đây gọi chung là phòng thực hành) và được bố trí phù hợp với yêu cầu thực hành của 11 khoa. **[H09.09.03.01]**.

Những năm gần đây, bên cạnh khu nhà C, B, E Nhà trường đã xây mới hai tòa nhà A1, A2 và Nhà hát thể nghiệm A3. Nhà trường có hội trường lớn 300 chỗ phục vụ cho việc thực hành của sinh viên các khoa **[H09.09.03.02]**. Trường hiện có 109 phòng học lý thuyết với tổng diện tích là: 6682 m². Phần lớn các phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng chống lóa, điều hòa. Thiết bị học tập phục vụ theo yêu cầu tối thiểu của từng khoa. Các phòng học lớn sử dụng cho việc học tập trung nhiều lớp. Phòng học nhỏ sử dụng cho các lớp học nhóm, học chuyên môn của khoa Thiết kế mỹ thuật, khoa Truyền hình, khoa Nghệ thuật Điện ảnh ... Một số phòng học được trang bị máy Projector, bộ máy chiếu DVD phục vụ cho việc xem phim và nghiên cứu của sinh viên. **[H09.09.03.03]**. Nhà trường có 52 phòng thực hành với tổng diện tích 4575 m². Đó là điều kiện cơ bản về cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu thực hành của sinh viên (đặc biệt là khối nghệ thuật). Một số phòng thực hành như: trường quay, phòng chụp ảnh, phòng dựng phim, phòng chiếu phim, phòng in tráng phim được sử dụng chung cho các khoa Thiết kế mỹ thuật, Nghệ thuật Điện ảnh, khoa Truyền hình, khoa Nhiếp ảnh. Đặc biệt, năm 2010 Nhà hát thể nghiệm A3 được đưa vào sử dụng, nhà hát có máy chiếu hiện đại, âm thanh, ánh sáng tương đương một sân khấu nhỏ với 320 ghế, phục vụ chiếu phim và biểu diễn nghệ thuật. Với một nhà hát thu nhỏ như vậy trong một trường nghệ thuật, Nhà trường đã có một cơ sở vật chất đầy đủ và hiện đại để phục vụ việc học, dạy và thực tập của sinh viên. **[H09.09.03.04]**.

Thiết bị trong mỗi phòng thực hành đều có tài liệu hướng dẫn sử dụng và được theo dõi tình trạng làm việc và ghi chú trong sổ ghi chép giám sát **[H09.09.03.05]**. Trường/ Khoa thường xuyên phổ biến đến người làm việc trong phòng thực hành các quy định, nội quy phòng, quy tắc an toàn và phòng chống cháy **[H09.09.03.06]**. Các phòng thực hành được thiết kế khoa học, đảm bảo an toàn điện, an toàn cháy nổ. Giảng viên và sinh viên làm việc tại phòng thực hành luôn được học và kiểm tra các quy tắc an toàn trước khi học tập tại đây.

Tất cả, các phòng thực hành đều có nội quy phòng, hướng dẫn sử dụng thiết bị phòng thực hành. Các hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học của SV được thực hiện dưới sự hướng dẫn của GV và cán bộ phụ trách phòng thực hành, đảm bảo việc sử dụng hệ thống phòng thực hành có hiệu quả **[H09.09.03.07]**.

Để đảm bảo các trang thiết bị trong phòng phòng thực hành, Trường giao cho Phòng Hành chính quản trị làm đầu mối quản lý (hiện nay là bộ phận hành chính, quản trị), Phòng có kế hoạch thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, bổ sung, nâng cấp và đầu tư mới thiết bị để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu [H09.09.03.08].

Vào đầu mỗi năm học, Phòng HCTH (HCQT) đều có kế hoạch và thông báo đến các đơn vị trong toàn Trường về việc mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất. Khoa Thiết kế mỹ thuật căn cứ nhu cầu đào tạo đề xuất mua sắm thiết bị, dụng cụ [H09.09.03.09]. Trường có hồ sơ theo dõi, quản lý, đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị [H09.09.03.10]. Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch và phân bổ kinh phí cho bảo dưỡng các trang thiết bị; đầu tư mua sắm trang thiết bị để thay thế, cập nhật đáp ứng yêu cầu CTĐT [H09.09.03.011]. Bên cạnh đó, Trường còn có mối quan hệ mật thiết với các nhà hát, hãng phim, đài truyền hình. Các đơn vị này luôn tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên của trường về thực hành, thực tập tốt nghiệp. [H09.09.03.12].

Nhà trường đã tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng về phòng thực hành đối với nhu cầu dạy học và NCKH. Kết quả cho thấy trên đa số cán bộ, giảng viên và người học không có ý kiến phàn nàn về tình trạng thiếu phòng thực hành. [H09.09.03.13]. Trên cơ sở phản hồi của các đơn vị, Nhà trường xem xét, kiểm tra thực tế và tiến hành cập nhật trang thiết bị [H09.09.03.14]. Việc đầu tư ngày càng hạn chế do cắt giảm ngân sách công, dẫn đến những trở ngại trong đầu tư trang thiết bị phù hợp cũng như việc được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

2. Điểm mạnh

Khoa Thiết kế mỹ thuật có phòng thực hành (trường quay kỹ xảo nhỏ) được bố trí hợp lý và các trang bị thiết yếu để phục vụ học tập và giảng dạy được đầu tư thường xuyên. Khoa luôn nhận được sự hỗ trợ của Nhà trường về đầu tư mua sắm, cải tạo và sửa chữa.

3. Điểm tồn tại

Công tác quản lý trang thiết bị tại một số phòng thực hành còn chưa tốt, chưa đúng quy trình. Cần nâng cao hơn nữa công tác bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị thực hành. Thiết bị chuyên ngành đầu tư còn hạn chế do nguồn kinh phí hạn hẹp. Một số phòng học dành cho môn Kỹ xảo đồ họa chưa được đầu tư đúng mức.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Phòng Hành chính tổng hợp Thực hiện bảo dưỡng định kì các trang thiết bị sẵn có để đảm bảo hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Phòng Hành chính tổng hợp tăng cường công

tác quản lý trang thiết bị theo đúng chức năng nhiệm vụ của các đơn vị. Định kỳ 02 năm một lần thực hiện khảo sát sự hài lòng về chất lượng của hệ thống các phòng học và phòng thực hành, hệ thống thiết bị.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội được trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH. Hệ thống máy tính của Nhà trường gồm máy chủ với 229 máy tính, trong đó 129 máy tính dành cho các phòng làm việc, các văn phòng khoa và 100 máy tính đặt tại 02 phòng máy phục vụ giảng dạy và học tập [H09.09.04.01]. Khuôn viên Trường, thư viện, KTX đều được phủ sóng wifi; tất cả các máy tính được kết nối với hệ thống internet 24/24 giờ phục vụ quản lý, học tập, NCKH. Nhà trường có các phần mềm chuyên dụng quản lý điều hành văn bản và trao đổi công việc, quản lý người học, tài chính và nhân sự; bản quyền sử dụng do đơn vị cung cấp chịu trách nhiệm [H09.09.04.02]. Thư viện trường có hơn 20 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học. Cán bộ giảng viên toàn trường được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng ...@skda.edu.vn. [H09.09.04.03].

Trong các phòng học lý thuyết được trang bị 06 máy projector tạo điều kiện thuận lợi, hiệu quả cho công tác giảng dạy và học tập. Thư viện điện tử của Trường được kết nối internet, để truy cập những thông tin cần thiết, khai thác tài liệu phục vụ cho công tác chuyên môn, NCKH, giảng dạy và học tập; gửi, nhận email của các phòng ban, khoa trong Trường nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng trong công việc [H09.09.04.04]. Nhà trường đã thành lập Ban quản trị Trang thông tin điện tử năm 2015, 2016. Ban biên tập website được giao trách nhiệm xây dựng, cập nhật thông tin về các hoạt động của Nhà trường. Năm 2020, Nhà trường đã kiện toàn Ban biên tập website, phân công nhiệm vụ thực hiện, trang web đã được cập nhật thông tin kịp thời, phản ánh các hoạt động của Trường. Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và trang thông tin điện tử, đáp ứng yêu cầu về quản trị mạng [H09.09.04.05].

Nhà trường thường có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin trong toàn trường [H09.09.04.016]. Để thực hiện quản lý hệ thống tin học, Nhà trường giao nhiệm vụ cho bộ phận đầu mối là Phòng HCTH (bộ phận HCQT) và các đơn vị chuyên môn phối hợp quản lý với 01 kỹ thuật viên (trình độ trung cấp) và các kỹ thuật viên tại các đơn vị chuyên môn có năng lực chuyên môn hỗ

trợ, hướng dẫn cán bộ, người học sử dụng. Đề quản lý và khai thác tối đa hiệu quả các trang thiết bị tin học trong các hoạt động dạy học, NCKH và quản lý, tại các phòng máy tính có nội quy sử dụng, sổ sách theo dõi, quản lý và nhật ký sử dụng các trang thiết bị tin học một cách quy chuẩn **[H09.09.04.07]**.

Nhà trường thường xuyên quan tâm trong việc ký kết các hợp đồng mua sắm các phần mềm chống virus, lưu trữ dữ liệu với các công ty bên ngoài giúp đảm bảo an toàn dữ liệu và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin. Năm 2017, theo ghi nhận của Báo cáo đánh giá ngoài Trường Đại học SKĐAHN do Trung tâm KĐCLGD – ĐH QGHN kiểm định, Trường có đầu tư sửa chữa nâng cấp hệ thống máy chủ, máy trạm và trang bị thêm một số phần mềm mới; kinh phí đầu tư khoảng 400 triệu đồng/năm **[H09.09.04.08]**. Bên cạnh đó, việc tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ cũng được tổ chức thường xuyên **[H09.09.04.09]**. Tuy nhiên, do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều, nên có lúc việc truy cập vào internet bị chậm. Năm 2016, Nhà trường đã lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin. Kết quả phản hồi cho thấy giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường **[H09.09.04.10]**.

Năm 2020, Nhằm bảo đảm an toàn cho SV trước những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Nhà trường đã thực hiện chuyển từ hình thức học tập trung sang trực tuyến. Ban Giám hiệu Nhà trường đã triển khai kế hoạch giảng dạy mới theo yêu cầu của Bộ GD & ĐT. Nhà trường ban hành nhiều văn bản hướng dẫn cách sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến để giảng viên, SV, học viên cập nhật. GV của Trường đã được tập huấn và thực hiện hoạt động giảng dạy trực tuyến thông qua phần mềm Zoom. Khoa Thiết kế mỹ thuật đã xây dựng kế hoạch học tập phục vụ tốt việc dạy học online. Sinh viên ngành Thiết kế mỹ thuật có thể làm các bài tập trực tuyến theo sự hướng dẫn của giảng viên, khoá học tốt nghiệp năm 2020 đã được thực hiện đảm bảo đúng quy định **[H09.09.04.11]**.

Mặc dù đã được đầu tư về cơ sở vật chất cho việc đào tạo, tuy nhiên các thiết bị tại khu phòng học Nhà B và nhà D đã cũ, nhỏ và không đáp ứng đủ điều kiện để các sinh viên thực hiện những bài tập thực hành. Máy tính tại phòng học kỹ xảo cần có cấu hình cao để đáp ứng việc học của sinh viên.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý của Nhà trường được tin học hóa sử dụng hệ thống thông tin điện tử. Hệ thống công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính tại các phòng chức năng, hệ thống wifi) được chú trọng đầu tư và nâng cấp.

3. Điểm tồn tại

Việc áp dụng CNTT trong quản lý đào tạo, thư viện, trong lưu trữ... còn hạn chế. Tín hiệu mạng wifi tại một số vị trí trong Nhà trường còn yếu và không ổn định. Việc bảo dưỡng, nâng cấp các máy tính tất cả các phòng cần phải thực hiện thường xuyên hơn. Việc khảo sát ý kiến của giảng viên, nhân viên hỗ trợ và người học về tính hiệu quả sử dụng của các thiết bị trong giảng dạy /học tập, NCKH, quản lý chưa được thực hiện định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Trung tâm thông tin thư viện Xây dựng hệ thống sao lưu dữ liệu liên quan đến đào tạo thường xuyên với tần suất an toàn (khoảng tuần/lần hoặc lâu hơn tùy vào mức độ thông tin quan trọng).

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Trung tâm thông tin thư viện Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, đặc biệt chú trọng đến việc phát triển các phần mềm quản lý, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy cập internet, qua đó sử dụng có hiệu quả các dịch vụ có sử dụng internet của Nhà trường. Tăng cường CNTT trong hoạt động văn thư lưu trữ.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội xác định việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện là trách nhiệm của toàn thể cán bộ công chức viên chức, người lao động, người học trong Trường. Nhà trường luôn bám sát các quy định hiện hành của Nhà nước về môi trường, sức khỏe, an toàn và triển khai thực hiện bằng những hành động cụ thể **[H09.09.05.01]**.

Về môi trường, Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội luôn quan tâm xây dựng cảnh quan và môi trường học tập, làm việc nhằm thiết lập đến việc xây dựng môi trường lành mạnh, thúc đẩy phát triển sức khỏe và an toàn cho CBGV và người học của Nhà trường. Do đặc thù đào tạo của Nhà trường, trong quy chế tuyển sinh không có người khuyết tật. Nhà trường có khuôn viên được trồng cây xanh, trồng hoa, có hồ nước thả hoa súng tạo nên một khuôn viên học tập lý tưởng cho người học **[H09.09.05.02]**. Để tạo thuận lợi cho cán bộ, GV và người học trong quá trình làm việc, học tập cũng như khách đến liên hệ công tác, Trường có sơ đồ chỉ dẫn đến các khu làm việc, phòng học, phòng thực hành. Gắn biển “cấm hút thuốc”; treo panô, áp phích về xây dựng môi trường không khói thuốc ở các vị trí dễ quan sát trong Nhà

trường **[H09.09.05.03]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường kí hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường làm việc hàng ngày để đảm bảo vệ sinh các phòng học, các khu giảng đường trong khuôn viên toàn trường **[H09.09.05.04]**. Ngoài ra, Nhà trường đã tổ chức kiểm tra về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường **[H09.09.05.05]**.

Về việc bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, giảng viên và người học, hằng năm, để phòng chống dịch bệnh, Nhà trường đều tiến hành công tác phun thuốc phòng dịch. Năm 2020, khi xuất hiện dịch bệnh Covid 19- Nhà trường đã nghiêm túc, khẩn trương thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid 19 theo quy định của Chính phủ **[H09.09.05.06]**. Nhà Trường có phòng y tế riêng, với một cán bộ y tế phụ trách, theo dõi tình hình sức khỏe cho sinh viên và CB, NV, GV phối hợp thường xuyên với các bệnh viện để thực hiện định kì khám sức khỏe và đảm bảo công tác khám chữa bệnh ban đầu cho CB, NV, GV và người học **[H09.09.05.07]**. Hàng năm, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho các sinh viên năm nhất và cung cấp dịch vụ bảo hiểm y tế cho sinh viên **[H09.09.05.08]**.

Về vấn đề bảo đảm an toàn trường học, Nhà trường có tường rào bao quanh, cách ly với khu dân cư. Bên cạnh đó, Trường đã phối hợp có hiệu quả với các đơn vị chức năng của Công an quận Cầu Giấy tổ chức các hội nghị triển khai công tác bảo vệ, an toàn cơ quan, tập huấn nghiệp vụ cũng như các phương án bảo vệ chính trị nội bộ, PCCC cho CBVC, nhân viên. Hằng năm, để nâng cao tinh thần cảnh giác, bảo vệ tài sản cơ quan và mỗi cá nhân, Trường tổ chức cam kết thi đua giữa các phòng ban, khoa và các lớp SV. Trường thông báo về các quy định an toàn khi nghỉ lễ, tết và có quy định về việc tiết kiệm điện, nước **[H09.09.05.09]**. Nhà trường tổ chức Hội thảo về xây dựng văn hóa ứng xử trong trường để góp phần nâng cao ý thức xây dựng môi trường, sức khỏe, an toàn **[H09.09.05.10]**.

Công tác phòng chống bão lụt, phòng cháy - chữa cháy của Nhà trường luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn trường. Nhà trường có thành lập Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ **[H09.09.05.11]**; điều động sinh viên tham gia phòng chống bão lụt, cháy nổ. Tất cả các tòa nhà đều được bố trí hệ thống phòng cháy chữa cháy. Mọi hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn trước hết phải được thực hiện bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ. Nhà trường sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện để ứng phó kịp thời khi có cháy nổ để hạn chế thấp nhất các hậu quả về người và tài sản **[H09.09.05.12]**.

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được ban giám hiệu quan tâm. Nhà trường có bộ phận bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường. Bộ phận này

thường xuyên được cung cấp thông tin về tình hình trật tự, an ninh của địa phương nơi Trường đóng (thông qua hội nghị tổng kết công tác an ninh cụm). Nhà trường có các quy định rõ ràng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của Phòng bảo vệ [H09.09.05.13]. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng quy định và yêu cầu của Trường, thường trực 24/24 giờ trong ngày. Bên cạnh đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Trường và các phòng học. Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh được lên kế hoạch rõ ràng [H09.09.05.14]. Để đảm bảo an ninh trường học, Nhà trường xây dựng các quy định, nội quy giảng đường, phòng thực hành, nhà xe, hội trường và quy định về việc đeo thẻ cho cán bộ, giảng viên, người học thống nhất thực hiện trong toàn trường [H09.09.05.15]. Giai đoạn 2015-2020, Nhà trường chưa nhận được phản hồi nào không tích cực về các công tác kể trên.

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ và sinh viên; có phòng y tế độc lập phục vụ tốt nhu cầu y tế của cán bộ và sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Nhà ăn, căng tin của Nhà trường chưa được bố trí. Nhà trường chưa định kỳ tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi GV, CBVC, người lao động, người học về công tác bảo vệ, trật tự, an ninh và PCCC để có những điều chỉnh, bổ sung các chủ trương quy định của công tác này phù hợp với thực tiễn. Việc khuyến khích các hoạt động thể thao, rèn luyện sức khỏe cho SV và cán bộ (thực hiện ngay trong khuôn viên của Trường) còn hạn chế vì trang thiết bị về thể thao và khu nhà tập sử dụng chung với các Trường thuộc khối VHNT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Trường tiếp tục xây dựng, triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội quy bảo vệ cơ quan, các phương án PCCC cũng như trách nhiệm của các bộ phận chức năng trong công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh trong khuôn viên đơn vị cho GV, CBVC, người lao động, người học. Đẩy mạnh hơn nữa công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn (ban hành quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường ĐH SKĐAHN).

Khắc phục tồn tại: Năm 2022, Trường xem xét việc xây nhà ăn, căng tin của Nhà trường. Quy hoạch khu nhà B với những khuôn viên hợp lý đảm bảo hơn nữa các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận Đánh giá về Tiêu chuẩn 9

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Tuy nhiên thiết bị cho chuyên ngành TKMT SKĐA vẫn chưa cập nhật kịp thời với sự phát triển của thế giới. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành; tuy nhiên với ngành TKMT SKĐA, tài liệu vẫn còn hạn chế và chưa được cập nhật thường xuyên. Phòng thực hành được trang bị hiện đại để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; tuy nhiên vẫn chưa có những phòng học hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế. Hệ thống công nghệ thông tin đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đạt yêu cầu của cán bộ, giảng viên và người học của Trường.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 9:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 9		
	Chưa đạt			Đạt				Mức	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7	trung bình		
Tiêu chí 9.1				x				4,20	5/5	100
Tiêu chí 9.2				x						
Tiêu chí 9.3				x						
Tiêu chí 9.4				x						
Tiêu chí 9.5					x					

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển của một cơ sở đào tạo. Do đó, để đảm bảo SV đạt được chuẩn đầu ra (CĐR) ngành TKMT SKĐA, đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội nói chung và Khoa TKMT nói riêng đã và đang thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển chương trình dạy học (CTDH) đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học (hoặc những tác phẩm mang tính đặc thù nghề nghiệp) để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình

1. Mô tả hiện trạng

Để có CTĐT đáp ứng nhu cầu của xã hội, đảm bảo tính hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện của Nhà trường về cơ sở vật chất và đội ngũ và khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp đồng thời đảm bảo sự liên thông giữa các ngành và giữa các bậc đại học, năm học 2018-2019, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT của tất cả các khoa/ trung tâm đào tạo, trong đó có Khoa TKMT [H10.10.01.01]. Bên cạnh đó, năm học 2019-2020, Khoa đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến của các bên liên quan để bổ sung, phát triển CTĐT TKMT SKĐA [H10.10.01.02].

Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH, CĐR được thực hiện theo quy trình cụ thể theo các hướng dẫn của Bộ GD & ĐT, văn bản hướng dẫn rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo của trường ĐH SKĐAHN [H10.10.01.03]. Năm 2016, thực hiện công tác kiểm định CLGD Trường cũng như Khoa TKMT đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nghiên cứu viên, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp) [H10.10.01.04].

Để việc khảo sát được hiệu quả, Khoa đã xây dựng quy trình, lập kế hoạch thực hiện, phân công nhiệm vụ cho cán bộ thực hiện khảo sát, thu thập thông tin liên quan đến việc xây dựng và phát triển CTĐT [H10.10.01.05]. Tuy nhiên, hoạt động khảo sát chưa được tổ chức định kỳ hàng năm, cũng như việc Khoa chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ SV tốt nghiệp sau mỗi khóa học về chất lượng CTĐT ngành TKMT

SKĐA

Hiện nay, công tác khảo sát người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên đang được Nhà trường tiến hành thường xuyên, các ý kiến của người học được Nhà trường/ Khoa xem xét điều chỉnh CTDH. Thông qua các đợt khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV, tổng hợp số liệu ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV, Khoa thực hiện thảo luận về điểm mạnh, điểm tồn tại và các biện pháp khắc phục và lập kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động GD của GV. Các kết quả đánh giá này được gửi đến tài khoản cá nhân của GV để họ nắm tình hình đánh giá của SV, trên cơ sở đó, GV tự rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động cá nhân. [H10.10.01.06]. Nhà trường tổ chức kiểm tra việc đào tạo của Khoa trong đó có nội dung về điều chỉnh của giảng viên sau khi nhận được phản hồi của người học. [H10.10.01.07]. Do dịch bệnh COVID-19 số lượng ý kiến phản hồi của cựu người học, nhà tuyển dụng, người sử dụng người học tốt nghiệp ngành TKMT SKĐA còn hạn chế. Các ý kiến đề xuất có tính tham mưu cho Trường, Khoa trong việc cải tiến nâng cao chất lượng CTDH ngành TKMT SKĐA còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, người sử dụng lao động, giảng viên, nhà quản lý) đã được tiến hành qua hình thức bảng câu hỏi khảo sát và phỏng vấn để làm cơ sở thiết kế và phát triển chương trình, đồng thời Khoa thực hiện rà soát CTĐT theo phản hồi trực tiếp của người học được thực hiện hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, định kỳ. Nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị nghệ thuật không cao do số lượng sinh viên ra trường hằng năm nhiều hơn chỉ tiêu tuyển dụng. Một số sinh viên chưa đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Trường giao cho Khoa TKMT quy định bài bản hơn đối với việc lưu trữ thông tin về người học, cựu sinh viên, các nhà sử dụng lao động để xây dựng nguồn dữ liệu đối tượng khảo sát phong phú hơn, đồng thời quy định trách nhiệm đối với từng thành viên trong khoa về việc lưu trữ và phát triển cơ sở dữ liệu nói trên.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Trường giao cho Khoa TKMT phối hợp với P. ĐT QLKH & HTQT xây dựng quy định (trong đó có quy trình) về công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; lập kế hoạch định kỳ rà soát CTĐT (2 năm/ lần)

để thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan làm căn cứ để rà soát, thiết kế, điều chỉnh và phát triển chương trình. Nghiên cứu triển khai cách thức lấy ý kiến phản hồi theo hình thức online.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học (CTDH) là cốt lõi của CTĐT. CTDH của một CTĐT ở một trình độ cụ thể bao gồm: Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CĐR của mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá, thời lượng của CTĐT và mỗi học phần. CTĐT ngành TKMT SKĐA thiết kế theo 3 khối: kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành, và được sắp xếp theo 2 phần: học kỳ chung với các chuyên ngành và học kỳ đặc thù từng chuyên ngành. Trường/ Khoa thực hiện quy trình xây dựng và phát triển CTĐT theo quy định của Bộ GD&ĐT, thể hiện rõ cấu trúc, khối lượng, kiến thức và CĐR cần đạt được của người học [H10.10.02.01]. Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo, quản lý KH & HTQT là đầu mối tổ chức chỉ đạo các khoa việc thực hiện xây dựng và phát triển CTĐT [H10.10.02.02]. Khoa là đơn vị trực tiếp xây dựng, thiết kế và phát triển CTĐT theo hướng dẫn. Việc thiết kế và phát triển CTDH được tuân thủ theo quy trình chặt chẽ, logic từ việc xác định mục tiêu, CĐR đến việc tổ chức thực hiện, đánh giá, [H10.10.02.03]. CTĐT trình độ đại học ngành TKMT SKĐA được thiết kế dựa vào ý kiến đóng góp của các bên liên quan. Căn cứ vào các CĐR được ban hành trước năm 2015. Năm 2017, sau đánh giá ngoài Nhà trường đã triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT, năm 2019 hoạt động này được thực hiện trong toàn Trường, như vậy định kỳ 02 năm một lần, CTĐT trình độ đại học ngành TKMT SKĐA được điều chỉnh, cập nhật [H10.10.02.04]. Việc xây dựng đề cương chi tiết các học phần mới điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật được thực hiện theo văn bản hướng dẫn Nhà trường ban hành [H10.10.02.05]; Bộ môn phụ trách xây dựng đề cương chi tiết theo hướng dẫn; Hội đồng KHĐT của khoa, trường họp và thông qua đề cương chi tiết các học phần. Nội dung được cải tiến chủ yếu hướng vào việc đạt được CĐR CTĐT [H10.10.02.06]. Quá trình rà soát, điều chỉnh ĐCCT và CTDH có sự đóng ý kiến của các chuyên gia và các bên liên quan, nhà trường lấy ý kiến của toàn thể các đơn vị trong Trường đối với CTĐT đã được điều chỉnh trước khi ban hành, có quyết định ban hành rõ ràng [H10.10.02.07]. Việc rà soát, đánh giá CTDH được thực hiện nghiêm túc nhằm đảm bảo chất lượng dạy và học. Từ năm 2020, do tình hình dịch bệnh COVID-19, việc khai thác triệt để thông tin phản hồi của các bên liên quan thông qua phân tích thông tin có hệ thống bị gián đoạn, ảnh hưởng đến việc điều chỉnh và cải

tiền CTDH của ngành.

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng. CTDH được xây dựng và triển khai một cách khoa học, hiệu quả, được đánh giá, cải tiến thông qua khảo sát ý kiến của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động cải tiến chất lượng, các hướng phát triển chương trình, đối sánh trong nước, quốc tế chưa được thực hiện thường xuyên đối với ngành TKMT SKĐA. Chưa định kỳ tiến hành rà soát và đánh giá, cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH; việc lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTDH bị gián đoạn do tình hình dịch bệnh COVID-19.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2021-2022, định kỳ 2 năm một lần, Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT, phòng CTHSSV thực hiện việc thu thập ý kiến phản hồi từ GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng về quy trình thiết kế, đánh giá và cải tiến CTDH nhằm giúp SV đạt được CĐR của CTĐT ngành TKMT SKĐA.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT tiếp tục khảo sát các bên liên quan để có nhiều góp ý hơn cho việc thiết kế và phát triển CTĐT chuyên sâu của ngành TKMT SKĐA. Từ năm 2022, Khoa TKMT xây dựng kế hoạch và hoàn thành công tác rà soát, phát triển CTĐT của đơn vị mình ngay cả trong điều kiện học trực tuyến.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định chặt chẽ trong “*Quy định về công tác khảo thí của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội*” và Quy chế đào tạo của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội [H10.10.03.01]; trong đó có các quy định về quy trình kiểm tra phù hợp với CĐR, cũng như các tiêu chí để đánh giá kết quả đạt được của người học. Hàng năm, Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường làm nhiệm vụ tiếp nhận ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, yêu cầu các khoa trong toàn Trường rà soát, cập nhật, xây dựng câu hỏi thi, đề thi đảm bảo chất lượng đào tạo [H10.10.03.02].

Bên cạnh đó, để làm tốt công tác đánh giá kết quả học tập của ngành TKMT SKĐA, khoa TKMT cũng đề ra quy trình đánh giá học phần [H10.10.03.03] dựa trên mẫu phiếu đánh giá học phần bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, bài tập theo dự án, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn (có sự phối hợp với bài tốt nghiệp của các chuyên ngành đặc thù trong Trường); bài thực hành đối với đánh giá cuối kì [H10.10.03.04]. Các hình thức kiểm tra đánh giá đều có bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm cụ thể. Giảng viên sẽ dựa vào những tiêu chí trong các mẫu để đánh giá SV một cách khách quan, minh bạch. Ngoài ra, đề cương học phần cũng chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của hình thức kiểm tra đánh giá cho từng lần kiểm tra đánh giá cụ thể của từng học phần. Các lần kiểm tra đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ [H10.10.03.05]. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy cũng như quy trình đánh giá kết quả học tập được SV đánh giá cao. Ngoài ra, SV có thể phản hồi và cập nhật thường xuyên ý kiến về chất lượng giảng dạy cũng như các hoạt động khác liên quan tới việc đánh giá kết quả học tập thông qua hoạt động lấy kiến phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên do Phòng KT & ĐBCLGD của Nhà trường phối hợp với Khoa thực hiện hằng năm. 100% các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành TKMT SKĐA đều được lấy ý kiến [H10.10.03.06]. Sau khi thu thập đủ dữ liệu và đưa ra phân tích tất cả các ý kiến phản hồi từ người học và người dạy, Nhà trường, khoa và bộ môn sẽ có báo cáo tổng thể ở các cuộc họp cấp trường cũng như cấp bộ môn, qua đó giảng viên xác định được những điểm mạnh và những mặt còn tồn tại cần khắc phục. Kết quả phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên được công khai trên trang Web của Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức kiểm tra hoạt động đào tạo của Khoa Sân khấu với các nội dung như: Kế hoạch học tập, hình thức thi, đề thi, giáo án, giáo trình của giảng viên hồ sơ giảng viên chủ nhiệm, các văn bản ghi chép họp lớp, trong đó có công tác chủ nhiệm, lý lịch khoa học của giảng viên. Hoạt động kiểm tra này giúp Nhà trường nắm được tình hình dạy học, công tác NCKH, công tác phát triển và chuyên đổi CTĐT để điều chỉnh kịp thời [H10.10.03.07]. Đầu mỗi năm học, giảng viên của Khoa đều xây dựng kế hoạch giảng dạy và gửi về P. KT & ĐBCLGD, phòng dựa trên kế hoạch để giám sát, kiểm tra tiến độ. Một kênh truyền thống khác để theo dõi khối lượng giờ dạy của giảng viên là sổ đầu bài [H10.10.03.08]. Sổ ghi chép này còn là một công cụ quan trọng để Bộ môn và Khoa giám sát nội dung giảng dạy của tất cả các học phần. Cuối mỗi học kỳ, căn cứ trên những thông tin (về thời gian, nội dung và tình hình lớp học) được ghi trong sổ, Bộ môn và Khoa so sánh tình hình giảng dạy thực tế của từng học phần với kế hoạch đã được thiết kế trong đề cương, từ đó có những nhắc nhở và biện pháp xử lý kịp thời. Hiện tại, việc đánh giá chất lượng giảng

dạy của giảng viên chưa được mở rộng mà mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV là chủ yếu.

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy-học và đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên dựa trên những quy định, quy trình chặt chẽ có hệ thống từ cấp trường đến từng bộ môn. Các ý kiến phản hồi được thu thập và tổng hợp một cách khách quan, trung thực, minh bạch nhằm đưa ra những điểm mạnh, điểm tồn tại để tìm hướng cải tiến, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đặc thù của việc đào tạo cử nhân ngành TKMT SKĐA. Việc đánh giá chất lượng dạy và học, các cơ chế phát huy tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành.

3. Điểm tồn tại

Phòng KT & ĐBCLGD chưa thực hiện thống kê tỉ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra - thi để có sự đối sánh về chất lượng giảng dạy, qua đó kịp thời điều chỉnh đề kiểm tra - thi. Chưa thực hiện đầy đủ các phân tích cũng như hệ thống hóa các thông tin ở các kênh giám sát một cách hiệu quả; việc lấy ý kiến đánh giá chất lượng giảng dạy mới chỉ dựa vào SV, chưa có sự trao đổi chủ động giữa GV với GV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa TKMT tiếp tục bám sát các quy định, quy trình để thực hiện tốt hơn nữa việc đánh giá quá trình dạy và học; việc đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2021 - 2022, Nhà trường và Khoa TKMT sẽ mở rộng việc lấy ý kiến đánh giá về chất lượng giảng dạy của giảng viên như lấy ý kiến đánh giá từ đồng nghiệp, giáo viên chủ nhiệm, chủ nhiệm bộ môn thông qua các hoạt động dự giờ, thăm lớp để hoạt động đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên được thực chất hơn; đồng thời nghiên cứu xây dựng quy trình thống kê tỉ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra - thi để có sự điều chỉnh kịp thời về chất lượng đề thi.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội là trường đại học đào tạo nghệ

thuật, do đó hoạt động nghiên cứu khoa học có đặt thù riêng, như việc dựng vở diễn, quay một bộ phim, vẽ tranh, thiết kế sân khấu, thiết kế trang phục cho một bộ phim, vở diễn...và kinh nghiệm tích lũy được từ các hoạt động này được coi là một một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học của Nhà trường [H10.10.04.01]. Hàng năm, GV và SV của Khoa tiến hành các hoạt động nghề nghiệp cụ thể để tạo ra sản phẩm nghệ thuật, đây được coi là hình thức nghiên cứu đề tài khoa học, giúp GV, SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc dạy-học [H10.10.04.02].

Khoa TKMT có các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học, đó là một danh sách những tác phẩm đạt giải thưởng của GV và sinh viên khoa TKMT [H10.10.04.03]. [H10.10.04.04].

Các kết quả NCKH được áp dụng/chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH được thực hiện bởi nhiều hình thức. Về khách quan, sau mỗi tác phẩm đạt giải, các công trình nghiên cứu, giáo trình giảng dạy, bài báo, bài phân tích được đăng tải trên các trang thông tin điện tử, các tờ tạp chí chuyên ngành...chính những bài viết này là phần thông tin quan trọng để đưa vào làm tài liệu tham khảo cho các bài giảng cho ngành TKMT SKĐA [H10.10.04.05]. Về chủ quan, những tác phẩm đạt giải hay những đánh giá của dư luận về khả năng nghề của GV - có dấu ấn đóng góp của GV Khoa TKMT sẽ là minh họa thuyết phục nhất cho SV.

Nhà trường ban hành các quy định và văn bản hướng dẫn việc hỗ trợ hay công nhận các đề tài có chất lượng tốt để phục vụ việc dạy-học [H10.10.04.06]. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học với những đề tài nghiên cứu thiết thực trong giảng dạy nhằm khơi dậy tinh thần hăng say làm khoa học của GV và người học trong toàn trường [H10.10.04.07].

Việc sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học được thể hiện đa dạng, tùy theo yêu cầu nội dung bài học, ví dụ qua việc tổng kết kinh nghiệm từ các dự án (Ví dụ: Dự án “Lễ phục triều Nguyễn – Phát huy giá trị”, dự án Trang phục Hội Nghị APEC, các tác phẩm của Hoạ sĩ, NSND – Hoàng Song Hào; Hoạ sĩ -ThS. GV. Hoàng Duy Đông; Hoạ Sĩ – GV ThS. Nguyễn Văn Chuyên; Hoạ sĩ – GV- Th.S Lê Thế Anh; Hoạ sĩ, ThS.GV. Nguyễn Quang Trung; Hoạ sĩ – ThS. Nguyễn Nguyên Vũ...) các giảng viên đạt giải thưởng sẽ dùng chính những nội dung mình đạt giải để làm ví dụ cho bài giảng của mình, các sinh viên đánh giá, phân tích về các nội dung trong tác phẩm đạt giải (có thể là một hạng mục trong tác phẩm của SK-ĐA nhưng có sự góp mặt của mỹ thuật SKĐA, trang phục, hoá trang....) để nâng cao nhận thức cũng như kỹ năng làm nghề của mình. Các

bài viết được đăng tải trên tạp chí của Nhà trường và nhiều tạp chí, báo khác [H10.10.04.08]. Hàng năm, GV Khoa TKMT luôn tích cực tham gia các hoạt động trao đổi học thuật nhằm nâng cao tinh thần học hỏi [H10.10.04.09].

Ngoài ra, sau những giải thưởng được ghi nhận, các GV được Nhà trường vinh danh tại các Hội nghị của Trường (ngày 20-11; 17-12; 15-3...) các GV chia sẻ những kinh nghiệm làm nghề cho SV, đây có thể nói là tác động rất tích cực đối việc truyền kiến thức cũng như thuyết phục người học.

Tuy nhiên, Nhà trường chưa có quy định riêng về hoạt động NCKH của SV, gắn với quản lý và sản phẩm KHCN đặc thù riêng của từng ngành trong đó có ngành TKMT SKĐA.

2. Điểm mạnh

Khoa Thiết kế mỹ thuật có đội ngũ giảng viên tích cực tham gia các hoạt động nghề nghiệp đặc thù. Trường có cơ chế khuyến khích sự tham gia của GV cũng như SV trong khoa phát huy tinh thần sáng tạo, say mê nghiên cứu khoa học/ hoạt động nghề nghiệp bên ngoài Nhà trường theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác giáo dục và đào tạo ngành Thiết kế mỹ thuật như việc tham gia thiết kế các hạng mục trong phim; vở diễn hoặc tham gia các triển lãm mỹ thuật, viết công trình nghiên cứu, giáo trình giảng dạy, bài báo nghiên cứu khoa học v.v...

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù đào tạo, ngành Thiết kế mỹ thuật SKĐA chưa có những đề tài lý luận khoa học cấp nhà nước (các thành viên tham gia đề tài cấp nhà nước chứ không phải chủ trì, VD: Dự án “Lễ phục triều Nguyễn – Phát huy giá trị”); chưa tổ chức thường xuyên hội thảo trong nước và quốc tế theo định kỳ hàng năm để thúc đẩy động lực thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng vào thực tiễn dạy-học. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước khá ít. Hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học là những bài viết nghiên cứu, công trình nghiên cứu... đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Năm học 2021-2022, Khoa phối hợp với Nhà trường trong việc tham mưu Bộ VHTTDL về việc tính điểm nghiên cứu khoa học đối với những sản phẩm văn hóa như hạng mục trong các tác phẩm SK-ĐA. Nhà trường cần tính đến việc thực hiện phân tầng đại học, để triển khai các đề tài NCKH phục vụ công tác đào tạo cũng như hỗ trợ các giảng viên trẻ và SV thực hiện các đề tài NCKH theo hướng ứng dụng (hoặc thực hành).

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Trường giao cho P. ĐTQLKH&HTQT; P. CTHSSV; Viện SK – ĐA; Khoa TKMT tham mưu cho Hiệu trưởng Nhà trường ban hành các văn bản để tổ chức và quản lý tốt, hiệu quả hoạt động KH&CN trong Trường như: Quy chế hoạt động KH&CN, Quy định về NCKH của sinh viên, giảng viên; xây dựng chính sách hỗ trợ cho cán bộ, giảng viên tham dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội luôn xác định chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác có vai trò rất lớn trong việc đảm bảo chất lượng các CTĐT của Nhà trường. Do đó, việc đánh giá và cải tiến các nhân tố này đã được Nhà trường đặc biệt chú trọng thực hiện, góp phần tạo nên văn hóa chất lượng trong công tác hỗ trợ giảng dạy, học tập và NCKH. Nhà trường thực hiện việc đánh giá và cải tiến bằng quy định các đơn vị trong Trường báo cáo trực tiếp tiến độ kế hoạch công tác trong cuộc họp giao ban hằng tháng. Tại cuộc họp này các đơn vị có chức năng hỗ trợ trong toàn Trường sẽ báo cáo kế hoạch cụ thể trong tháng tới, đồng thời ghi nhận sự phản ánh của các đơn vị Khoa/ Trung tâm đào tạo, sau khi thảo luận thống nhất, Hiệu trưởng Nhà trường sẽ kết luận cụ thể từng vấn đề. Từ đó, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường ngày càng được cải tiến **[H10.10.05.01]**.

Khoa TKMT SKĐA có trợ lý đào tạo, đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp và đội ngũ chuyên viên hỗ trợ vững chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt huyết trong công tác hỗ trợ người học. Để nâng cao chất lượng các dịch vụ và phù hợp với nguyện vọng của cán bộ công nhân viên chức và của người học, Nhà trường và Khoa thường xuyên ghi nhận ý kiến phản hồi thông qua nhiều hội nghị và nhiều kênh khác nhau. SV ngành TKMT có thể thực hiện ý kiến phản hồi thông qua website/ facebook của Khoa và thông qua cuộc họp của cán bộ lớp đầu năm, các cuộc họp với phòng quản lý HSSV, sinh hoạt lớp theo định kỳ hàng tháng, hội nghị đối thoại với lãnh đạo Nhà trường v.v **[H10.10.05.02]**.

Việc đánh giá tình hình sử dụng và khai thác CSVC được theo dõi thông qua sổ theo dõi thường xuyên và kiểm kê tài sản cuối năm **[H10.10.05.03]**. Căn cứ vào kết quả đánh giá, Nhà trường phân bổ kinh phí hàng năm nâng cao chất lượng cơ sở vật chất

và các dịch vụ hỗ trợ. Hằng năm, đề toàn Trường được biết và giám sát về kinh phí chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, nhà Trường có báo cáo công khai tài chính tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức **[H10.10.05.04]**.

Trong quá trình sử dụng các trang thiết bị hỗ trợ tại thư viện, phòng thực hành, nếu phát sinh hư hỏng, các cán bộ phụ trách đề nghị Phòng HCTH (bộ phận hành chính quản trị) kiểm tra để có biện pháp sửa chữa hoặc mua mới thay thế phù hợp. Việc sửa chữa, thay thế trang thiết bị được tiến hành kịp thời, đảm bảo hiệu quả sử dụng trong dạy-học phục vụ cho CTĐT. Đặc biệt, các bộ phận phụ trách cơ vật chất của Nhà trường cũng thường xuyên rà soát để xử lý các vấn đề phát sinh kịp thời. Căn cứ vào nhu cầu của các đơn vị trong Trường, Nhà trường dự toán kinh phí đảm bảo cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ trong năm. Hằng năm, Nhà trường lập dự toán dự kiến đầu tư trang bị, nâng cấp cho các xưởng thực hành, thực tập của các khoa để các đơn vị chủ động trong công tác đào tạo như: Cải tạo các phòng thực hành, thực tập, bổ sung, nâng cấp thiết bị cho phù hợp với sự phát triển của khoa học và ứng dụng công nghệ mới vào công tác giảng dạy, học tập của Nhà trường **[H10.10.05.05]**.

Năm 2015, Nhà trường đã thực hiện khảo sát ý kiến của giảng viên, người học về cơ sở vật chất của Nhà trường. Trong đó, chủ yếu khảo sát mức độ hài lòng của người sử dụng (cán bộ, giảng viên, người học) về các trang thiết bị phục vụ nhu cầu giảng dạy/ học tập và nghiên cứu khoa học của họ, kết quả cho thấy 85% cán bộ, giảng viên nhận xét ở mức độ tốt, 10% đánh giá ở mức khá, 5% đánh giá mức trung bình với ý kiến nhận xét và đề nghị sửa chữa khu nhà B **[H10.10.05.06]**. Hàng năm, Khoa đề xuất nhà trường bổ sung, cập nhật cho thư viện vốn tài liệu, sách cần cho việc giảng dạy và học tập, nghiên cứu **[H10.10.05.07]**. Hiện nay, Nhà trường đang thực hiện chính sách xã hội hoá để đầu tư toàn bộ hệ thống điều hoà cho các phòng học khu nhà C **[H10.10.05.08]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển Nhà trường năm 2012 đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, trình Bộ VH TT DL phê duyệt. Đây là khung pháp lý để Nhà trường xây dựng và phát triển trong những năm tiếp theo **[H10.10.05.09]**. Năm 2015, Trường đã được Bộ VHTTDL phê duyệt đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia. Đây cũng là mục tiêu lớn của Nhà trường với hướng kinh phí mới để đầu tư các trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác đào tạo của Khoa **[H10.10.05.10]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống phòng học (nhà A1, A2) được trang bị những thiết bị cơ bản nhất phục vụ cho việc học tập như máy chiếu, micro, ánh sáng, v.v... Có các phòng thực hành phục vụ cho hoạt động dạy học chuyên ngành mang tính đặc thù của

diễn viên. Về tư liệu, Nhà trường có hệ thống thư viện hiện đại với nguồn học liệu đa dạng, phong phú và tiện ích, hệ thống công thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được Nhà trường xây dựng. Nhà trường và Khoa đã tận dụng triệt để các nguồn lực để đầu tư và cải tiến cơ sở vật chất.

3. Điểm tồn tại

Ngân sách đầu tư CSVC của Trường chủ yếu phụ thuộc vào phân bổ kinh phí của Bộ VH-TT-DL gây trở ngại cho việc chủ động đầu tư cơ sở vật chất của trường. Trang thiết bị của một số phòng thực hành, hệ thống máy tính chưa hiện đại hóa để đáp ứng hoạt động giảng dạy và học tập của của khoa. Ngoài ra, một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Năm 2021-2022, Nhà trường giao cho Phòng HCTH quy hoạch lại không gian riêng cho Khoa TKMT; đồng thời Khoa tích cực huy động nguồn lực từ các tổ chức ngoài trường để hỗ trợ kinh phí xây dựng cơ sở vật chất cho khoa (hỗ trợ cải thiện khu giảng đường Nhà C); Khoa khuyến khích SV đến thư viện trường để cập nhật những tư liệu mới, đồng thời quán triệt cán bộ giảng viên kiêm nhiệm hỗ trợ SV, đội ngũ chuyên viên đồng hành cùng SV cả trong học tập cũng như nắm bắt những khó khăn trong cuộc sống hằng ngày để có hướng khắc phục và giúp đỡ SV kịp thời trong học tập.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, định kỳ 2 năm 1 lần, Khoa TKMT tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ. Từ năm 2022, Nhà trường yêu cầu phòng chức năng xây dựng các quy trình công tác để hỗ trợ hiệu quả hơn cho CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Xây dựng cơ chế phản hồi, thu thập phản hồi, phân tích dữ liệu từ phản hồi, từ đó đưa ra những giải pháp cụ thể, thiết thực và kịp thời là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội nói chung và Khoa TKMT nói riêng. Những nội dung phản hồi có thể liên quan tới tất cả những hoạt động của Nhà Trường bao gồm công tác dạy và học, hoạt động ngoại khoá, các dịch vụ tiện ích đang được sử dụng trong nhà trường. Trong năm 2014, Trường chính

thức thành lập phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục (tiền thân là Ban thanh tra đào tạo) để chuyên trách công tác đo lường đánh giá kết quả đào tạo và đảm bảo chất lượng giáo dục **[H10.10.06.01]**. Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục được thành lập trên cơ sở nhân lực của Ban thanh tra và Đảm bảo chất lượng đào tạo, được quy định rõ ràng, cụ thể trong quy chế tổ chức hoạt động, Phòng có nhiệm vụ tham mưu giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổ chức thực hiện công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường đúng với các quy định của Nhà nước **[H10.10.06.02]**.

Phòng KT&ĐBCLGD là đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục cấp trường, đánh giá chất lượng các CTĐT và thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các bên liên quan. Phòng có nhiệm vụ tham mưu cho Nhà trường các hoạt động ĐBCL: tự đánh giá CSGD, CTĐT, đánh giá hoạt động GD của GV, khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, khảo sát về cơ sở vật chất, thư viện của Nhà trường; tư vấn, hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch hành động **[H10.10.06.03]**. Ngoài ra, Khoa TKMT còn phối hợp với Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Nhà trường ban hành quy định, quy trình và hướng dẫn thu thập thông tin phản hồi của người học một cách cụ thể, rõ ràng với cơ chế phản hồi mang tính hệ thống **[H10.10.06.04]**. Hiện nay, theo quy định và Hướng dẫn của ĐH SKĐAHN, vào cuối năm học hàng năm, tất cả các giảng viên cơ hữu của Khoa TKMT phải thực hiện hoạt động tự đánh giá các nhiệm vụ sau: nhiệm vụ giảng dạy; nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; nhiệm vụ quản lý đào tạo và nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn **[H10.10.06.05]**.

Từ năm 2017 trở đi, Nhà trường và khoa TKMT đã đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phản hồi và mở rộng đối tượng được lấy ý kiến phản hồi thông qua việc thu thập ý kiến phản hồi từ cấp Khoa, phòng ban và đến các cấp lãnh đạo thông qua các phiếu khảo sát, “Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên”; “Hội nghị công chức, viên chức”, “Diễn đàn trao đổi với nhà tuyển dụng”, trang web, Facebook của Nhà trường và của khoa, vv... Để những vấn đề tồn đọng được giải quyết triệt để, hàng tháng Nhà trường tiến hành cuộc họp giao ban, Khoa báo cáo, tổng hợp những vấn đề cần giải quyết và có những giải pháp cụ thể, hiệu quả **[H10.10.06.06]**.

2. Điểm mạnh

Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa bước đầu được thiết lập, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Chưa xây dựng quy trình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Các hình thức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan chưa đa dạng. Số lượng đối tượng khảo sát ngoài trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Trường/ Khoa TKMT tiếp tục duy trì các hình thức khảo sát hiện có; thực hiện việc thu thập thông tin phản hồi từ doanh nghiệp/ nhà tuyển dụng (Tăng cường khảo sát các đối tượng ngoài trường) tạo nguồn thông tin quan trọng để Khoa có chiến lược phù hợp nhằm nâng cấp hiệu chỉnh CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT phối hợp các phòng chức năng tham mưu cho Nhà trường xây dựng quy trình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; xây dựng văn hóa đảm bảo chất lượng giáo dục thông qua cơ chế lấy ý kiến phản hồi.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 10

Công tác nâng cao chất lượng đào tạo ngành TKMT SKĐA được Nhà trường và Khoa hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo dục, giảng viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu người học được chú trọng và thực hiện đầy đủ. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các hoạt động nghề nghiệp tương đương nghiên cứu khoa học được giảng viên và SV quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng chiếu phim, trung tâm Âm thanh, ánh sáng, nhà hát, xưởng vũ, phòng thực hành kỹ xảo điện ảnh...) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong dạy- học và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, việc lấy thông tin phản hồi từ các bên liên quan, trong đó có các GV về cả CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ còn khó khăn và chưa đầy đủ, định kỳ; việc thực hiện các đề tài khoa học lớn gắn với việc cải tiến CTĐT và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào công tác đào tạo chưa nhiều.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 10

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 11		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 10.1				x				4,16	05	100 (6/6)
Tiêu chí 10.2				x						
Tiêu chí 10.3				x						
Tiêu chí 10.4					x					
Tiêu chí 10.5				x						
Tiêu chí 10.6				x						

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Trong giai đoạn 2016-2021, để nâng cao chất lượng CTĐT TKMTSKĐA, các tiêu chí thuộc đầu ra của CTĐT như tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp; thời gian hoàn thành chương trình; tỷ lệ sinh viên thôi học; khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của SV sau khi tốt nghiệp được Khoa TKMT phối hợp với P.CTHSSV, P.KT&ĐBCLGD xác định, giám sát và bước đầu thực hiện đối sánh để cải tiến chất lượng của CTĐT cử nhân ngành TKMTSKĐA.

Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội có bộ phận để theo dõi, cập nhật danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp. Theo Quy chế tổ chức hoạt động của Trường, quy trình quản lý và giải quyết công việc của các đơn vị, phòng Công tác HSSV được Trường giao nhiệm vụ theo dõi và giám sát tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp [H11.11.01.01]. Bên cạnh đó, tình hình của sinh viên ngành TKMT SKĐA luôn được giáo viên chủ nhiệm, trợ lý Khoa, phòng Đào tạo QLKH & HTQT cập nhật thông qua những buổi sinh hoạt lớp hàng tháng và thông tin phản hồi từ Ban cán sự lớp, Ban chấp hành chi đoàn, qua đó có những báo cáo kịp thời lên Ban Chủ nhiệm Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh [H11.11.01.02]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp, xét kỷ luật [H11.11.01.03]. Do đó, với những SV thôi học, đều có sự trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho SV, cũng như có những đề xuất kịp thời với Khoa và Nhà trường. Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của phòng CT HSSV [H11.11.01.04]. Ban cán sự lớp và Ban chấp hành chi đoàn đều nắm được tình hình SV thôi học. Bên cạnh đó, SV tốt nghiệp và thôi học được quản lý đầy đủ thông tin tại phòng Đào tạo, QLKH & HTQT, phòng CT HSSV của Nhà trường. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo. [H11.11.01.05]. Căn cứ vào các quy định về đào tạo, về quản lý HSSV, hàng năm, Trường thực hiện thống kê danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp. Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành TKMT SKĐA được xác lập và giám sát chặt chẽ dựa trên các Quy định về điều kiện tốt nghiệp, Quy định về thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi tốt nghiệp và thông qua Hội đồng xét, xử lý học sinh, sinh viên thôi học, bỏ học hàng năm [H11.11.01.06]. Cụ thể thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ

SV bỏ học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua cơ sở dữ liệu về người học trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học trong 05 năm gần nhất bao gồm: năm nhập học, tổng số người học nhập học, số người học tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, quá hạn (hạn được hiểu là thời gian quy định của khóa học), số người học thôi học sau 1, 2, 3, 4 năm [H11.11.01.07] cho thấy đa số SV ngành TKMT SKĐA hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Khoa luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua Giáo viên chủ nhiệm, Trợ lý khoa (đào tạo). Ban chủ nhiệm khoa có các buổi họp với cán sự lớp, giáo viên chủ nhiệm, trợ lý đào tạo vào các kỳ học để nắm được tình hình học tập của SV. Trường thực hiện tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, đề xuất các biện pháp giảm thiểu tỉ lệ thôi học. Theo số liệu thống kê trên, tỷ lệ thôi học của sinh viên ngành TKMT SKĐA hàng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng SV của toàn khóa. Nhìn chung, SV của Khoa thôi học là do các nguyên nhân như: đi du học; gia đình quá khó khăn về tài chính; hoặc các em tìm được việc làm ổn định trong năm thứ 2,3 hoặc hết hạn bảo lưu mà không có điều kiện học tiếp [H11.11.01.08].

Trong thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19, Nhà trường đã triển khai hệ thống học tập trực tuyến nhằm đảm bảo tiến độ học tập cho sinh viên kịp tốt nghiệp [H11.11.01.09]. Hệ thống GVCN, GV bộ môn, Khoa và Trường thường xuyên giám sát chặt chẽ tình hình học tập của sinh viên và có những biện pháp cụ thể để hỗ trợ sinh viên hoàn thành chương trình học như gặp gỡ trao đổi trực tiếp hoặc tư vấn khi người học gặp khó khăn, duy trì chế độ sinh hoạt lớp định kỳ hằng tháng [H11.11.01.10].

Tuy nhiên, Trường chưa thực hiện việc đối sánh, phân tích nguyên nhân giảm tỉ lệ tốt nghiệp, đề xuất các biện pháp khả thi để hỗ trợ người học tốt nghiệp hiệu quả. Nhà trường chưa ứng dụng CNTT trong quản lý và giám sát kết quả học tập của SV để có thể thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỉ lệ SV thôi học, bỏ học cũng như nguyên nhân và tỉ lệ SV tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Nhà trường/ Khoa duy trì cơ chế kiểm tra nề nếp hằng tháng để thông báo, nhắc nhở kịp thời tình hình học tập của SV, đồng thời nắm bắt những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp và có những đề xuất kịp thời đối với nhà trường. Tỷ lệ người học ngành TKMT SKĐA bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao do có sự giám sát chặt chẽ của Khoa và Nhà trường. Việc đối sánh các thông số về sinh viên với các trường khác gặp khó khăn do các trường khác không công khai con số này một cách thường xuyên (hoặc rất khó tiếp cận các thông tin này từ trường khác).

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường và Khoa thực hiện giám sát tỷ lệ SV tốt nghiệp hàng năm nhưng nhà trường chưa tìm hiểu, phân tích xác đáng nguyên nhân tốt nghiệp không đúng hạn và thôi học; chưa có phân tích dự báo tỷ lệ SV thôi học của ngành để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ SV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn. Bên cạnh đó trong quá trình xây dựng kế hoạch, chiến lược đào tạo hàng năm Khoa cũng chưa xác lập và phân tích dự đoán được tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học và chưa thực hiện việc đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học (đối sánh năm trước, năm sau; dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp thôi học của người tham gia CTĐT).

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Trường giao cho Phòng CTHSSV, Phòng ĐT, QLKH & HTQT, Khoa TKMT tiếp tục giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu SV tốt nghiệp, thôi học của SV ngành TKMT SKĐA. Phát huy hơn nữa vai trò của GVCN trong việc liên hệ, theo dõi sát sao tình hình SV nhất là các SV thôi học để kịp thời động viên, giúp đỡ SV tiếp tục việc học; cập nhật tình hình để báo cáo kịp thời Khoa và lãnh đạo Trường, đồng thời có phân tích, báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở, tư vấn cho SV hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT, P. CTHSSV tiếp tục tuyên truyền cho người học nắm rõ các điều kiện để được công nhận tốt nghiệp. Căn cứ vào Báo cáo ba công khai để bước đầu tiến hành đối sánh với các trường khác trong nước về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thôi học của SV ngành TKMT SKĐA bằng việc Khoa phối hợp với P. CTHSSV đưa vào kế hoạch, chiến lược đào tạo các phân tích dự đoán tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học từ đó tìm ra biện pháp cải tiến chất lượng đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Thời gian tốt nghiệp là khoảng thời gian cần thiết để sinh viên hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Nhà trường giao cho P. Đào tạo, QLKH & HTQT chủ trì phối hợp với P. CTHSSV, Khoa TKMT và các đơn vị khác (Khảo thí & ĐBCLGD, HCTH) để theo dõi/thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa học thuộc CTĐT TKMT SKĐA. Để tốt nghiệp, sinh viên phải có đủ điều kiện về điểm, bài tốt nghiệp và điều kiện khác (đã đạt điểm đầu ra ngoại ngữ, điểm đạt tốt nghiệp môn LLCT... thực hiện đào tạo theo niên chế nên thời gian tốt nghiệp trung bình của SV

hệ ĐH chính qui của Khoa Sân khấu là 4 năm (Quy chế 25 và những quy định riêng của Trường) [H11.11.02.01]. Đặc thù ngành Thiết kế mỹ thuật là tốt nghiệp bằng bản thiết kế cho một bộ phim, một vở kịch hoàn chỉnh. Vì vậy kế hoạch TN của một SV Thiết kế mỹ thuật cần phải có sự tập trung cao độ. Trong 5 năm học gần đây, trung bình hàng năm có khoảng 60 % - 80% SV Thiết kế mỹ thuật hoàn thành chương trình và được cấp bằng cử nhân Thiết kế mỹ thuật (Hoạt hình, Điện ảnh, Sân khấu, Trang phục, Đồ hoạ kỹ xảo). [H11.11.02.02].

Bên cạnh đó, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp muộn hơn so với thời gian yêu cầu vẫn còn tồn tại (như đã giải thích ở trên). Một số nguyên nhân khiến sinh viên tốt nghiệp không đúng hạn có thể kể đến như: lập gia đình trong quá trình học; đi du học; có tỷ lệ nợ môn mà không trả kịp... [H11.11.02.03]. Trên cơ sở tìm hiểu về nguyên nhân dẫn đến việc sinh viên tốt nghiệp trễ hạn, nhà trường và Khoa đề ra những biện pháp giúp sinh viên hoàn thành các học phần, kéo dài thêm thời gian tốt nghiệp (do dịch Covid 19 [H11.11.02.04]. Để hỗ trợ người học đảm bảo CTĐT, Nhà trường có quy định cho SV bảo lưu, hoặc học riêng với GV (không đợi khoá sau) đối các SV còn nợ môn mà hết thời gian đào tạo hoặc đã đến thời gian xét điều kiện thi tốt nghiệp [H11.11.02.05]. Việc đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của người học chưa thực hiện được do khó tiếp cận thông tin từ các trường khác.

2. Điểm mạnh

SV có ý thức với tiến độ học tập của bản thân; Ban Chủ nhiệm Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Trợ lý Khoa, giáo viên chủ nhiệm để hỗ trợ SV kịp thời. Nhà trường đã có hệ thống quản lý, giám sát kế hoạch học tập và thời gian tốt nghiệp của sinh viên; Nhà trường đã có những chính sách, giải pháp hợp lý để giúp SV đảm bảo tiến độ học tập.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay vẫn còn một số sinh viên ngành TKMT SKĐA tốt nghiệp muộn so với thời gian thiết kế trung bình của khóa học (4 năm). Nhà trường chưa thực hiện đối sánh như yêu cầu của mốc chuẩn tham chiếu trong hướng dẫn tự đánh giá CTĐT của Bộ GD & ĐT (Công văn số: 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng - KĐCLGD).

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa TKMT, Phòng ĐT, QLKH & HTQT phối hợp tiếp tục nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát và quản lý học tập, cùng với các GVCN, GV bộ môn, GV hướng dẫn có định hướng và hỗ trợ sinh viên trong việc xây dựng kế hoạch học tập và hỗ trợ người học hoàn thành bài tốt nghiệp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa TKMT, Phòng ĐT, QLKH & HTQT phối hợp xây dựng qui trình thực hiện việc tìm hiểu nguyên nhân chậm tốt nghiệp của người học, từ đó xây dựng những quy định hỗ trợ SV. Nghiên cứu để triển khai việc đối sánh trong nước về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học trong cùng một CTĐT, hình thức đào tạo; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học trong cùng CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập. Để đánh giá chất lượng đào tạo thì tỉ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp là một thước đo quan trọng. Người học luôn đặt ra mục tiêu sau khi ra trường có việc làm phù hợp ngành nghề đào tạo, thu nhập phù hợp và môi trường làm việc ổn định. Đây cũng là một trong những mục tiêu của Khoa và Trường đặt ra trong CTĐT. Từ năm 2017, theo quy định của Bộ GD & ĐT [H11.11.03.01], Nhà trường đã phân công Phòng CTCT&HSSV (nay là Phòng Công tác học sinh, sinh viên) phụ trách công tác hỗ trợ người học cũng như thực hiện khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, từ đó cho đến nay, hoạt động đó được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định [H11.11.03.02]. Hình thức tổ chức khảo sát bao gồm gọi điện thoại, khảo sát qua mạng internet (đăng mẫu phiếu lên website Nhà trường, cung cấp đường link cho các đối tượng sinh viên tốt nghiệp truy cập và trả lời phiếu, gửi chuyển kết quả trực tiếp vào hộp thư của ban khảo sát. Việc gửi đường link có thể thông qua mạng xã hội (facebook,...), qua email hoặc tin nhắn điện thoại. Đây là hình thức triển khai chủ yếu), khảo sát qua gửi thư (gửi phiếu khảo sát trực tiếp theo địa chỉ do sinh viên cung cấp trước khi tốt nghiệp; tiếp nhận phiếu và nhập thông tin phản hồi vào phần mềm khảo sát) và khảo sát qua phỏng vấn (thực hiện đối với các đối tượng sinh viên tốt nghiệp có hộ khẩu tại Hà Nội và vùng phụ cận; các đối tượng về Trường nhận văn bằng, chứng chỉ; các đối tượng tiếp tục học cao học để nâng cao trình độ thì lấy phiếu trực tiếp) [H11.11.03.03].

Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được giám sát. Nhà trường có mối liên hệ gắn bó mật thiết với các cơ sở hoạt động nghệ thuật về Sân khấu, Điện ảnh và Truyền hình trong cả nước, với điều kiện thuận lợi như vậy, sinh viên tốt nghiệp của trường nhìn chung đều có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, đây cũng là các đơn vị mà Nhà trường thực hiện việc lấy thông tin về việc làm của SV, thực hiện giám sát tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp [H11.11.03.04].

Cần phải nói thêm về đặc thù của ngành Thiết kế mỹ thuật, sinh viên ra trường không thể ngày một ngày hai trở thành họa sỹ chính hoặc có việc làm theo đúng mong muốn, SV được gọi là có việc làm được hiểu theo nghĩa rộng, họ có thể không làm đúng ngành đào tạo nhưng có thể làm những công việc liên quan như: phụ việc tại các cơ sở nghệ thuật, làm việc bán thời gian, hợp đồng thời vụ, tham gia các dự án về SKĐA... Những việc làm đó là một quá trình tất yếu để chuẩn bị làm nên 1 họa sỹ thiết kế tương lai. Đây là một nghề khá đặc biệt. Do đó, ngay cả việc thống kê tỷ lệ sinh viên có việc làm cũng cần có một cách đánh giá khác, việc đối sánh với các trường khác về tỷ lệ việc làm sau tốt nghiệp cũng gặp khó khăn do các thông tin từ trường khác có cùng CTĐT không nhiều.

2. Điểm mạnh

Đa số SV tốt nghiệp ngành TKMT SKĐA đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT ngành; Nhà Trường và Khoa coi trọng năng lực thực hành thực tế, giúp SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, có một tỷ lệ nhất định SV TKMT SKĐA làm trái ngành trái nghề sau khi tốt nghiệp. Điều này cũng phản ánh tình trạng chung của xã hội, và những điểm đặc thù về nghề TKMT SKĐA đã phân tích ở trên. Khoa và nhà trường chưa tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp để có thông tin đầy đủ về tình trạng tốt nghiệp, chưa khảo sát được mức bình quân thu nhập của các sinh viên ở các môi trường làm việc. Việc xác định nguyên nhân chưa có việc làm của sinh viên còn chưa được thực hiện thường xuyên. Việc đối sánh căn cứ từ tỷ lệ có việc làm của sinh viên để cải tiến chất lượng còn gặp nhiều trở ngại.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa và Trường tổ chức liên kết với các đơn vị/ doanh nghiệp để giúp sinh viên có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng chuyên ngành đào tạo dễ dàng hơn sau khi tốt nghiệp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Khoa phối hợp với P.CTHSSV lập kế hoạch khảo sát về tình trạng việc làm của sinh viên ngành TKMT SKĐA đã tốt nghiệp ở các khóa từ đó có thông tin đầy đủ để giám sát và đối sánh nhằm cải tiến chất lượng đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường đại học Sân khấu – Điện ảnh tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học **[H11.11.04.01]**. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được thực hiện theo quy định hiện hành **[H11.11.04.02]**.

Hàng năm, Nhà trường chú trọng đầu tư nguồn học liệu để hỗ trợ SV học tập và nghiên cứu khoa học. Hoạt động khoa học và công nghệ được Nhà trường quan tâm như: tìm kiếm, thu thập, xử lý các dữ liệu, số liệu, dữ kiện, tin tức, tri thức nhằm tạo lập nguồn tin khoa học và công nghệ (sách, báo, tạp chí, cơ sở dữ liệu, tài liệu hội nghị, hội thảo khoa học, lưu trữ luận văn, luận án sau đại học và các nguồn tin khác) **[H11.11.04.03]**.

Do đặc thù của ngành TKMT SKĐA, sản phẩm nghiên cứu khoa học không như những sản phẩm thông thường. Như đã phân tích tại tiêu chí 10.4 “Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội là trường đại học đào tạo nghệ thuật, do đó hoạt động nghiên cứu khoa học có đặt thù riêng, như việc thiết kế mỹ thuật cho một bộ phim, vở kịch... và kinh nghiệm tích lũy được từ các hoạt động này được coi là một một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học của Nhà trường” **[H10.10.04.01]**. Hàng năm, GV và SV của Khoa tiến hành các hoạt động nghề nghiệp cụ thể để tạo ra sản phẩm nghệ thuật, đây được coi là hình thức nghiên cứu đề tài khoa học, giúp GV, SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc dạy-học. **[H10.10.04.04]**.

Từ năm 2015 đến nay, sinh viên của Khoa Thiết kế mỹ thuật tham gia một số tác phẩm sân khấu hoặc các bộ phim điện ảnh, truyền hình, các triển lãm mỹ thuật **[H11.11.04.04]**, đây là những sản phẩm nghiên cứu khoa học đặc thù.

Với phân tích trên cho thấy giảng viên và sinh viên ngành TKMT SKĐA đã thực hiện phương châm “*giảng dạy kết hợp với thực nghiệm và NCKH*”. Nhà trường có quy định cụ thể về việc khen thưởng đối với sinh viên đạt giải trong các liên hoan phim, dự án về SKĐA hoặc các cuộc thi mà SV của Trường tham gia được giải **[H11.11.04.05]**. Đặc biệt là Triển lãm mỹ thuật dành cho sinh viên hàng năm hướng tới kỉ niệm ngày thành lập Trường đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội đã thu hút đông đảo sinh viên các khóa, các chuyên ngành tham gia hào hứng. Cuộc thi nhằm tìm ra những sinh viên xuất sắc và khuyến khích tinh thần học tập, hăng say lao động sáng tạo trong sinh viên.

Bên cạnh đó, Khoa cũng thường xuyên tổ chức các tọa đàm, hội nghị, hội thảo khoa học với sự tham gia của các cán bộ, SV trong Khoa. Đặc biệt là Cuộc thi tài năng sinh viên hằng năm hướng tới kỉ niệm ngày thành lập Trường đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội đã thu hút đông đảo sinh viên các khóa, các chuyên ngành tham gia hào hứng. **[H11.11.04.06]**.

Có một thực tế là sinh viên của ngành TKMTSKĐA gắn kết chặt chẽ với các ngành đào tạo khác của Trường. Do đó, cần một cơ chế để gắn kết việc học của các sinh viên (chẳng hạn sinh viên TKMTSKĐA sẽ tham gia các dự án phim, vở diễn với các sinh viên ngành học điện ảnh, truyền hình, sân khấu, kịch hát dân tộc). Mỗi SV kết thúc 1 trải nghiệm đều có cho mình những kinh nghiệm tốt để làm nghề.

2. Điểm mạnh

Một số giảng viên của khoa cũng như giảng viên thỉnh giảng của khoa là những NSND, NSUT, Nhà giáo ưu tú, họa sỹ, người làm nghề lâu năm tại các hãng phim, nhà hát, viện bảo tàng... có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong nghề. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn các đồng nghiệp và sinh viên NCKH/ sáng tác. Hàng năm, khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH/ sáng tác thông qua các hoạt động hỗ trợ như tổ chức triển lãm mỹ thuật như đã đề cập ở phần mô tả.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa xây dựng *Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội*, để làm rõ các nội dung liên quan đến công tác NCKH trong sinh viên của Trường, đồng thời có đề cập đến loại hình nghiên cứu khoa học đặc thù cho SV TKMT SKĐA.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2022, Khoa Sân khấu phối hợp với P. ĐT, QLKH & HTQT, Viện NCSKĐA, P. CTHSSV tham mưu với Nhà trường xây dựng *Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội* (trong đó có tiêu chí cho Khoa TKMT), thể hiện được đặc thù của ngành TKMT SKĐA, có thể quy đổi loại hình NCKH thành các tác phẩm thiết kế mỹ thuật cho một vở kịch hoặc một bộ phim và giải thưởng liên quan đến ngành TKMT SKĐA.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, Phòng Đào tạo, Quản lý Khoa học & HTQT là đơn vị tham mưu giúp Hiệu trưởng thống nhất quản lý, chỉ đạo các hoạt động về NCKH sinh viên. Hàng năm lập kế hoạch về nội dung hoạt động NCKH sinh viên trình Hiệu trưởng duyệt, sau đó thống nhất chỉ đạo tổ chức thực hiện. Hội đồng KHĐT và các Bộ môn của Khoa đẩy mạnh việc NCKH trong sinh viên bằng cách tuyên truyền, phổ biến về công tác NCKH của SV, đồng thời thành lập Hội đồng tư vấn đề tài

NCKH và phát huy công tác hỗ trợ, hướng dẫn của các nhóm NCKH từ giảng viên đối với SV và đổi mới cơ chế, chính sách động viên khích lệ SV thực hiện các đề tài NCKH, phối hợp trong thực hiện dự án SKĐA. Ngoài ra Nhà trường cũng đầu tư kinh phí cho các đề tài nghiên cứu khoa học được chọn.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, Nhà Trường tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức và Hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến đóng góp về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo. Giảng viên và chuyên viên của Khoa được tham dự các Hội nghị cán bộ viên chức giữa lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo khoa với cán bộ viên chức để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng CTĐT. Bên cạnh đó, Hội đồng KHĐT Trường tổ chức họp theo định kỳ để xem xét chiến lược đào tạo mà các cán bộ giảng viên của các đơn vị trong đó có khoa Sân khấu kiến nghị **[H11.11.05.01]**

Mỗi học kỳ, Trường và Khoa đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các học phần nhằm thu thập thông tin phản hồi để làm cơ sở phân tích, đánh giá học phần và CTĐT cũng như các dịch vụ công để có sự điều chỉnh, cải tiến chương trình dạy học và dịch vụ hỗ trợ **[H11.11.05.02]**. Để hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan đi vào chiều sâu và thực chất, năm 2022, Nhà trường đã tổ chức xây dựng dự thảo đề ban hành quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan **[H11.11.05.03]**.

Ngoài ra, hàng tháng, Khoa chỉ đạo SV tổ chức sinh hoạt lớp để lắng nghe các ý kiến đóng góp, phản hồi từ SV một cách thẳng thắn, công khai và có sự giải trình, tiếp thu nghiêm túc của giáo viên chủ nhiệm, trợ lý khoa **[H11.11.05.04]** để báo cáo Ban chủ nhiệm khoa, Hội đồng KHĐT của khoa và các Bộ môn nhằm kịp thời cải tiến chất lượng và phản hồi tới người học về sự cải tiến. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập thông tin phản hồi từ các cựu người học, Nhà trường và Khoa đã xây dựng mạng lưới liên kết cựu người học nhằm lấy ý kiến của cựu SV về CTĐT và CĐR của CTĐT **[H11.11.05.05]** để làm cơ sở đánh giá, cải tiến CTĐT và CĐR của ngành.

Bên cạnh đó, Trường và Khoa TKMT hàng năm cũng tiến hành khảo sát việc làm của cựu SV, gửi bảng khảo sát đến các đơn vị đã, đang và sẽ tuyển dụng các SV ra

trường của Khoa để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của người lao động do Khoa đào tạo và nhu cầu tuyển dụng của nhà tuyển dụng [H11.11.05.06]. Tuy nhiên, hoạt động này chưa được tiến hành thường xuyên, nhất là trong điều kiện dịch bệnh covid-19, các đơn vị nghệ thuật gần như đóng cửa, hạn chế hoạt động.

2. Điểm mạnh

CTĐT và CĐR của CTĐT ngành TKMT được tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan với nhiều hình thức thực chất. Đại đa số các bên liên quan hài lòng về CTĐT và CĐR của CTĐT. Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được khoa và trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CĐR của ngành.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan đối với các hoạt động của Nhà trường, khoa, ngành mới được thực hiện, chưa tổ chức định kỳ, thường xuyên. Mẫu biểu khảo sát, bảng hỏi chưa được cập nhật, điều chỉnh để đảm bảo đánh giá đúng thực chất và yêu cầu của các bên liên quan về CTĐT và các hoạt động liên quan đến đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Năm 2022, P. KT & ĐBCLGD lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo về “Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan” nhằm đưa hoạt động tìm hiểu mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022 trở đi, Khoa TKMT lập kế hoạch phối hợp với Phòng Khảo thí và ĐBCLGD tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với mong muốn của đối tượng được khảo sát.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 11

Nhìn chung, sinh viên ngành TKMT SKĐA có tỷ lệ tốt nghiệp cao, nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. Giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT. Tuy nhiên, để có thể khắc phục một số hạn chế, Trường cần ban hành *Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội* khuyến khích các em làm NCKH (bằng hình thức thiết kế mỹ thuật cho một bộ phim, một vở kịch, dự án SKĐA), đẩy mạnh việc đào tạo kỹ năng mềm... nhằm trang bị cho sinh viên để các em

đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 11:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 11		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 11.1				x				4.0	05	100%
Tiêu chí 11.2				x						
Tiêu chí 11.3				x						
Tiêu chí 11.4				x						
Tiêu chí 11.5				x						

PHẦN III. KẾT LUẬN

Căn cứ vào sứ mạng của Trường Đại học Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (ĐHSK- ĐAHN) là trường đào tạo nhân lực cho ngành sân khấu, điện ảnh lớn nhất khu vực phía Bắc; là một cơ sở đào tạo nghệ thuật sân khấu và nghệ thuật điện ảnh bậc đại học và sau đại học duy nhất của cả nước. Trường có sứ mạng rõ ràng, phù hợp với chức năng, nguồn lực của Trường. Trường đã góp phần rất lớn trong việc đáp ứng nhu cầu nhân lực của ngành văn hóa, thể thao và du lịch nói riêng và cả nước nói chung cũng như trong việc thực hiện những kế hoạch, chiến lược về giáo dục và đào tạo của Chính phủ. CTĐT ngành TKMT SKĐA được xem là một trong những chương trình then chốt của Nhà trường. Do đó việc đánh giá chương trình là tất yếu nhằm không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học; nâng cao hiệu quả của hệ thống ĐBCL và định kỳ tham gia kiểm định chất lượng.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày ở phần mô tả, hiệu quả các hoạt động của CTĐT được phân tích, đánh giá chi tiết theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT cử nhân ngành TKMT SKĐA trong vòng 5 năm qua (2015 - 2020) đã đạt được những thành công, thành tựu đáng kể.

Thứ nhất, mục tiêu và CDR của CTĐT ngành TKMT SKĐA đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. CDR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc cố vấn học tập. SV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như phẩm chất cá nhân cần thiết. CDR ngành TKMT SKĐA được công bố công khai đến từng sinh viên thông qua trang học tập cá nhân trên hệ thống website của Trường ở mỗi kì học, mỗi năm học.

Thứ hai, các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành TKMT SKĐA được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới về lĩnh vực TKMT SKĐA..... Quá trình bổ sung, điều chỉnh của khoa dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như đóng góp, xây dựng của hội đồng KHĐT khoa, cựu SV, giảng viên, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Bản mô tả CTĐT được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình. Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, ... của học

phần đều được cung cấp đầy đủ, được công bố công khai và dễ tiếp cận để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học.

Thứ ba, CTDH của ngành TKMT SKĐA được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT. Hội đồng KH&ĐT của Khoa Thiết kế Mỹ thuật đã chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong CTDH nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ kiến thức chung đến kiến thức ngành hẹp. Bên cạnh đó, chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và năng lực phát triển nghề nghiệp cho SV. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau. CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến ngành TKMT SKĐA trong khu vực và trên thế giới. CTDH thể hiện được năng lực của SV tốt nghiệp. Các học phần được thiết kế đề cao tính ứng dụng; các học phần kiến thức, kỹ năng chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

Thứ tư, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành Đào diễn điện ảnh phù hợp, rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng như bài giảng lý thuyết, thực hành, thảo luận, thuyết trình, thực tập, tự học và tự nghiên cứu thuật giúp SV có khả năng học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện, có sự tương tác hiệu quả giữa GV và SV; các GV luôn tôn trọng và giúp đỡ người học.

Thứ năm, việc đánh giá kết quả học tập của SV ngành TKMT SKĐA, Khoa Thiết kế Mỹ thuật được thực hiện một cách chuyên nghiệp, bám sát các quy định, hướng dẫn của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội để đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng trong đánh giá kết quả học tập của SV. Khoa Thiết kế Mỹ thuật luôn tập trung sâu vào đánh giá năng lực của người học thông qua các kỳ thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và CTĐT, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Thứ sáu, đội ngũ giảng viên trong ngành TKMT SKĐA có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Khoa đã có những thành tích nhất định.

Trong giảng dạy, với số lượng người học như hiện tại, đội ngũ giảng viên của Khoa luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng theo quy định và đa số giảng viên có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao theo thăm dò ý kiến từ sinh viên. Trong NCKH, tuy

vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhưng đội ngũ giảng viên của Khoa cũng đã tích cực tham gia vào tất cả loại hình nghiên cứu, nhiều giảng viên được khen thưởng hoặc nhận các giải thưởng danh giá. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa và nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của giảng viên, phù hợp với chiến lược phát triển đại học của Nhà trường. (Trường ta chưa xác định theo phân tầng đại học (cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng, định hướng thực hành, do đó nó ảnh hưởng lớn đến việc viết phần tiêu chuẩn 1,3,4,6). Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho CTĐT ngành TKMT SKĐA có trình độ chuyên môn cơ bản đáp ứng được nhu cầu công việc. Ngoài ra, đội ngũ này cũng rất năng động và nhiệt huyết, do vậy, công việc luôn được triển khai và hoàn thành tốt. Ngoài ra, Trường luôn có những chế độ khen thưởng và kỷ luật phù hợp để quản lý công việc của đội ngũ này. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên của Khoa và Nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của ngành và phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.

Thứ bảy, công việc tuyển sinh được thực hiện một cách công khai, nghiêm túc, vì thế hàng năm ngành TKMT SKĐA tuyển chọn được nhiều sinh viên có năng lực đạt yêu cầu đầu vào. Bên cạnh đó, người học được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập, NCKH và thể chất, tinh thần, nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân.

Thứ tám, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành. Hệ thống công nghệ thông tin đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đạt yêu cầu của cán bộ, giảng viên và người học của Trường.

Thứ chín, công tác nâng cao chất lượng đào tạo ngành TKMT SKĐA được Nhà trường và Khoa hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo dục, giảng viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu người học được chú trọng và thực hiện đầy đủ. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR..

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng chiếu phim, trung

tâm Âm thanh, ánh sáng...) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong dạy- học và nghiên cứu khoa học.

Thứ mười, sinh viên ngành TKMT SKĐA có tỷ lệ tốt nghiệp cao, nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. Giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT.

Bên cạnh những điểm nổi bật đã nêu trên, CTĐT cử nhân ngành TKMT SKĐA cũng cũng có một số tồn tại sau:

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CDR của CTĐT mới chỉ được thực hiện theo hướng dẫn, quy định của nhà trường, Khoa chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học, cũng như chưa thiết lập được kênh thông tin riêng như website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

Thiết bị cho chuyên ngành TKMT SKĐA vẫn chưa cập nhật kịp thời với sự phát triển của thế giới. Phòng thực hành được trang bị hiện đại để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; tuy nhiên vẫn chưa có những phòng học hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế.

Việc cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần đến các bên có liên quan còn đang được thực hiện một cách hạn hẹp và không chuyên nghiệp. Khoa thiếu cơ sở dữ liệu cập nhật về việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, của cựu SV để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT, các đề cương học phần. Phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa rộng. CDR của một số học phần chưa thực sự rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CDR của CTĐT.

Hoạt động thực hành và trải nghiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Số ít SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên cứu. Việc đánh giá kết quả học tập một số học phần còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu chưa được tiến hành một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay; Khoa mới thực hiện rà soát và điều chỉnh CDR của CTĐT theo hướng dẫn, quy định của nhà trường mà chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học; chưa có sự liên hệ thật sự chặt chẽ trong quá trình SV thực tập tại cơ sở, các ký kết với cơ sở thực tế chưa có những ràng buộc

liên quan nhiều đến chuẩn đầu ra theo từng năm học và từng chuyên ngành mà SV phải đạt tới; Khoa chưa thiết lập được kênh thông tin riêng trên website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

CDR của một số học phần chưa rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CDR của chương trình đào tạo.

Thư viện và các nguồn học liệu về ngành TKMT SKĐA chưa được cập nhật thường xuyên. Nhiều SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên cứu. Việc đánh giá kết quả học tập còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phân biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

Với những điểm nổi bật và một số tồn tại đã nêu ra ở trên, kết quả tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành TKMT SKĐA được thể hiện thông qua bảng sau:

Phụ lục 6a: BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH TKMT

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội**

Tên chương trình đào tạo: **Thiết kế mỹ thuật sân khấu – điện ảnh**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 1.1				x						
Tiêu chí 1.2				x						
Tiêu chí 1.3				x						
Tiêu chuẩn 2								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 2.1				x						
Tiêu chí 2.2				x						
Tiêu chí 2.3				x						
Tiêu chuẩn 3								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 3.1				x						
Tiêu chí 3.2				x						
Tiêu chí 3.3				x						
Tiêu chuẩn 4								4,00	3	100

Tiêu chí 4.1				x						(3/3)
Tiêu chí 4.2				x						
Tiêu chí 4.3				x						
Tiêu chuẩn 5								4,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 5.1				x						
Tiêu chí 5.2				x						
Tiêu chí 5.3				x						
Tiêu chí 5.4				x						
Tiêu chí 5.5				x						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 6								4,00	7	100 (7/7)
Tiêu chí 6.1				x						
Tiêu chí 6.2				x						
Tiêu chí 6.3				x						
Tiêu chí 6.4				x						
Tiêu chí 6.5				x						
Tiêu chí 6.6				x						
Tiêu chí 6.7				x						
Tiêu chuẩn 7								4,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 7.1				x						
Tiêu chí 7.2				x						
Tiêu chí 7.3				x						
Tiêu chí 7.4				x						
Tiêu chí 7.5				x						
Tiêu chuẩn 8								4,20	5	100 (5/5)
Tiêu chí 8.1				x						
Tiêu chí 8.2				x						
Tiêu chí 8.3				x						
Tiêu chí 8.4				x						
Tiêu chí 8.5					x					
Tiêu chuẩn 9								4,20	5	100 (5/5)
Tiêu chí 9.1				x						
Tiêu chí 9.2				x						
Tiêu chí 9.3				x						
Tiêu chí 9.4				x						
Tiêu chí 9.5					x					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1				x						
Tiêu chí 10.2				x						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 10.3				x				4,16	6/6	100 (5/6)
Tiêu chí 10.4					x					
Tiêu chí 10.5				x						
Tiêu chí 10.6				x						
Tiêu chuẩn 11								4,00	5/5	100 (5/5)
Tiêu chí 11.1				x						
Tiêu chí 11.2				x						
Tiêu chí 11.3				x						
Tiêu chí 11.4				x						
Tiêu chí 11.5				x						
Đánh giá chung CTĐT								4,05	50/50	100%

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đình Thi

PHẦN IV. PHỤ LỤC

1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT (Phụ lục 7):

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 01/01 /2022

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Sân Khấu - Điện Ảnh Hà Nội

Tiếng Anh: Hanoi Academy of Theatre and Cinema

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: SKD

Tiếng Anh:

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch.

5. Địa chỉ: Khu văn hóa nghệ thuật, P Mai Dịch, Q Cầu Giấy, TP Hà Nội.

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 84.4.37643397

E-mail: skd@moet.edu.vn Website: www.skda.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 1980

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1980

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I:

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập

Bán công

Dân lập

Tư thực

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ) Không

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Khoa Sân khấu

Tiếng Việt: Khoa Thiết kế mỹ thuật

Tiếng Anh: Department of Theatre and film design

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 52210406

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Thiết kế mỹ thuật Sân khấu, Điện ảnh, Hoạt hình.

Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 1, nhà C2 Trường ĐH SKĐAHN, Khu văn hóa nghệ thuật, P Mai Dịch, Q Cầu Giấy, TP Hà Nội.

18. Số điện thoại liên hệ: 04.3764.8443; Email: tkmt@skda.edu.vn

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1980

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1980

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1985

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Khoa Thiết kế mỹ thuật trường ĐH SKĐH HN, kể từ khi được thành lập đến nay đã đào tạo được nhiều họa sĩ thiết kế cho các ngành nghệ thuật Điện ảnh, Hoạt hình và Sân khấu, trong đó có nhiều người đã được phong danh hiệu NSND, NSUT. Họ đã tham gia đóng góp vào sự thành công của nền nghệ thuật nói chung và các tác phẩm Điện ảnh, Hoạt hình và Sân khấu nói riêng.

Khoa là đơn vị xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập và sáng tác theo kế hoạch được phê duyệt và quản lý đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất trong phạm vi khoa đồng thời quản lý toàn diện sinh viên đang theo học tại các chuyên ngành do khoa đào tạo. Năm 2019, Khoa Thiết kế mỹ thuật đã tiến hành chỉnh sửa đề cương môn học cho 05 chuyên ngành đào tạo.

Các chuyên ngành đào tạo của Khoa gồm có: Thiết kế mỹ thuật Điện ảnh, Thiết kế mỹ thuật Hoạt hình, Thiết kế mỹ thuật Sân khấu, Nghệ thuật hóa trang, Thiết kế trang phục nghệ thuật, Thiết kế đồ họa kỹ xảo.

Từ năm 2016 đến nay, số lượng sinh viên trong khoa luôn ổn định về số lượng và tăng lên về chất lượng, đặc biệt là các chuyên ngành Nghệ thuật hóa trang, Thiết kế đồ họa kỹ xảo. Các buổi lễ tốt nghiệp hàng năm diễn ra tốt đẹp, đạt hiệu quả cao và nhận được nhiều lời khen ngợi từ Ban giám hiệu cũng như Hội đồng chuyên môn của Khoa. Các buổi bảo vệ tốt nghiệp của sinh viên diễn ra nghiêm túc, đúng quy định và đạt kết quả tốt. Các giảng viên, sinh viên của khoa đã tham gia nhiều tác phẩm Điện ảnh, Hoạt hình và Sân khấu của nhà trường cũng như của các tổ chức nghệ thuật trong và ngoài nước. Một số cá nhân đã giành được giải thưởng tại các Liên hoan phim, Liên hoan sân khấu trong nước.

- Hiện nay khoa có 13 giảng viên, trong đó có 2 giảng viên hiện đang là phó trưởng khoa, 09 giảng viên giảng dạy các chuyên ngành của khoa và nhà trường. Nhiều nhà giáo đã và đang công tác của khoa đó được danh hiệu cao quý của Nhà nước như Phó giáo sư, Nhà giáo Ưu tú, Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú... Các giảng viên trong khoa ngoài dạy các lớp chính quy, còn tham gia giảng dạy, hướng dẫn tốt

nghiệp, phản biện các lớp tại chức, liên kết, cao học. Bên cạnh đó, các giảng viên thường xuyên tham gia những lớp đào tạo ngắn hạn, các workshop trong và ngoài nước.

- Nhiều giảng viên của khoa Thiết kế mỹ thuật tích cực tham gia công tác nghiên cứu khoa học bằng cách viết bài nghiên cứu, viết chuyên đề hoặc viết công trình nghiên cứu cấp cơ sở.

- Nhiều giảng viên trong khoa tham gia công tác viết và chỉnh sửa đề cương cho 05 chuyên ngành đào tạo của khoa.

- Từ năm 2016 đến nay, nhiều bài báo của các giảng viên Khoa Thiết kế mỹ thuật được đăng trên tạp chí chuyên ngành và các báo, tạp chí khác.

- Rất nhiều giảng viên trong khoa tham gia các hoạt động nghệ thuật, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và đạt thành tích cao và đạt nhiều giải cao trong các kỳ Liên hoan phim, các Triển lãm hội họa, các Hội diễn sân khấu chuyên nghiệp.

Ngoài ra rất nhiều giảng viên trong khoa tham gia thiết kế bối cảnh, thiết kế trang phục và hóa trang cho các tác phẩm điện ảnh, hoạt hình, sân khấu, minh họa truyện, sách, thiết kế trang phục, tham gia các triển lãm hội họa trong và ngoài nước cũng như các sự kiện lễ hội như giảng viên Nguyễn Văn Chuyên, Vũ Đình Toán, Nguyễn Nguyên Vũ, Nguyễn Quang Trung, Lê Thế Anh, Nguyễn Ngọc Tuấn, Hoàng Duy Đông, Lê Huyền Trang, Đinh Thị Hằng, Đào Thị Thùy, Hoàng Nhã Quỳnh, Trần Đức Minh, Vũ Thanh Hùng.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục

- PGS.TS.NGND Nguyễn Đình Thi: Hiệu trưởng

- ThS Nguyễn Thị Thanh Quế: Phó Hiệu trưởng

- ThS Phạm Đắc Thi: Phó Hiệu trưởng

Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

- ThS Vũ Đình Toán: Phó trưởng khoa Thiết kế mỹ thuật.

- ThS, NSUT Nguyễn Nguyên Vũ: Phó trưởng khoa Thiết kế mỹ thuật.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Hiệu trưởng	Nguyễn Đình Thi	1964	PGS.TS. NGND	0913588863	thidinhnguyen@hotmail.com
2	Phó hiệu trưởng	Nguyễn Thanh Quế	1967	ThS	0985577500	thanhque2001@gmail.com
3	Phó hiệu trưởng	Phạm Đắc Thi	1970	TS	0912312989	pdthi2012@gmail.com
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.	Phó trưởng khoa	Nguyễn Nguyên Vũ	1971	ThS, NSUT	0839899696	n.nguyen.vu@gmail.com
2	Phó trưởng khoa	Vũ Đình Toán	1973	ThS	0913003006	toanvu3dvn@gmail.com
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Bí thư Đảng ủy	Nguyễn Đình Thi	1964	PGS.TS. NGND	0913588863	thidinhnguyen@hotmail.com
2	Chủ tịch công đoàn trường	Hoàng Dạ Vũ	1985	ThS	0983290885	hoangdavu2908@gmail.com
3	Bí thư đoàn thanh niên	Lê Thị Ly Như	1984	ThS	0985875665	lynhu1984@gmail.com
III.	Các phòng, ban					
1.	Trưởng phòng ĐT QLKH và HTQT	Nguyễn Thị Hồng Hiền	1980	TS	0912798888	nguyenhonghien0110@gmail.com
2	Trưởng phòng CTHSSV	Trần Tuyết Hồng	1983	ThS	0982387183	tuyethongpdt.skda@gmail.com
3	Trưởng phòng Hành chính tổng hợp	Nguyễn Thị Thu Hiền	1983	ThS	0906113599	nguyenhienkda@gmail.com
4	Trưởng phòng Khảo thí và ĐBCLGD	Trịnh Thúy Hương	1981	TS	0912804603	trinh.thuyhuong81@gmail.com
IV.	Các bộ môn					

1.	Tổ trưởng tổ bộ môn Tạo hình Điện ảnh và Hóa trang nghệ thuật	Nguyễn Nguyên Vũ	1971	ThS, NSUT	0939899696	n.nguyen.vu@gmail.com
2	Tổ trưởng tổ bộ môn Tạo hình Sân khấu và Trang phục nghệ thuật	Vũ Đình Toán	1973	Ths	0913003006	toanvu3dvn@gmail.com
3	Tổ trưởng tổ bộ môn Hoạt hình và Đồ họa kỹ xảo	Nguyễn Quang Trung	1975	Ths	0989653935	trung3k@gmail.com

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 06/06

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: Không đào tạo

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: Không đào tạo

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 06

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: Không đào tạo

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

- Ngành Thiết kế mỹ thuật văn bằng 2: Không đào tạo

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 05

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương

trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	9	4	13
I.1	Đội ngũ trong biên chế	9	14	14
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	0	0	0
	Tổng số	9	4	13

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế	
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
1	Giáo sư, Viện sĩ	Không có						
2	Phó Giáo sư	Không có						

¹ Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³ Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
3	Tiến sĩ KH						
4	Tiến sĩ						
5	Thạc sĩ		13		2	5	1
6	Đại học						
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số		13		2	5	1

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 13 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 13/13 người

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0		0			1		3
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2		1		1	1		1.0
5	Thạc sĩ	1		12		1	3		12.9
6	Đại học	0,3		0			2		0.12
	Tổng			13		2	7		17.02

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Na m	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ									
5	Thạc sĩ	13	100	x	x		x	x	x	

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Na m	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
			%							
6	Đại học									
	Tổng	13	100%	x	x	x	x	x	x	

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 40.5 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 18%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 64%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	40%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	30%	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2015-2016	361	26	1/10	34	14	19.8	0

2016-2017	654	33	1/18	24	15	19.7	0
2017-2018	621	40	1/18	31	14.5	19.4	0
2018-2019	650	40	1/18	40	14.5	19.8	0
2019-2020	754	40	1/21	38	18.9	21.8	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh				1	
2. Học viên cao học	4	1	1	1	0
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	150	126	136	160	195
Hệ không chính quy	11	10	37	27	25
4. Sinh viên cao đẳng	Không có				
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác ...					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây: Không có

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	24m ²	24 m ²	20m ²	22m ²	24m ²
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	17m ²	17m ²	15m ²	16m ²	17m ²
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	17m ²	17m ²	15m ²	16m ²	17m ²
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	4m ²	4m ²	4m ²	4m ²	4m ²

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	10/180	7/165	15/170	9/160	10/184
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	5.5%	4.3%	8.82%	5.62%	5.43%

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ				1	1
2. Học viên tốt nghiệp cao học	4	1	1	1	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	27	27	17	40	15
Hệ không chính quy	11	10	37	27	24
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	27	18	25	21	14
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	27/34	18/27	25/31	21/40	14/38
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	85%	87%	90%	80%	90%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	65%	80%	76%	87%	88%
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	28%	20%	8,1%	9,4%	10%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	4,5Tr VNĐ	6,7Tr VNĐ	7,3Tr VNĐ	7Tr VNĐ	7,2Tr VNĐ
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	92%	88%	100%	94%	100%
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	1	2	1	1	0	2,5
	Tổng		1	2	1	1	0	2,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 2,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 2,5/10

45. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây: Không có

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	4	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	4	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số* *	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	1	1,5
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		0	0	0	0	1	1,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 1,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,5/10

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	1	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	1	0	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	0	1	1,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	2	0	0	1	3,0
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	3	2	3	3	2	6,5
	Tổng							11

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 11

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 11/10

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	1	1	7
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	1	1	7

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	0	0
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	0	0	0	0
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	1	1	1	0,75
	Tổng		0	0	1	1	1	0,75

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 0,75

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,75/10

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	1	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2015-2016	0
2016-2017	0
2017-2018	0
2018-2019	0
2019-2020	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,5/10

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: ...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,5/10

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 11/10

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu : 0,75/10

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 20.610,8

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 40

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 4000 Nơi học: 11.257 Nơi vui chơi giải trí: 5200

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 28,411

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 17,7

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 650 tựa/ 820 bản sách,

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có)

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: 229

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 129

- Dùng cho người học học tập: 100

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 13

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 11/13

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 0%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 100%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người) 286

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 26

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 98

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 100%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 65

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 35

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ):

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 83

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 12

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,49

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 17,7

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: Dùng chung thuộc quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Dùng cho 03 Trường Xiếc, Múa và SKĐA)

2. Các tư liệu, tài liệu liên quan: Các quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký, ...; Kế hoạch TĐG

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI Hà Nội, ngày 02 tháng 5 năm 2018
Số: 346/QĐ-SKĐAHN

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo Thiết kế mỹ thuật Sân khấu - Điện ảnh

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-BVHTTDL ngày 06/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;
Căn cứ Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội;
Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;
Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;
Căn cứ Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 ban hành về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
Căn cứ Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 ban hành về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
Xét đề nghị của ông (bà) Trưởng Khoa TK Mỹ thuật; Phòng Khảo thí & ĐBCLGD,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo *Thiết kế mỹ thuật Sân khấu-Điện ảnh*, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.
Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo *Thiết kế mỹ thuật Sân khấu-Điện ảnh* có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà có tên tại Điều 1, Trưởng các đơn vị phòng, khoa, trung tâm và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.
Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT&ĐBCLGD, NTV (25).

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH
HÀ NỘI
PGS.TS. Nguyễn Đình Thi

CS Scanned with CamScanner



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THIẾT KẾ MỸ THUẬT SK - ĐA**
Kèm theo Quyết định số 346/QĐ-SKĐAHN ngày 02 tháng 5 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	PGS.TS.NGƯT. Nguyễn Đình Thi	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	TS. NSUT. Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3.	ThS. NSND Hoàng Song Hào	Trưởng Khoa Mỹ Thuật	Phó Chủ tịch
4.	ThS. Nguyễn Thị Thanh Quế	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
5.	ThS. Vũ Đình Toán	P.Trưởng Khoa Mỹ Thuật	Thành viên
6.	NCS. Nguyễn Thị Hồng Hiền	Phó Trưởng Phòng Đào tạo & QLKH	Thành viên
7.	NCS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng Phòng Tổ chức Cán bộ, Đối ngoại	Thành viên
8.	TS. Trịnh Thủy Hương	Trưởng Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên
9.	NCS. Phạm Đức Thi	Trưởng Phòng CTCT, QLHSSV	Thành viên
10.	Th NSUT. Nguyễn Nguyên Vũ	Giảng viên Khoa Mỹ Thuật	Thành viên
11.	SV. Trương Phương Anh	Lớp TKMT-K35	Thành viên

(Danh sách gồm có 11 người).



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

Kiểm theo Quyết định số 346/QĐ-SKDAHN ngày 02 tháng 5 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sản xuất - Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	ThS. NSND Hoàng Song Hào	Trưởng Khoa Mỹ Thuật	Trưởng Ban Thư ký
2.	ThS. Vũ Đình Toán	Giảng viên Khoa Mỹ Thuật	Phó Ban Thư ký
3.	NSUT. Nguyễn Nguyễn Vũ	Giảng viên Khoa Mỹ Thuật	Thành viên
4.	NCS. Nguyễn Thị Hồng Hiền	Phó Trưởng Phòng Đào tạo & QLKH	Thành viên
5.	ThS. Nguyễn Quang Trung	Giảng viên Khoa Mỹ Thuật	Thành viên
6.	ThS. Đào Thị Thùy	Giảng viên Khoa Mỹ Thuật	Thành viên
7.	TS. Trịnh Thúy Hương	Trưởng Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên

RAS
(Danh sách gồm có 07 người)



DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 346/QĐ-SKĐAHN ngày 02 tháng 5 năm 2018
HÀ NỘI, Hiệu trưởng Trường Đại học Sản xuất - Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1		Phụ trách tiêu chuẩn 1,2,3,4	
1.	ThS. NSND Hoàng Song Hào	Trưởng Khoa Mỹ thuật	Trưởng nhóm
2.	NCS. Nguyễn Thị Hồng Hiền	Phó trưởng Phòng Đào tạo & QLKH	Thành viên
3.	ThS. Trần Thị Tuyết Hồng	Phó trưởng Phòng Đào tạo & QLKH	Thành viên
4.	Bà Đào Thị Mỹ	CV Phòng Đào tạo & QLKH	Thành viên
5.	NSUT. Nguyễn Nguyên Vũ	Giảng viên Khoa Mỹ thuật	Thành viên
6.	ThS. Nguyễn Ngọc Tuấn	Giảng viên Khoa Mỹ thuật	Thành viên
7.	ThS. Nguyễn Quang Trung	Giảng viên Khoa Mỹ thuật	Thành viên
Nhóm 2		Phụ trách tiêu chuẩn 6,7	
1.	ThS. Vũ Đình Toán	Giảng viên Khoa Mỹ thuật	Trưởng nhóm
2.	NCS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng Phòng TCCB, ĐN	Thành viên
3.	ThS. Lê Thế Anh	Giảng viên Khoa Mỹ thuật	Thành viên
4.	Bà Trần Thị Phương Thúy	CV Phòng CTCT, QLHSSV	Thành viên
Nhóm 3		Phụ trách tiêu chuẩn 5,8,11	
1.	NCS. Phạm Đức Thi	Trưởng Phòng CTCT, QLHSSV	Trưởng nhóm
2.	ThS. Nguyễn Văn Chuyên	Giảng viên Khoa Mỹ thuật	Thành viên
3.	Bà Nguyễn Thị Hương	CV Phòng CTCT, QLHSSV	Thành viên
4.	Ông Nguyễn Anh Vũ	CV Phòng Đào tạo & QLKH	Thành viên
Nhóm 4		Phụ trách tiêu chuẩn 9,10	
1.	TS. Trịnh Thúy Hương	Trưởng Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Trưởng nhóm
2.	ThS. Trần Nguyễn Anh	Phó Trưởng Phòng HC,QT	Thành viên
3.	Bà Phạm Thị Hà	CV Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên
4.	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Phương	Giám đốc Trung tâm Thông tin - Thư viện	Thành viên

(Danh sách gồm có 19 người)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Thiết kế mỹ thuật Sân khấu - Điện ảnh Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-BVHTTDL ngày 06/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trường Phòng Khảo thí & ĐBCLGD.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Thiết kế mỹ thuật Sân khấu - Điện ảnh Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội gồm các ông/ bà có tên trong danh sách kèm theo. Giúp việc cho Hội đồng có Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Thiết kế mỹ thuật Sân khấu - Điện ảnh Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội Bộ theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành; thay thế Quyết định số 346/QĐ-SKĐAHN ngày 18/01/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo Thiết kế mỹ thuật Sân khấu - điện ảnh.

Điều 4. Các ông/bà trưởng các đơn vị trong toàn Trường và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:


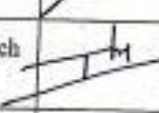
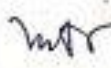

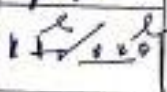

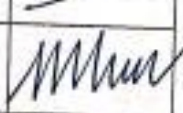
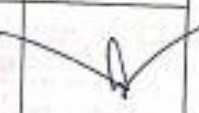
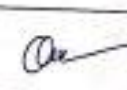
- Như Điều 4;
- Kì. Thiết kế MT, P.KT&ĐBCLGD;
- Website Nhà trường;
- Lưu: VT, NTV (25).



Nguyễn Đình Thi

**DANH SÁCH KIẾN TOÀN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN
NGÀNH THIẾT KẾ MỸ THUẬT SẢN KHẤU - ĐIỆN ẢNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SẢN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 707/QĐ-SKĐAHN ngày 26 tháng 6 năm 2020 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sản khấu - Điện ảnh Hà Nội)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Ký nhận
1.	Ông Nguyễn Đình Thi	PGS.TS.NGND, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2.	Ông Phạm Đức Thi	ThS. Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3.	Ông Vũ Đình Toán	P.Trưởng khoa Thiết kế Mỹ thuật Giảng dạy môn thiết kế mỹ thuật	Phó Chủ tịch	
4.	Bà Trịnh Thúy Hương	TS. Trưởng phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thư ký	
5.	Ông Nguyễn Dân Quốc	NSND. Họa sĩ Nhà hát Chèo Việt Nam	Thành viên	
6.	Bà Nguyễn Thị Hồng Hiền	TS. Trưởng phòng Đào tạo, QLKH & Hợp tác quốc tế	Thành viên	
7.	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	ThS Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên	
8.	Ông Nguyễn Nguyên Vũ	ThS. NSUT. P.Trưởng khoa Thiết kế Mỹ thuật Giảng dạy môn thiết kế trang phục sản khấu - điện ảnh	Thành viên	
9.	Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh	SV Lớp Thiết kế Mỹ thuật - K37	Thành viên	

(Danh sách gồm có 27 người).

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN
NGÀNH THIẾT KẾ MỸ THUẬT SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 707/QĐ-SKDAHN ngày 26 tháng 6 năm 2020 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Ký nhận
1.	Ông Vũ Đình Toán	P.Trưởng khoa Thiết kế Mỹ thuật Giảng dạy môn thiết kế mỹ thuật	Trưởng Ban thư ký	
2.	Bà Hoàng Nhã Quỳnh	Giảng viên khoa Thiết kế Mỹ thuật Giảng dạy môn trang phục	Thành viên	
3.	Bà Nguyễn Thị Hồng Hiền	TS, trưởng phòng Đào tạo, QLKH & Hợp tác quốc tế	Thành viên	
4.	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	ThS, trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên	
5.	Ông Nguyễn Nguyên Vũ	P.Trưởng khoa Thiết kế Mỹ thuật Giảng dạy môn thiết kế trang phục sân khấu - điện ảnh	Thành viên	
6.	Ông Vũ Thanh Hùng	Giảng viên khoa Thiết kế Mỹ thuật Giảng dạy môn thiết kế đồ họa kỹ xảo	Thành viên	
7.	Bà Trịnh Thúy Hương	TS, trưởng phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên	

(Danh sách gồm có 07 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 707/QĐ-SKĐAHN ngày 26 tháng 6 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)

Số TT	Tiêu chuẩn phụ trách	Số TC	Họ và tên	Chức vụ/ đơn vị	Nhiệm vụ
Nhóm 1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT) Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT	3+3	Ông Vũ Đình Toán	ThS, Phó Trưởng khoa Thiết kế Mỹ thuật	Trưởng nhóm
			Bà Trịnh Thúy Hương	TS, Trưởng phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Phó trưởng nhóm
			Bà Hoàng Nữ Quỳnh	ThS, giảng viên khoa Thiết kế Mỹ thuật	Thư ký
			Bà Nguyễn Thị Hồng Hiền	TS, Trưởng phòng Đào tạo, QLKH & HTQT	Thành viên
			Bà Phạm Thị Ngọc Anh	ThS, chuyên viên phòng Đào tạo, QLKH & HTQT	Thành viên
Nhóm 2	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	3+6	Ông Nguyễn Nguyễn Vũ	ThS, Phó Trưởng khoa Thiết kế Mỹ thuật	Trưởng nhóm
			Bà Trần Thị Tuyết Hồng	ThS, Phó Trưởng phòng Đào tạo, QLKH & HTQT	Phó trưởng nhóm
			Bà Hoàng Dạ Vũ	ThS, Phó Viện trưởng Viện Sân khấu – Điện ảnh	Thành viên
			ThS. Lê Thế Anh	ThS, giảng viên khoa Thiết kế Mỹ thuật	Thành viên
			Bà Hoàng Thị Thúy	CN, chuyên viên phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên
Nhóm 3	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	3+5	Ông Vũ Thanh Hùng	ThS, giảng viên khoa Thiết kế Mỹ thuật	Trưởng nhóm
			Ông Hoàng Duy Đông	ThS, giảng viên khoa Thiết kế Mỹ thuật	Phó trưởng nhóm
			Bà Đào Thị Thúy	ThS, giảng viên khoa Thiết kế Mỹ thuật	Thành viên
			Bà Nguyễn T. Diệu Thu	ThS, chuyên viên phòng Đào tạo, QLKH & HTQT	Thành viên
			Bà Nguyễn Thị Hương	CN, chuyên viên phòng Công tác HS/SV	Thành viên

Nhóm 4	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	5+5	Ông Vũ Đình Toán	ThS, Phó trưởng Khoa Thiết kế Mỹ thuật	Trưởng nhóm
			Ông Nguyễn Nguyễn Vũ	ThS, giảng viên khoa Thiết kế Mỹ thuật	Phó trưởng nhóm
			Ông Trần Đức Minh	ThS, giảng viên khoa Thiết kế Mỹ thuật	Thành viên
			Bà Ngô Thị Thắm	ThS, giảng viên, phòng Đào tạo, QLKH & HTQT	Thành viên
			Bà Trần Thị Phương Thúy	CN, chuyên viên phòng Công tác HS/SV	Thành viên
Nhóm 5	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	7+5	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	ThS, Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp	Trưởng nhóm
			Ông Nguyễn Hồng Sơn	ThS, Phó Trưởng phòng Đào tạo, QLKH & HTQT	Phó trưởng nhóm
			Bà Tạ Thu Phương	CN, chuyên viên bộ phận TCCB, phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên
			Bà Nguyễn Thị Phương	CN, chuyên viên bộ phận TCCB, phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên
			Ông Nguyễn Đức Anh	ThS, giảng viên bộ phận TCCB, phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên
Nhóm 6	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị - Viết Phần mở đầu, phần Kết luận, Phụ lục 7a - Kết nối, biên tập phần Báo cáo - Kết nối, biên tập phần Minh chứng Phụ lục 8. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	5	Bà Trịnh Thúy Hương	TS, Trưởng phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Trưởng nhóm
			Ông Trần Nguyễn Anh	ThS, Phó Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp	Phó trưởng nhóm
			Bà Nguyễn T.Quỳnh Phương	CN, Giám đốc Trung tâm thông tin - Thư viện	Thành viên
			Bà Nguyễn Thị Vinh	CN, chuyên viên phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên
			Bà Lê Thị Thu Hà	CN, chuyên viên phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên

(Danh sách gồm có 27 người)

Số: 198/KH-SKĐAHN

Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2018

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
Chương trình đào tạo Thiết kế mỹ thuật Sân khấu – Điện ảnh

Kính gửi: Trường các đơn vị trong toàn Trường

Triển khai chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2018 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội, Nhà trường thông báo đến các đơn vị về Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo Thiết kế mỹ thuật Sân khấu – Điện ảnh như sau:

1. Mục đích tự đánh giá

- Xác định mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo (CTĐT) Thiết kế mỹ thuật Sân khấu – Điện ảnh so với bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Là cơ sở để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT, đồng thời là căn cứ để giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của CTĐT; cơ sở cho người học lựa chọn chương trình, nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

- Để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Hướng dẫn 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

4. Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách

Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 346/QĐ-SKĐAHN ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Nhà trường.

5. Thời gian biểu thực hiện

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT (khoảng 6 - 8 tháng), theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 - 2 (02/5/2018- 16/5/2018)	<ol style="list-style-type: none">Họp Ban Giám hiệu và lãnh đạo Thiết kế Mỹ thuật để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT.Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để:<ul style="list-style-type: none">Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
Tuần 3 - 4 21/5/2018- 28/5/2018	<ol style="list-style-type: none">Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.Tổ chức họp về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan.Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua:<ul style="list-style-type: none">Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT;Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT);Trình Hiệu trưởng đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 5 - 8 29/5/2018 - 12/6/2018	<ol style="list-style-type: none">Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.Mô tả thông tin và minh chứng thu được.Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 9 - 15 13/6/2018- 01/8/2018	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trường các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 16 02/8/2018- 06/8/2018	<p>Hội đồng tự đánh giá CTĐT:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; • Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 17-18 07/8/2018- 14/8/2018	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các đơn vị liên quan để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19-21 15/8/2018- 29/8/2018	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các đơn vị liên quan) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 22-23 30/8/2018- 06/9/2018	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng Nhà trường để xem xét.
Tuần 24 07/9/2018- 14/9/2018	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Trường bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD tiến hành thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

111
ĐANG
HỌC
- ĐẾN
NỘI

3. Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG (Phụ lục 9).

Tiêu chí	T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1	1					
Tiêu chí 1.1	1	H1.01.01.01	Các văn bản quy định trong việc xây dựng chương trình đào tạo Thiết kế mỹ thuật sân khấu - điện ảnh	- TT Số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015		Lưu tại P. ĐT,QLKH &HTQT
				- Luật Giáo dục Số 08/2012/QH13 ngày 06/08/2012		
				- Luật giáo dục Số 07/VBHN-VPQH ngày 31/12/2015	ĐH SKĐA	
				- Thông tư 07: Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu.	Bộ Giáo dục & ĐT	
			- Luật giáo dục ĐH 2012		Quốc hội	
			- Luật giáo dục 2015			
	2	H1.01.01.02	Sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 1219/QĐ-SKĐAHN ngày 13/10/2016 Về việc công bố “Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội”	ĐH SKĐA	Phòng KT & ĐBCLGD
	3	H1.01.01.03	Mục tiêu đào tạo chương trình TKMT SKĐA	Ban hành kèm theo Quyết định số 727/QĐ-SKĐAHN, ngày 26/7/2018	ĐH SKĐA	

	4	H1.01.01.04	Mục tiêu đào tạo chương trình Thiết kế mỹ thuật sân khấu - điện ảnh <u>trước</u> năm 2018	Ban hành kèm theo Quyết định số./QĐ-SKĐAHN, ngày .../...../20.....	ĐH SKĐAHN	P. Đào tạo, QLKH & HTQT
	5	H1.01.01.05	Các văn bản về việc xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT ngành TKMT SKĐA	Biên bản họp Khoa, biên bản giao nhiệm vụ cho các giảng viên thực hiện.	Khoa TKMT	
	6	H1.01.01.06	Công văn lấy ý kiến các bên liên quan về Chương trình đào tạo Thiết kế mỹ thuật sân khấu - điện ảnh	Phiếu khảo sát thông tin (trong chu kỳ đánh giá từ năm 2015-2021)	ĐH SKĐAHN	K.TKMT
	7	H1.01.01.07	Kết quả lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan	Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát các bên liên quan (Ghi rõ ngày tháng năm hoàn thành bảng tổng hợp).	ĐH SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
Tiêu chí 1.2	1	H1.01.02.01. DC	Chương trình đào tạo Thiết kế mỹ thuật	Phiên bản các năm trước 2015; năm 2019, 2020.	ĐH SKĐA ĐT, QLKH & HTQT	ĐT, QLKH & HTQT
	2	H1.01.02.02. DC	Biểu mẫu 17 trong Báo cáo Ba công khai	Báo cáo Ba công khai các năm 2015-2021	ĐH SKĐA - ĐT, QLKH & HTQT	ĐT, QLKH & HTQT
	3	H1.01.02.03. DC	Đề cương chi tiết học phần (môn học)	Năm 2015-2021	Khoa TKMT	ĐT, QLKH & HTQT
	4	H1.01.02.04. DC	Ma trận tích hợp CĐRCTĐT, học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá	Năm 2020	ĐH SKĐA - ĐT, QLKH & HTQT	ĐT, QLKH & HTQT Khoa TKMT
	5	H1.01.02.05. DC	Danh sách cựu sinh viên đã có việc làm	Năm 2015-2021	Khoa TKMT	

					tổng hợp	
	6	H1.01.02.05. DC	Hồ sơ khảo sát nhà tuyển dụng, các giảng viên, các chuyên gia và cựu SV về CĐR thông qua buổi tọa đàm về CTĐT.	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT lưu giữ.
Tiêu chí 1.3	1	H1.01.03.01. DC	Bản mô tả/đề cương CTĐT và đề cương môn học/học phần	Phiên bản các năm 2015, 2019, 2021	ĐH SKĐAHN ĐT, QLKH & HTQT	K.TKMT Dùng chung MC H1.01.02.01
		H1.01.03.02. DC	Tài liệu quảng bá, các bản tin về CTĐT.	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.ĐTQLKH & HTQT
		H1.01.03.03. DC	Ma trận kỹ năng	Phiên bản các năm 2015, 2019, 2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Mỹ thuật
	2	H1.01.03.04. DC	Kết quả khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT (Tổng hợp các ý kiến đóng góp của cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động về CTĐT)	Tổng hợp trong giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN ĐT, QLKH & HTQT	K.TKMT
	3	H1.01.03.05	Bảng tổng hợp thực trạng nhân lực ngành TKMT SKĐA trên thị trường	Bảng thống kê trong giai đoạn 2015-2021	Khoa TKMT	Khoa TKMT
	4	H1.01.03.06. DC	-Bảng ý kiến đóng góp, nhận xét của các chuyên gia trong và ngoài trường cùng với những ý kiến của các SV, cựu SV, các nhà tuyển dụng (Biên bản họp/bản góp ý của các bên liên quan, đặc biệt là nhà sử dụng lao động). - Bảng đối sánh CTĐT với trường Đại học Sân khấu Điện ảnh TP Hồ Chí Minh và Đại học Mỹ thuật công nghiệp.	Giai đoạn 2015-2021	Khoa TKMT	Khoa TKMT
	5	H1.01.03.07	Biên bản họp rà soát CTĐT, quyết định ban	Biên bản họp khoa về việc	Phòng ĐT, QLKH &	Phòng ĐT, QLKH &

		.DC	hành (Các biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát CDR của CTĐT)	đánh giá thông qua CTĐT và chuẩn đầu ra ngày 13/4/2018	HTQT Khoa TKMT	HTQT Khoa TKMT
	6	H1.01.03.08. DC	Sổ tay sinh viên; đường link website để xem các thông tin về CDR	Phiên bản các năm từ 2015-2021	Phòng ĐT & QLKH & HTQT Website Trường	Website Trường
Tiêu chuẩn 2	2					
Tiêu chí 2.1	1	H2.02.01.01. DC	Các văn bản liên quan đến việc triển khai hoạt động cập nhật, điều chỉnh, hoàn thiện bản mô tả CTĐT Chương trình đào tạo trước năm 2018 và CTĐT sau năm 2018, những bổ sung, chỉnh sửa liên quan đến việc thay đổi tên môn học các môn LLCT.	Biên bản họp HĐ ngày 22/4/2018 Năm 2019-2020	P. Đào tạo, QLKH & HTQT Khoa TKMT;	P. Đào tạo, QLKH & HTQT Khoa TKMT;
	2	H2.02.01.02	Bản mô tả chương trình đào tạo TKMT SKĐA	Phiên bản các năm 2019, 2021	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT Dùng chung MC H1.01.02.02
	3	H2.02.01.03	Báo cáo so sánh một số nội dung CTĐT của ngành thiết kế mỹ thuật sân khấu – điện ảnh trước và sau điều chỉnh năm 2018	Ngày 27/09/2021	Khoa TKMT	Khoa TKMT
	4		Biên bản họp/ bản đóng góp ý kiến của các bên liên quan đến CTĐT (kèm phiếu khảo sát, phiếu tiếp thu ý kiến đóng góp, nội dung chỉnh sửa được thống nhất sau tiếp thu) Bảng tổng hợp ý kiến xây dựng CTĐT	Năm 2015-2021	Khoa TKMT	Khoa TKMT Dùng chung MC H1.01.01.06
Tiêu chí	1	H2.02.02.01	Quy trình xây dựng đề cương môn học	Phiên bản các năm trong giai đoạn đánh giá	Khoa TKMT;	Khoa TKMT; P. Đào tạo,

2.2				(2015-2021)	P. Đào tạo, QLKH & HTQT	QLKH & HTQT H2.02.01.01.D C
	2	H2.02.02.02	Biểu mẫu 17 trong Báo cáo Ba công khai (Chương trình đào tạo ngành TKMT SKĐA)	Năm học 2019-2020; 2020-2021	Trường ĐH SKĐAH N P.Đào tạo, QLKH & HTQT	Trường ĐH SKĐAHN P.Đào tạo, QLKH & HTQT Khoa. TKMT
	3	H2.02.02.03	Đề cương chi tiết các môn học/ học phần thuộc ngành TKMT SKĐA	Các phiên bản được cập nhật theo việc ban hành CTĐT trong giai đoạn đánh giá 2015-2021	Khoa TKMT; P.Đào tạo, QLKH & HTQT	Khoa TKMT; P.Đào tạo, QLKH & HTQT
	4	H2.02.02.04	Kết quả khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT (Tổng hợp các ý kiến đóng góp của cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động về CTĐT)	Tổng hợp trong giai đoạn 2015-2021	Khoa TKMT	Khoa TKMT H1.01.03.04. DC
Tiêu chí 2.3	1	H2.02.03.01	website của Trường http://skda.edu.vn/	Giai đoạn 2015-2022	ĐH SKĐAHN	
	2	H2.02.03.02	Thông báo những cập nhật, thay đổi về CTĐT (cụ thể như việc thay đổi tên các môn học Lý luận chính trị); thông báo về các thông tin trong xây dựng chương trình đào tạo tài năng.	Quyết định số 941/QĐ-SKĐAHN ngày 06/9/2019	P. Đào tạo, QLKH & HTQT	P. Đào tạo, QLKH & HTQT
	3	H2.02.03.03	Phiếu phản hồi của người	Số 284/TB-	P.Khảo thí	

			học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (có mục hỏi về việc công bố đề cương môn học/ học phần) và những kết quả khảo sát hằng năm cho thấy SV đánh giá cao về hoạt động này của giảng viên khoa TKMT.	SKĐAHN ngày 05/7/2021 Số 286/TB-SKĐAHN ngày 14/8/2020 Số 217/TB-SKĐAHN ngày 14/6/2019 Số 270/TB-SKĐAHN ngày 27/6/2018	& ĐBCLGD. Khoa TKMT	Khảo thí & ĐBCLGD. Khoa TKMT
	4	H2.02.03.04	Bảng ý kiến đóng góp, nhận xét của các chuyên gia trong và ngoài trường cùng với những ý kiến của các SV, cựu SV, các nhà tuyển dụng	Trong giai đoạn 2015-2022	Khoa TKMT	Khoa TKMT H1.01.02.05.D C
Tiêu chuẩn 3	3					
Tiêu chí 3.1						
	1	H3.03.01.01	Các văn bản liên quan đến việc xây dựng chương trình dạy học (Biên bản họp khoa, biên bản họp với phòng Đào tạo, QLKH & HTQT).	Hồ sơ lưu trong giai đoạn 2015-2021	Khoa TKMT	P. Đào tạo, QLKH & HTQT
	2	H3.03.01.02	Bản tổng hợp góp ý của các bên liên quan về CTDH; Thông báo, thư ngỏ hoặc phiếu khảo sát về việc xin ý kiến góp ý để điều chỉnh, rà soát CTĐT	Hồ sơ lưu trong giai đoạn 2015-2021	Khoa TKMT	Khoa TKMT H1.01.03.06.D C
	3	H3.03.01.03	Đề cương chi tiết các môn học/ học phần thuộc ngành TKMT SKĐA	Phiên bản các năm trong giai đoạn đánh giá 2015-2021	Khoa TKMT;	P.Đào tạo, QLKH & HTQT H1.01.02.03.D C
	4	H3.03.01.04	Ma trận kỹ năng; hồ sơ giảng dạy của GV; tài liệu	Năm 2015-2021	Khoa TKMT;	P.Đào tạo, QLKH &

			bài giảng			HTQT H1.01.03.03.D C
	5	H3.03.01.05	Bản mô tả chương trình đào tạo; Sơ đồ cấu trúc Chương trình dạy học trình độ CN chuyên ngành TKMT SKĐA năm 2018 phân theo nội dung (kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, bài tốt nghiệp - đồ án TN); Sơ đồ cấu trúc Chương trình dạy học trình độ CN chuyên ngành TKMT SKĐA năm 2018 phân theo thời gian (học kỳ)	Năm 2015-2021	Khoa TKMT;	P.Đào tạo, QLKH & HTQT
	6	H3.03.01.06	Bản mô tả học phần/ môn học	Phiên bản các năm trong giai đoạn đánh giá từ 2015-2021	Khoa TKMT;	P.Đào tạo, QLKH & HTQT
	7	H3.03.01.07	Kế hoạch giảng dạy	2015; 2016; 2017; 2018; 2019; 2020; 2021	Khoa TKMT;	P.Đào tạo, QLKH & HTQT
Tiêu chí 3.2	1	H3.03.02.01	<ul style="list-style-type: none"> - Bản mô tả Chương trình dạy học; - Bản mô tả môn học/ học phần; - Sơ đồ/ kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH; - Ma trận các kỹ năng. 	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P Đào tạo, NCKH & HTQT;
						P Đào tạo, NCKH & HTQT; Khoa TKMT.
	2	H3.03.02.02. DC	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cương chi tiết các môn học; - Hồ sơ giảng viên. - Ngân hàng câu hỏi thi/ đề thi. 	Phiên bản các năm từ 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P Đào tạo, NCKH & HTQT; Khoa TKMT. Phòng KT&ĐBCLG

	3	H3.03.02.03	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả học tập của các khóa ngành TKMT SKĐA từ 2015- 2020; - Tổng hợp phiếu và ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; - Tổng hợp phản hồi của sinh viên đánh giá về CTĐT trước khi tốt nghiệp. 	Hồ sơ lưu từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	<p>P.ĐT, QLKH & HTQT;</p> <p>Phòng KT&ĐBCLGD</p> <p>Khoa TKMT</p>
Tiêu chí 3.3	1	H3.03.03.01	<ul style="list-style-type: none"> - Bản mô tả CTDH và bản mô tả môn học/ học phần; - Sơ đồ cấu trúc Chương trình dạy học phân theo nội dung - Sơ đồ cấu trúc Chương trình dạy học phân theo thời gian 		ĐH SKĐAHN	<p>ĐH SKĐA - ĐT, QLKH & HTQT;</p> <p>Khoa TKMT</p>
				Phiên bản các năm trước và trong quá trình đánh giá 2015-2021		
	2	H3.03.03.02	<ul style="list-style-type: none"> - Sơ đồ/ kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH. - Ma trận kỹ năng 	Phiên bản các năm trước và trong quá trình đánh giá 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT
	3	H3.03.03.03	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTDH. - Báo cáo so sánh một số nội dung CTĐT của ngành TKMT SKĐA 	Hồ sơ lưu trong thời gian đánh giá 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT

			trước và sau điều chỉnh năm 2018.			
Tiêu chuẩn 4	4					
Tiêu chí 4.1			Quyết định về việc công bố triết lý giáo dục của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội; - Văn bản thông báo về việc rà soát, cập nhật, bổ sung, sửa đổi CTĐT; Trang Website của Trường	Số 273/QĐ-SKĐAHN Ngày 31/3/2017	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa TKMT
	1	H4.04.01.01				
	2	H4.04.01.02	- Bản mô tả CTDH và bản mô tả môn học/ học phần; - Đề cương chi tiết các môn học sau năm 2018	Phiên bản các năm trước và trong giai đoạn đánh giá 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT
	3	H4.04.01.03	- Biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTDH. Văn bản liên quan đến việc công bố triết lý giáo dục của Trường; CDR, đề cương chi tiết các môn học ngành TKMT SKĐA	Hồ sơ lưu trong giai đoạn 2015-2021 Thông báo số 158 - TB/SKĐAHN ngày 31/3/2017	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT
	4	H4.04.01.04	Sổ tay sinh viên; các tài liệu tuần sinh hoạt công dân; bài phát biểu khai giảng năm học mới của Hiệu trưởng; các văn bản của Đoàn TNCSHCM về việc giới thiệu Nhà trường....; Tờ rơi quảng bá về Trường trong các ngày hội tuyển sinh	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng CT HSSV; P. ĐT, QLKH&HTQT Đoàn TNCSHCM
	5	H4.04.01.05	Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên.	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng KT & ĐBCLGD

Tiêu chí 4.2	1	H4.04.02.01	Các văn bản hướng dẫn xây dựng CTĐT; CTĐT ngành TKMT SKĐA Quy chế khảo thí;	Giấy đề nghị ngày 23/10/2017 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 19/02/2021.	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa TKMT P. Khảo thí & ĐBCLGD
	2	H4.04.02.02	Các minh chứng về điều chỉnh, rà soát, cập nhật CTĐT; đổi mới phương pháp giảng dạy.	Hồ sơ lưu trong giai đoạn tự đánh giá 2015-2021	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa TKMT
	3	H4.04.02.03	Hồ sơ giảng viên	Hồ sơ lưu các năm từ 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Bộ phận TCCB Khoa TKMT
	4	H4.04.02.04	Bản mô tả CTĐT	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa TKMT
	5	H4.04.02.05	Bảng đối sánh CTĐT trước năm 2018 và năm 2018	Năm 2021	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa TKMT
	6	H4.04.02.06	Danh sách giảng viên, kế hoạch giảng dạy chuyên ngành TKMT SKĐA (2015 ...2020)	Hồ sơ lưu các năm từ 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT
	7	H4.04.02.07	Sơ đồ bố trí các môn học theo học kỳ	Hồ sơ lưu các năm từ 2015-2021	Khoa TKMT	Khoa TKMT
	8	H4.04.02.08	Bản mô tả học phần/ môn học. Kế hoạch giảng dạy của giảng viên; sổ tay giảng viên; nhật ký giảng dạy...		Khoa TKMT	Khoa TKMT H3.03.03.01 H3.03.03.02
	9	H4.04.02.09	Kết quả khảo sát phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	T/báo số 217/TB-SKĐA ngày 14/6/2019 về việc thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi học kỳ 2 năm	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT, Phòng KT & ĐBCLGD

				học 2018-2019 T/báo số 286/TB-SKĐA ngày 14/8/2020 về việc thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi học kỳ 2 năm học 2019-2020 T/báo số 284/TB-SKĐA ngày 05/7/2021 về việc thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi học kỳ II năm học 2020-2021		
	10	H4.04.02.10	Đề cương chi tiết các môn học	Phiên bản các năm trước và trong thời kỳ tự đánh giá (2015-2021).	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT
	11	H4.04.02.11	Thống kê danh sách sinh viên ngành TKMT SKĐA đã đạt được các giải thưởng	Năm 2015-2021	Khoa TKMT	Phòng CTHSSV
Tiêu chí 4.3	1	H4.04.03.01	Bản mô tả CTĐT/ môn học/ học phần; đề cương chi tiết các môn học;	Năm 2015-2021	ĐH SKĐA - ĐT, QLKH & HTQT; Khoa TKMT	Dùng chung MC H4.04.01.02
	2	H4.04.03.02	Đề cương chi tiết môn học.	Phiên bản các năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT
	3	H4.04.03.03	Các chương trình của Trường có sự tham gia của SV khoa Mỹ thuật như: Thiết kế trang phục cho một bộ phim; thiết kế sân khấu cho một vở diễn; hoá trang cho một cuộc thi....., hoạt động dự án của GV Thu Hà về trang phục truyền thống.....	Hình ảnh tư liệu lưu trong thời gian 2015-2021 (Các hoạt động kỷ niệm thành lập Trường, các hoạt động đoàn thể....)	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT
	4	H4.04.03.04	Danh mục sách, tài liệu tham khảo của ngành TKMT SKĐA được bổ sung qua các năm (2015-2020)	Bảng thông kê từ 2015-2020	ĐH SKĐAHN	Trung tâm TTTV
	5	H4.04.03.05	Bảng trích lục kết quả phản hồi của người học về hoạt	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng KT & ĐBCLGD

			động giảng dạy của giảng viên			
	6	H4.04.03.06	Trích số liệu khảo sát việc làm của sinh viên ngành TKMT SKĐA; ý kiến phản hồi của các bên liên quan (người tốt nghiệp, nhà sử dụng lao động về hiệu quả/chất lượng công việc đặc biệt là khả năng tự học, sáng tạo để tiếp cận công nghệ mới).	Trong giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng CT HSSV
Tiêu chuẩn 5						
Tiêu chí 5.1						
	1	H5.05.01.01	Các quy định, quy chế về tuyển sinh của ngành TKMT SKĐA. Đề án tuyển sinh riêng Thông báo tuyển sinh Quy định đầu vào đối với các thí sinh thi vào các ngành của khoa kỹ thuật.	Đề án TS từ năm 2015 đến 2021	ĐH SKĐAHN	P.ĐT, QLKH & HTQT Khoa TKMT
	2	H5.05.01.02	Quy chế đào tạo đại học (quy chế 25); Quy định liên quan đến kiểm tra đánh giá Quy định khảo thí	Quy chế 25 - Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. QĐ số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 19/02/2021 về việc ban hành Quy định công tác khảo thí của trường ĐHSKĐAHN	BGD&ĐT ĐH SKĐAHN	P. Khảo thí & ĐBCLGD
	3	H5.05.01.03	Bản mô tả CTĐT/ đề cương chi tiết các môn	Phiên bản các năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT

			học/ học phần			
	4	H5.05.01.04	Các văn bản hướng dẫn thực tập, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp. Văn bản mô tả quy trình thi tốt nghiệp.....	Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 10/8/2021	ĐH SKĐAHN	P.ĐT, QLKH & HTQT Khoa TKMT
Tiêu chí 5.2	1	H5.05.02.01	Quy chế 25	Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ GD&ĐT	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa TKMT
	2	H5.05.02.02	Quy định của Trường ĐH SKĐA về kiểm tra, đánh giá (quy chế khảo thí). Mô tả quy trình kiểm tra đánh giá của Khoa TKMT	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. Khảo thí & ĐBCLGD Khoa TKMT
	3	H5.05.02.03	Đề cương chi tiết môn học/ học phần	Các phiên bản trong thời gian đánh giá 2015-2021	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa TKMT
	4	H5.05.02.04	Sổ tay sinh viên	Phiên bản các năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng CTHSSV Khoa TKMT
	5	H5.05.02.05	Tổng hợp khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động của giảng viên.	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. Khảo thí & ĐBCLGD
	Tiêu chí 5.3	1	H5.05.03.01	Quy chế đào tạo hiện hành; quy chế khảo thí; các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường ĐH SKĐAHN	Quy định về công tác khảo thí của trường ĐHSKĐAHN ban hành kèm theo QĐ số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 19/02/2021	ĐH SKĐAHN
2		H5.05.03.02	Các minh chứng, ví dụ cụ	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT

			thể về bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thuyết trình nhóm, bài tập theo dự án, viết báo cáo, tiểu luận của ngành TKMT SKĐA.			
	3	H5.05.03.03	Biên bản các cuộc họp đánh giá đề thi của bộ môn; các bộ câu hỏi thi được duyệt.	Hồ sơ lưu từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT
	4	H5.05.03.04	Ngân hàng câu hỏi thi, đề thi được lưu tại phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT P.Khảo thí & ĐBCLGD
	5	H5.05.03.05	Quy chế khảo thí; đáp án kèm ngân hàng câu hỏi thi	Quy định về công tác khảo thí của trường ĐHSKĐAHN ban hành kèm theo QĐ số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 19/02/2021	ĐH SKĐAHN	P.ĐT, QLKH & HTQT; P.Khảo thí & ĐBCLGD
	6	H5.05.03.06	Các phiếu coi thi, chấm thi của chuyên ngành TKMT SKĐA	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. Đào tạo, QLKH & HTQT Khoa TKMT;
Tiêu chí 5.4	1	H5.05.04.01	Văn bản quy định về thời gian giảng viên chấm bài, đồng thời công bố kết quả đánh giá, thời gian phản hồi khiếu nại của người học về kết quả đánh giá (Quy định khảo thí; các văn bản quy định về công bố kết quả thi, kiểm tra)	Quy định về công tác khảo thí của trường ĐHSKĐAHN ban hành kèm theo QĐ số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 19/02/2021	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khảo thí & ĐBCLGD Khoa TKMT
	2	H5.05.04.02	website, fanpage của Khoa/ Trường		ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT
	3	H5.05.04.03	Sổ tay sinh viên	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. CTHSSV
	4	H5.05.04.04	Biên bản họp lớp liên	Lưu tại khoa	Khoa TKMT	Khoa TKMT

			quan đến chữa bài tập/ bài thi			
	5	H5.05.04.05	Hồ sơ thanh tra công tác đào tạo tại khoa TKMT	Thông báo số 192/TB-SKĐAHN ngày 04/5/2021 về việc thanh tra, kiểm tra năm học 2020 - 2021	ĐH SKĐAHN	Khảo thí & ĐBCLGD
	6	H5.05.04.06	Thông báo công bố kết quả phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khảo thí & ĐBCLGD
Tiêu chí 5.5	1	H5.05.05.01	Văn bản quy định về thời gian giảng viên chấm bài, đồng thời công bố kết quả đánh giá. Thời gian phản hồi khiếu nại của người học về kết quả đánh giá (Quy định khảo thí). Các văn bản quy định về công bố kết quả thi, kiểm tra).	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; P.Khảo thí & ĐBCLGD
	2	H5.05.05.02	Chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa, Biên bản các cuộc đối thoại trực tiếp giữa SV với lãnh đạo Nhà trường. Sổ tay sinh viên	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT; Phòng CT HS,SV
	3	H5.05.05.03	Biên bản họp lớp; Sổ tay chủ nhiệm	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT
Tiêu chuẩn 6	6					
Tiêu chí 6.1	1	H6.06.01.01	Quy hoạch phát triển Trường ĐHSKĐAHN giai đoạn 2011-2015, 2016-2020 và tầm nhìn 2030 (Quyết định số 644/QĐ-SKĐAHN ngày 15/12/2011); Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh giai đoạn	(Quyết định số 644/QĐ-SKĐAHN ngày 15/12/2011); Quyết định số	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT P.HCTH (bộ phận TCCB)

		<p>2013 – 2020 và tầm nhìn 2030 (Tháng 12/2013)</p> <p>Quyết định số 84/QĐ-BVHTTDL Phê duyệt Đề án phát triển Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2014 - 2020 (Quyết định số 84/QĐ-BVHTTDL (09/01/2014);</p> <p>Quyết định phê duyệt Đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia (QĐ số 2971/QĐ-BVHTTDL ngày 01/9/2015)</p>	<p>84/QĐ-BVHTTDL (09/01/2014)</p> <p>Quyết định (QĐ số 2971/QĐ-BVHTTDL ngày 01/9/2015)</p>		
2	H6.06.01.02	Văn bản quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo các cấp thuộc trường; quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo Khoa, Phòng, Bộ môn thuộc khoa và tương đương thuộc Trường	Quyết định số 747/QĐ – SKĐAHN ngày 5/11/2014	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
3	H6.06.01.03	Đề án xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên giai đoạn 2012-2015 và 2015-2020.	Năm 2012-2020	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
4	H6.06.01.04	Các văn bản, thông báo về hoạt động rà soát, bổ sung quy hoạch	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
5	H6.06.01.05	Các văn bản quy định của trường trong công tác bổ nhiệm các cán bộ lãnh đạo và các quy định về tiêu chuẩn, chức danh cán bộ quản lý trường, phó các đơn vị trong trường.	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
6	H6.06.01.06	Đề án vị trí việc làm của Khoa (trích Đề án vị trí việc làm của Trường đã được Bộ VHTTDL phê duyệt)	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)

	7	H6.06.01.07	<p>Phiếu đánh giá phân loại cán bộ, viên chức; Báo cáo đánh giá các mặt hoạt động của Nhà trường đọc trước Hội nghị cán bộ công chức, viên chức;</p> <p>Các văn bản nhận xét, đánh giá về năng lực và hiệu quả trong công việc của các vị trí lãnh đạo các cấp trong trường.</p>	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB) Khoa TKMT
	8	H6.06.01.08	<p>- Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên của ngành thiết kế mỹ thuật sân khấu – điện ảnh trong 5 năm (2015-2020);</p> <p><u>Trong đó</u> trích Thống kê các thông báo, danh sách các cán bộ, giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng về ngoại ngữ, tin học, nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm từ 2015 đến nay; trích Thống kê danh sách các cán bộ, giảng viên được tham gia tập huấn về chuyên môn ở nước ngoài.</p>	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
	9	H6.06.01.09	Biên bản tổng hợp các cuộc họp bình xét thi đua trong toàn trường (2015-2020) (Trích thông tin của các giảng viên khoa TKMT); Trích thông tin hồ sơ về chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ, nghỉ hưu và các chế độ phúc lợi xã hội	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
Tiêu chí 6.2	1	H06.06.02.01	Hồ sơ giảng viên; danh sách sơ yếu lý lịch giảng viên khoa TKMT	Tháng 5/2021	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT
	2	H06.06.02.02	Hồ sơ giảng viên; danh sách sơ yếu lý lịch giảng viên bộ môn đạo diễn điện ảnh khoa TKMT	Tháng 5/2021	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT
	3	H06.06.02.03	Danh sách giảng viên thỉnh giảng khoa TKMT - ngành	Tháng 5/2021	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT

			TKMT SKĐA (2015-2020)			
4	H06.06.02.04	Thông tư số 24/2015/TT/BGD&ĐT	Thông tư số 24/2015/TT/BGD&ĐT	Thông tư 24/2015/TT-BGDĐT ngày 23/9/2015 quy định chuẩn quốc gia với cơ sở giáo dục đại học	BGDĐT	
5	H06.06.02.05	Thông tư số 32/2015/TT/BGD&ĐT	Thông tư số 32/2015/TT/BGD&ĐT	Thông tư 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 quy định việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục đại học	BGDĐT	
6	H06.06.02.06	Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 QĐ .../QĐ-SKĐAHN ngày .../... của ĐHSKĐAHN ban hành quy định về chế độ làm việc của GV	Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 quy định chế độ làm việc với giảng viên	Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 quy định chế độ làm việc với giảng viên	-BGDĐT	Phòng HC,TH (TCCB)
7	H06.06.02.07	thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học	thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học	Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học	BGDĐT	Phòng HC,TH (TCCB)
8	H06.06.02.08	Hồ sơ thi đua khen thưởng lưu phòng TCCB	Hồ sơ thi đua khen thưởng lưu phòng TCCB	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
9	H06.06.02.09	biên bản giao, nhận nhiệm vụ cho giảng viên của Khoa đầu mỗi năm học (2015-2020)	biên bản giao, nhận nhiệm vụ cho giảng viên của Khoa đầu mỗi năm học (2015-2020)	Các Biên bản trong Khoa năm 2015-2021	Khoa TKMT	
10	H06.06.02.10	Danh sách tăng lương/ danh sách thi đua (2015-2020)	Danh sách tăng lương/ danh sách thi đua (2015-2020)	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
11	H06.06.02.11	danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, bằng khen các cấp, giải thưởng của giảng viên khoa TKMT	danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, bằng khen các cấp, giải thưởng của giảng viên khoa TKMT	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
12	H06.06.02.12	Hồ sơ phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Hồ sơ phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.KT&ĐBCLGD

			(giảng viên khoa TKMT)			
	13	H06.06.02.13	Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học SKĐA HN	Quyết định số 985/QĐ-SKĐAHN ngày 13/10/2021 ban hành Quy định hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng	ĐH SKĐAHN	P.CTHSSV
Tiêu chí 6.3	1	H6.06.03.01	Những văn bản quy định cụ thể về tiêu chí tuyển giảng viên (trích thông báo tuyển giảng viên)	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
	2	H6.06.03.02	Thông báo tuyển GV (website....)	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
	3	H6.06.03.03	Các quy định tuyển dụng trước 2018	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
	4	H6.06.03.04	Đề án tự tuyển dụng của Trường	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
	5	H6.06.03.05	Hồ sơ giảng viên/ hợp đồng giảng dạy	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
	6	H6.06.03.06	Quyết định thành lập hội đồng sát hạch giảng viên (hội đồng dự giờ giảng)	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
	7	H6.06.03.07	Quyết định phân công giảng viên hướng dẫn tập sự	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
	8	H6.06.03.08	Danh sách giảng viên thỉnh giảng cho khoa TKMT (2015-2020)	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
	9	H6.06.03.09	Quy hoạch cán bộ từng giai đoạn (2015-2020)	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
Tiêu chí 6.4	1	H6.06.04.01	Hồ sơ lý lịch giảng viên; hồ sơ năng lực giảng viên.	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB) H6.06.01.06.D C
	2	H6.06.04.02	Các văn bản thông báo về tổ chức cho giảng viên tham gia hoạt động sáng	Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN, ngày 21/8/2015	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)

			tác; Các minh chứng từ giảng viên được tham gia các hoạt động sáng tác.			
	3	H6.06.04.03	Danh sách giảng viên khoa TKMT tham dự các hoạt động nghệ thuật được nhà trường đề cử.	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
	4	H6.06.04.04	Thống kê các giải thưởng mà GV Khoa TKMT đã đạt được trong giai đoạn 2015-2021	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
	5	H6.06.04.05	Đề án vị trí việc làm	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
	6	H6.06.04.06	Nhà trường đã ban hành quy định về khối lượng công việc đối với GV (Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN, ngày 21/8/2015), trong đó xác định rõ các yêu cầu, tiêu chuẩn và thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đối với GV; Văn bản quy định về các tiêu chí đánh giá phân loại công chức, viên chức	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
	7	H6.06.04.07	Quy định đánh giá, phân loại CCVC để xét nâng lương trước niên hạn	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB) H06.06.02.12.D C
	8	H6.06.04.08	Phiếu lấy ý kiến góp ý và biên bản thống kê các ý kiến GV đóng góp để hoàn thiện văn bản về thi đua; đánh giá phân loại CCVC trước khi ban hành văn bản.	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD [H06.06.02.13.DC],
	9	H6.06.04.09	Thông báo, hướng dẫn về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của giảng viên qua các năm (2015-2020)	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB) H6.06.01.06.D C

	10	H6.06.04.10	Trích báo cáo tổng kết thi đua, khen thưởng hằng năm (Kết quả đánh giá giảng viên khoa TKMT) (2015-2020)	Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN, ngày 21/8/2015	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
	11	H6.06.04.11	Danh sách đề nghị khen thưởng cho giảng viên (trong đó có khoa TKMT) tại hội nghị CCVC hằng năm hoặc báo cáo đề nghị khen thưởng gửi cho Bộ VHTTDL (2015-2020)	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
	12	H6.06.04.12	-Thống kê kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (trích lục đối với khoa TKMT); - Hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo của Trường.	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
Tiêu chí 6.5		H6.06.05.01	Các văn bản liên quan đến việc cử giảng viên đi học tập, bồi dưỡng, hội thảo....(quyết định cử đi học); Quyết định hỗ trợ học phí; các văn bản về kinh phí hỗ trợ các hoạt động học tập cho GV.	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
		H6.06.05.02	Thông báo các chương trình học bổng học tập nước ngoài; Quy chế đối ngoại	Giai đoạn 2015-2021 - Quyết định số 678/QĐ-SKĐAHN ngày 23/6/2020	ĐH SKĐAHN	Bộ phận hợp tác quốc tế
		H6.06.05.03	Quy chế chi tiêu nội bộ Danh sách giảng viên khoa Sân khấu được nhận hỗ trợ đào tạo.(văn bản ký nhận tiền).	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Bộ phận TV
		H6.06.05.04. DC	Thông tin do Khoa TKMT cung cấp: về tọa đàm, hội thảo, tham gia tổ chức các sự kiện mang tầm quốc gia (như GV của Khoa tham gia các hoạt động mang tính đối ngoại quốc gia; thiết	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT

			kể các biểu tượng cho Liên hoan Phim Việt Nam lần thứ XII tại Thừa Thiên Huế tháng 11.2021)...liệt kê các giải thưởng của GV			
Tiêu chí 6.6	1	H6.06.06.01	Đề án vị trí việc làm (căn cứ Luật viên chức năm 2010)/ bản mô tả vị trí công việc của Khoa TKMT)	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB) H6.06.01.06.D C
	2	H6.06.06.02	<p>- Minh chứng về: phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; kiểm tra công tác tổ chức dự giờ; kế hoạch giảng dạy của GV</p> <p>- Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (theo thông tư 47) và các quy định cụ thể của Trường thực hiện thông tư 47 năm 2014;</p> <p>- Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên(văn bản cụ thể hóa của Trường về Thông tư 20 năm 2020)</p> <p>- Hồ sơ kiểm tra nội bộ (kiểm tra công tác đào tạo của Khoa TKMT)</p>	Nhà trường đã ban hành quy định về khối lượng công việc đối với GV (Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN, ngày 21/8/2015), trong đó xác định rõ các yêu cầu, tiêu chuẩn và thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đối với GV	ĐH SKĐAHN	P.KT &ĐBCLGD) Phòng ĐT, QLKH & HTQT)
	3	H6.06.06.03	Kế hoạch giảng dạy của giảng viên khoa TKMT	Năm 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
	4	H6.06.06.04	Các biên bản họp bình xét các hình thức khen	Năm 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)

			thường khác nhau tại Khoa TKMT			
	5	H6.06.06.05	- Quy chế thi đua khen thưởng của Trường - Văn bản quy định đánh giá, phân loại CCVC để xét nâng lương trước niên hạn.	Năm 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
	6	H6.06.06.06	Danh sách kết quả bình xét thi đua (các năm từ 2015 đến 2020) Danh sách đề nghị khen thưởng cho giảng viên (trong đó có khoa TKMT) tại hội nghị CCVC hằng năm hoặc báo cáo đề nghị khen thưởng gửi cho Bộ VHTTDL (2015-2020)	Năm 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB)
	7	H6.06.06.07	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐH SKĐAHN Các thông báo triển khai kế hoạch NCKH hằng năm của Trường (thông báo, biểu mẫu....để các giảng viên đăng ký đề tài nghiên cứu)].	Giai đoạn 2015-2021	ĐH ĐH SKĐAHN	Phòng HC,TH (TCCB) Viện SKĐA
Tiêu chí 6.7	1	H6.06.07.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐH SKĐAHN; Các thông báo triển khai kế hoạch KHCN hằng năm của Trường (thông báo, biểu mẫu....để các giảng viên đăng ký đề tài nghiên cứu)	(Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014).	ĐH SKĐAHN (Phòng TCCB) Viện SKĐA	

	2	H6.06.07.02	Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài nghiên cứu khoa học của Trường ĐHSKĐAHN	(Quyết định số 198/QĐ-SKĐAHN ngày 14/3/2017).	ĐH SKĐAHN (Viện SKĐA)	
	3	H6.06.07.03	<p>- Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (theo thông tư 47) và các quy định cụ thể của Trường thực hiện thông tư 47 năm 2014;</p> <p>- Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (văn bản cụ thể hóa của Trường về Thông tư 20 năm 2020)</p> <p>- Hồ sơ kiểm tra nội bộ (kiểm tra công tác đào tạo của Khoa TKMT)</p> <p>Kết quả đánh giá, phân loại giảng viên</p>	Nhà trường đã ban hành quy định về khối lượng công việc đối với GV (Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN, ngày 21/8/2015), trong đó xác định rõ các yêu cầu, tiêu chuẩn và thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đối với GV	ĐH SKĐAHN (P.KT &ĐBCLGD) (Phòng ĐT, QLKH & HTQT)	
	4	H6.06.07.04	<p>Kết luận tiêu chí 7.3 trong Báo cáo đánh giá ngoài</p> <p>5Danh mục giải thưởng của GV khoa TKMT (2015-2020) (Khoa tổng hợp)</p>	Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN (Công văn số 202 /KĐCL ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-ĐHQGHN)		
	5	H6.06.07.05	Quy định tạm thời về hoạt động sở hữu trí tuệ cho các đề tài NCKH của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 1054/QĐ-SKĐAHN ngày 15/9/2016	Viện SKĐA	
	6	H6.06.07.06		Quyết định số 1055/QĐ-	ĐH SKĐAHN	

			Quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong NCKH của Trường ĐHSKĐAHN	SKĐAHN ngày 15/9/2016	(Viện SKĐA)	
	7	H6.06.07.07	Quyết định thành lập Hội đồng thông qua đề cương NCKH cấp Trường và các Quyết định Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH cấp Trường	(Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014).	Viện SKĐA	
Tiêu chuẩn 7	7					
Tiêu chí 7.1	1	H07.07.01.01	Những văn bản về tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên trước 2018 (2015-2018) và sau năm 2018 (2018-2020).	Văn bản thống kê 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
	2	H07.07.01.02	Danh sách, bản mô tả công việc của nhân viên, hồ sơ lý lịch của đội ngũ nhân viên (Phòng hành chính tổng hợp; Phòng đào tạo, quản lý khoa học và hợp tác quốc tế; Phòng công tác học sinh sinh viên; Phòng khảo thí & đảm bảo chất lượng giáo dục); Trung tâm thông tin thư viện. xưởng phim thực nghiệm, nhà hát thể nghiệm, trung tâm âm thanh ánh sáng) và các bộ phận hỗ trợ sinh viên tại các phòng chiếu phim/ trường quay/ phòng tin học.	Văn bản thống kê 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
	3	H07.07.01.03	Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường (Phần phát triển đội ngũ)	Tháng 12/2013, năm 2019 và dự thảo năm 2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
	4	H07.07.01.04	Đề án vị trí việc làm	Quyết định phê duyệt đề án vị trí việc làm năm 2019	ĐH SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB) H6.06.01.06.D C
	5	H07.07.01.05	Minh chứng về việc phân công nhân viên	Năm 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)

			(các phòng chức năng) trực tiếp hỗ trợ Khoa TKMT			
	6	H07.07.01.06	Hệ thống các văn bản của Trường về Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Nhà trường	Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN, ngày 21/8/2015.	ĐH SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
	7	H07.07.01.07	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014; Phiên bản năm 2021.	ĐH SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
	8	H07.07.01.08	Quy chế chi tiêu nội bộ	Quyết định phòng Tài vụ: Phiên bản các năm từ 2015-2021.	ĐH SKĐAHN	H06.06.02.11.D C Lưu Bộ phận Tài vụ
	9	H07.07.01.09	Minh chứng về việc chuyển đổi ngạch viên chức	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
	10	H07.07.01.10	Minh chứng hỗ trợ kinh phí, thời gian cho cán bộ phục vụ tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hội nghị hội thảo chuyên ngành và tổ chức các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ phục vụ (các Quyết định cử đi học tập, tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ học phí...)	Hồ sơ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB) H07.07.01.08.D C
	11	H07.07.01.11	Danh sách cán bộ được phân công làm trợ lý Khoa TKMT (2015-2020)	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
	12	H07.07.01.12	Kết quả bình xét thi đua khối phòng chức năng (2015-2020)	Hồ sơ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
Tiêu chí 7.2	1	H07.07.02.01	Minh chứng về các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng, điều chuyển và bổ nhiệm	Văn bản, biên bản, quyết định (2015-2021)	Bộ VHTTDL; SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
	2	H07.07.02.02	Hồ sơ của đội ngũ nhân viên	Quyết định số 1015/QĐ-SKĐAHN ngày 09/9/2016	Đại học SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)

	3	H07.07.02.03	Thông báo tuyển dụng được đăng tải trên kênh thông tin đại chúng hoặc web của Trường	Văn bản thông báo số ngày tháng ban hành hoặc link để đăng nhập trên Website của Trường.	Đại học SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
	4	H07.07.02.04	Quy hoạch cán bộ từng giai đoạn	Văn bản ban hành (giai đoạn 2015-2021).	Đại học SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
	5	H07.07.02.05	Hồ sơ nâng ngạch chuyên viên lên chuyên viên chính	Văn bản thống kê (liệt kê tên các văn bản có số ngày tháng ban hành).	Bộ VHTTDL; ĐH SKĐAHN.	Phòng HCTH (TCCB)
	6	H07.07.02.06	Minh chứng về việc điều chuyển nhân viên	Biên bản, quyết định điều chuyển (giai đoạn 2015-2021)	Bộ VHTTDL; ĐH SKĐAHN	Phòng HCTH (TCCB)
Tiêu chí 7.3	1	H07.07.03.01	Quy chế thi đua của Trường	Các phiên bản của quy chế này từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	2	H07.07.03.02	Các bản đăng ký thi đua hàng năm của đội ngũ nhân viên	Văn bản thống kê các năm từ 2015-2021.	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	3	H07.07.03.03	Báo cáo thành tích của đội ngũ nhân viên (hồ sơ xét thi đua, khen thưởng)	Văn bản thống kê các năm từ 2015-2021.	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	4	H07.07.03.04	Kết quả thi đua hàng năm (hồ sơ thi đua)	Biên bản họp thi đua các năm từ 2015-2021.	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	5	H07.07.03.05	Minh chứng về việc lấy ý kiến góp ý của các đơn vị mỗi lần ban hành mới quy chế thi đua, khen thưởng (thông báo lấy ý kiến góp ý cho dự thảo quy chế, phiếu góp ý của các đơn vị)	Văn bản thông báo lấy ý kiến (giai đoạn từ năm 2015-2021).	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	6	H7.07.03.06	Hồ sơ thi đua, danh sách đạt danh hiệu thi đua hàng năm của đội ngũ nhân viên	Từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	7	H7.07.03.07	Minh chứng về việc “Đội ngũ trợ lý Khoa TKMT được đánh giá, cho điểm về công tác phục vụ và	Biên bản họp trợ lý thường niên từ năm 2015-2021.	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB) P. ĐT QLKH&HTQT

			được hỗ trợ kinh phí”			
Tiêu chí 7.4	1	H07.07.04.01	Thông báo tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ từ năm 2016 - 2021	Văn bản thông báo từ năm 2015-2021	Bộ VHTTDL; Bộ GD &ĐT; ĐH SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
	2	H07.07.04.02	Danh mục các khóa học, đào tạo, tập huấn và danh sách đội ngũ nhân viên của Trường tham gia học tập từ năm 2016 - 2020	Văn bản thông báo Từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
	3	H07.07.04.03	Quyết định cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tập huấn và minh chứng về chi trả kinh phí của Trường từ năm 2016 - 2021	Các quyết định cử đi học chính trị, tập huấn công đoàn, tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, kiểm định, thanh tra, đào tạo, tài chính, thư viện....(2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
	4	H07.07.04.04	Minh chứng về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên từ năm 2016 - 2021	Quyết định cử đi đào tạo bồi dưỡng nước ngoài (2015-2021)	ĐH SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
	5	H07.07.04.05	Sơ yếu lý lịch viên chức hàng năm (phiếu bổ sung thông tin); các giấy chứng nhận, chứng chỉ hoàn thành sau khóa học	Từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
	6	H07.07.04.06	Minh chứng về việc phân bổ ngân sách đào tạo cho đội ngũ nhân viên	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. HCTH (Tài vụ)
	7	H7.07.04.07	Danh sách đội ngũ nhân viên được cấp bằng thạc sĩ, tiến sĩ hoặc được nâng ngạch chuyên viên.	Văn bản thống kê từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
Tiêu chí 7.5	1	H07.07.05.01	Bản mô tả vị trí công việc	Văn bản ghi rõ ngày tháng ban hành (các phiên bản từ năm 2015-	Các Phòng chức năng và trung tâm thuộc ĐH	P.HCTH (TCCB) H6.06.01.06.D C

				2021)	SKĐAHN	
	2	H07.07.05.02	Quy chế thi đua khen thưởng	Phiên bản các nam từ 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB) H07.07.03.01.D C
	3	H07.07.05.03	Biên bản phân công công việc của nhân viên (lưu tại đơn vị)	Văn bản thống kê từ năm 2015-2021.	Các Phòng chức năng và trung tâm thuộc ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	4	H07.07.05.04	Nhận xét của trưởng phòng/ giám đốc trung tâm/ biên bản họp bình xét thi đua tại mỗi đơn vị cho từng cá nhân	Hồ sơ lưu từ năm 2015-2021.	Các Phòng chức năng và trung tâm thuộc ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	5	H07.07.05.05	Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng của Trường (2015-2021)	Biên bản từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	6	H07.07.05.06	Quy trình, biểu mẫu bình xét danh hiệu thi đua	Văn bản hướng dẫn các phiên bản từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	7	H7.07.05.07	Danh sách nhân viên được nhận các danh hiệu thi đua hằng năm và được tăng lương trước niên hạn (2015-2021)	Văn bản thống kê từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	8	H7.07.05.08	Thông báo lấy ý kiến đóng góp cho Quy chế thi đua khen thưởng; biên bản tổng hợp góp ý cho dự thảo quy chế thi đua trước khi ban hành.	Văn bản từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
	9	H7.07.05.09	Báo cáo thanh tra nhân dân hằng năm (2015-2021)	Báo cáo từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TCCB)
Tiêu chuẩn 8	8					
Tiêu chí 8.1	1	H08.08.01.01	Liệt kê tên văn bản là quy chế của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng của Trường	Thông báo TS số 71/TB-SKĐAHN ngày 8/3/2016; Thông báo TS số 142/TB-SKĐAHN ngày 20/3/2017;	ĐH SKĐAHN	P.ĐTQLKH&H TQT

				<p>Thông báo TS số 102/TB-SKĐAHN ngày 28/2/2018;</p> <p>Thông báo TS số 89/TB-SKĐAHN ngày 11/3/2019;</p> <p>Thông báo TS số 139/TB-SKĐAHN ngày 6/4/2021</p> <p>Đề án tuyển sinh từ năm 2017 đến 2021</p> <p>139/TB-SKĐAHN ngày 6/4/2021</p>		
2	H08.08.01.02	<p>http://skda.edu.vn. Thông tin (băng đĩa, hình ảnh trong Ngày hội tuyển sinh - thường tổ chức đầu năm ở Đại học Bách khoa HN)</p>	Hình ảnh, các video clip phục vụ TS các năm từ 2015-2019	ĐH SKĐAHN	Trung tâm TTTV	
3	H08.08.01.03	Các thông báo/ kế hoạch tuyển sinh, tờ rơi, trang thông tin điện tử của Trường/ Khoa/ Facebook của Trường.	Hình ảnh, các video clip phục vụ TS các năm từ 2015-2019.	ĐH SKĐAHN	Trung tâm TTTV	
4	H08.08.01.04	Thông tin minh chứng về lớp giải đáp thắc mắc (2016-2021). (Kế hoạch ngày hội TS hướng nghiệp)	<p>Kê hoạch số 102-KH-SKĐAHN ngày 28/2/2018</p> <p>Kê hoạch số 89-KH-SKĐAHN ngày 11/3/2019</p> <p>Kê hoạch ngày 10/2/2017</p> <p>Thông báo mở lớp, các hình ảnh về lớp giải đáp (2015-</p>	ĐH SKĐAHN	Công đoàn Trường	

				2021)		
	5	H08.08.01.05	Minh chứng về việc đưa thông tin tuyển sinh về các địa phương; đón học sinh THPT đến thăm quan trải nghiệm tại Trường	Kế hoạch CAMPURSTO UR ngày 25/01/2018	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Website
	6	H08.08.01.06	Biên bản họp rút kinh nghiệm công tác tuyển sinh hằng năm (2015-2021)	Hồ sơ giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT;
Tiêu chí 8.2	1	H08.08.02.01	Văn bản quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo các năm (2015-2020)	Liệt kê quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (Số ngày tháng ban hành) từ năm 2015-2021.	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT
	2	H08.08.02.02	Đề án tuyển sinh của Trường ĐH SKĐAHN	Quy chế TS (ban hành kèm theo Quyết định số 184/QĐ-SKĐAHN ngày 15/3/2019	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT
	3	H08.08.02.03	Danh sách HDTS, các Ban phục vụ TS, Ban TTr (2015-2020)	Quy chế TS (ban hành kèm theo Quyết định số 184/QĐ-SKĐAHN ngày 15/3/2019	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT
	4	H08.08.02.04	Tài liệu; biên bản tập huấn tuyển sinh hằng năm	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.ĐTQLKH&HTQT
	5	H08.08.02.05	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh (sau khi tuyển sinh và công bố kết quả trúng tuyển)	Từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.ĐTQLKH&HTQT
	6	H08.08.02.06	website của Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (http://skda.edu.vn/); facebook của Trường https://www.facebook.com/Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng-%C4%90%E1%BA%A1i-H%E1%BB%8Dc-S%C3%A2n-Kh%E1%BA%A5u-%C4%90i%E1%BB%87n-%E1%BA%A2nh-	http://skda.edu.vn/	ĐH SKĐAHN	Ban Quản trị Website Trường

			<u>H%C3%A0-N%E1%BB%99i-954942391290706/</u>			
	7	H08.08.02.07	Hồ sơ của Ban Thanh tra tuyển sinh (2015-2021),	Từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Lưu phòng Khảo thí và ĐBCLGD
Tiêu chí 8.3	1	H08.08.03.01	Quy chế 25 - quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy	Quyết định 25/2006/QĐ-BGDĐT ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Bộ GD &ĐT	P.ĐTQLKH&HTQT
	2	H08.08.03.02	Các văn bản quy định đào tạo riêng của Trường ĐHSKĐAHN;	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.ĐTQLKH&HTQT
	3	H08.08.03.03	Tập hợp các quy định về sinh viên do phòng CT HSSV tham mưu HT ban hành.	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.ĐTQLKH&HTQT
	4	H08.08.03.04	Quy chế về công tác học sinh sinh viên	Phiên bản các năm từ 2015-2021	Bộ GD &ĐT ĐH SKĐAHN	P.CTHSSV
	5	H08.08.03.05	Minh chứng về đội kiểm tra nề nếp giảng dạy học tập (2015-2020) gồm các thông báo về chấn chỉnh nề nếp, các biên bản cuộc họp về kiểm tra nề nếp giảng đường;	Quyết định số 458/QĐ-SKĐAHN ngày 7/5/2016. Quyết định số 173/QĐ-SKĐAHN ngày 5/3/2020 Thông báo số 137/TB-SKĐAHN ngày 6/5/2020	ĐH SKĐAHN	P.CTHSSV
	6	H08.08.03.06	Báo cáo nhanh tình hình học tập giảng dạy được công bố trong cuộc họp giao ban hằng tháng. Kết luận các cuộc họp giao ban hằng tháng	Biên bản họp CTHSSV giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.CTHSSV
	7	H08.08.03.07	Minh chứng về việc tổ chức đội kiểm tra nề nếp	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.CTHSSV

			giảng dạy và học tập.			
	8	H08.08.03.08	Thời khóa biểu các năm học (2015-2020) - của khoa TKMT	Văn bản thông kê năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.ĐTQLKH&HTQT
	9	H08.08.03.09	Email trao đổi với giảng viên Vũ Đình Toán-Nguyễn Nguyên Vũ: Phó trưởng khoa TKMT (2015-2020)	<u>Toanvu3dvn@gmail.com</u> N.nguyen.vu@gmail.com	Khoa TKMT	Khảo thí & ĐBCLGD
	10	H08.08.03.10	Email trao đổi với giảng viên Vũ Đình Toán-Nguyễn Nguyên Vũ: Phó trưởng khoa TKMT (2015-2020); Sổ tay sinh viên; Minh chứng về tuần giáo dục công dân.	<u>Toanvu3dvn@gmail.com</u> N.nguyen.vu@gmail.com CV số 4146/BGDĐT-CTHSSV ngày 14/8/2015. CV số 3836/BGDĐT-CTHSSV ngày 8/8/2016. CV số 575/KH-SKĐAHN ngày 05/9/2017. CV số 381/KH-SKĐAHN ngày 28/8/2018. CV số 345/KH-SKĐAHN ngày 12/9/2019. CV số 3321/BGDĐT-CTHSSV ngày 28/8/2020.	ĐH SKĐAHN	Khảo thí & ĐBCLGD P. CTHSSV
Tiêu chí 8.4	1	H08.08.04.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014; Các phiên bản từ 2014-2021	ĐH SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
	2	H08.08.04.02	Minh chứng từ các báo cáo công tác Đoàn TNCSHCM	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)

			(2015-2020); QĐ phân công giáo viên chủ nhiệm; sổ ghi chép của giáo viên chủ nhiệm; quyết định bổ nhiệm trợ lý Khoa Thiết kế Mỹ thuật			
	3	H08.08.04.03	Các minh chứng về việc tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa.	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. CT HS,SV
	4	H08.08.04.04	Sổ tay sinh viên	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	H5.05.02.04.D C
	5	H08.08.04.05	Hình ảnh, minh chứng về việc tổ chức đón tiếp sinh viên đầu khóa của Khoa TKMT	Văn bản, biên bản, hình ảnh năm 2015-2019, (2020-2021 – trực tuyến)	ĐH SKĐAHN	Trung tâm TTTV; Khoa TTKM
	6	H08.08.04.06	Minh chứng về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho SV	Quyết định số 1125/QĐ-SKĐAHN ngày 23/10/2018. Quyết định số 1110/QĐ-SKĐAHN ngày 22/10/2019. Quyết định số 1260/QĐ-SKĐAHN ngày 26/10/2020.	ĐH SKĐAHN	P. CT HS,SV
Tiêu chí 8.5	1	H08.08.05.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường (chức năng, nhiệm vụ của P. Hành chính, tổng hợp)	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
	2	H08.08.05.02	Hợp đồng ký kết giữa Nhà trường với công ty vệ sinh Hoàn Mỹ	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
	3	H08.08.05.03	Hình ảnh, khung cảnh khu Nhà B trường đại học SKĐAHN	Hình ảnh Nhà trường	ĐH SKĐAHN	TTTTTV, Ban Quản trị Website.
	4	H08.08.05.04	Thông tin, sơ đồ của Khu ký túc xá, khu thể chất thuộc Bộ VH TTDL	Năm 2015-2021	Bộ VH TTDL	P. HCTH (TCCB)
	5	H08.08.05.05	Các cuộc thi do Đoàn TNCSHCM tổ chức (2015-2020), minh chứng: ví dụ các hoạt động kỷ niệm thành lập	Văn bản, hình ảnh từ 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Đoàn TNCSHCM

		trường, 26-3...			
6	H08.08.05.06	Các hình ảnh chụp về Nhà trường, băng hình ghi lại khung cảnh của Trường, các hoạt động của Trường nhân những dịp đặc biệt (thành lập trường, 20-11, 26-3)	Văn bản, hình ảnh từ năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	TTTTTV
7	H08.08.05.07	Thông tin về cán bộ phòng y tế	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
8	H08.08.05.08	Minh chứng về việc khám sức khỏe và tham gia bảo hiểm y tế của SV Minh chứng về công tác phòng chống dịch Covid; sốt xuất huyết.	- Kế hoạch số 328/KH-SKĐAHN ngày 4/9/2019 v/v tổ chức khám sức khỏe cho SV K39 - Thông báo số 501 TB/-SKĐAHN ngày 16/12/2019 V/v đóng bảo hiểm y tế HSSV năm 2020	P.CTHSSV	P. HCTH (TCCB)
9	H08.08.05.09	Sổ tay sinh viên	Các phiên bản năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.CT HS,SV Cung cấp
10	H08.08.05.10	Biên bản kiểm tra an toàn học đường, an toàn vệ sinh thực phẩm.	Chỉ thị 6036/CT-BGDĐT	Đại học SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
11	H08.08.05.11	Minh chứng về các hoạt động phòng chống dịch sốt xuất huyết, dịch bệnh Covid 19.	Thông báo ngày 5/2/2020 số 94/TB-SKDAHN ngày 12/3/2020 113/TB-SKDAHN ngày 26/3/2020 Số 93/TB-SKDAHN ngày 31/3/2020 của phó hiệu trưởng	Đại học SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
12	H08.08.05.12	Sơ đồ thiết bị/ phương án trong công tác phòng cháy, chữa cháy. Minh chứng về việc tổ chức tập huấn phòng cháy	Thông báo số 21 /TB-SKDAHN ngày 14/4/2017 v/v cử người đi tập huấn phòng cháy		P. HCTH (TCCB)

			chữa cháy	chữa cháy năm 2017		
	13	H08.08.05.13	Minh chứng về thể, về quy định ứng xử học đường, các bảng nội quy....	Quyết định số 458/QĐ-SKĐAHN ngày 27/05/2016 v/v thực hiện nề nếp giảng đường	Đại học SKĐAHN	P. HCTH (TCCB)
	14	H08.08.05.14	Minh chứng về hoạt động đối thoại giữa lãnh đạo Trường/ Khoa với sinh viên TKMT	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa TKMT
Tiêu chuẩn 9	9					
Tiêu chí 9.1	1	H09.09.01.01	Công khai cơ sở vật chất hàng năm (Báo cáo Ba công khai) Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng	Báo cáo (liệt kê báo cáo từ năm 2015-2021) Sơ đồ từ năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P. HCTH
	2	H09.09.01.02	Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị...; sổ theo dõi tình trạng hoạt động, sử dụng... Sơ đồ thiết bị phòng cháy chữa cháy và kế hoạch ứng phó khẩn cấp	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014	Đại học SKĐAHN	Bộ phận HCQT cung cấp tài liệu
	3	H09.09.01.03	Văn bản, minh chứng cho thấy Trường được sử dụng Khu khu thể chất, khu ký túc xá thuộc Bộ VHTTDL quản lý.	Thông báo số 159/TB-HCQT ngày 9/4/2018 V/v Bổ sung thiết bị cơ sở vật chất	Đại học SKĐAHN	Bộ phận HCQT cung cấp tài liệu
	4	H09.09.01.04	Quy chế hoạt động của Trường (chức năng, nhiệm vụ Phòng HCTH)	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014	Đại học SKĐAHN	Bộ phận TCCB cung cấp tài liệu
	5	H09.09.01.05	Thông báo về việc bổ sung thiết bị cơ sở vật chất. Kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị.	Thông báo số 159/TB-HCQT ngày 9/4/2018 V/v Bổ sung thiết bị cơ sở vật chất	Đại học SKĐAHN	Bộ phận HCQT cung cấp tài liệu
	6	H09.09.01.06	Kế hoạch chiến lược phát triển về cơ sở vật chất	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Bộ phận HCQT cung cấp tài liệu

			(Đề án xây dựng Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội thành trường ĐH trọng điểm quốc gia) - Kế hoạch xây dựng Nhà B			
	7	H09.09.01.07	Báo cáo tài chính năm học (Trong Hội nghị cán bộ CCVC hằng năm).		ĐH SKĐAHN Bộ phận TV	Bộ phận Tài vụ cung cấp
	8	H09.09.01.08	Báo cáo đánh giá ngoài Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	Công văn số 202 /KĐCL ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-ĐHQGHN	ĐH SKĐAHN	P.Khảo và ĐBCLGD
Tiêu chí 9.2	1	H09.09.02.01	Báo cáo tự đánh giá Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (2010-2015)	Năm 2017	Đại học SKĐAHN	P.KT&ĐBCLGD
	2	H09.09.02.02	Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện trường Đại học.	Quyết định số 13/2008/QĐ - BVHTTDL ngày 10/3/2008	ĐH SKĐAHN	TT Thư viện
	3	H09.09.02.03	Sơ đồ bố trí thư viện.	Hình ảnh (2015-2021)	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	4	H09.09.02.04	Mình chứng về việc bổ sung tài liệu, sách báo hằng năm	Văn bản thống kê (2015-2021)	Đại học SKĐAHN	TTTTTV; bộ phận tài vụ (P.HCTH)
	5	H09.09.02.05	Đề cương chi tiết môn học/ học phần	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	TKMT
	6	H09.09.02.06	Mình chứng về thư viện điện tử	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	TTTTTV
	7	H09.09.02.07	Cơ sở dữ liệu của Trung tâm thông tin thư viện	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	TTTTTV
	8	H09.09.02.08	Thống kê sách, tài liệu của ngành TKMT SKĐA	Tài liệu thống kê (2015-2021)	Đại học SKĐAHN	TTTTTV
	9	H09.09.02.09	Thống kê sách, tài liệu	Tài liệu thống kê (2015-2021)	Khoa TKMT	TTTTTV

			của ngành TKMT SKĐA (Tài liệu lưu tại Khoa TKMT)			
	10	H09.09.02.10	Thông báo của TTTTTV về bổ sung các giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp với chuyên ngành đào tạo.(Các văn bản đề xuất nhu cầu, các kế hoạch, dự toán, hóa đơn, thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện như: sách báo, tạp chí, tài liệu....)	Văn bản thông báo (2015-2021)	ĐH SKĐAHN	TTTTTV
	11	H09.09.02.11	Mình chứng về việc khảo sát thăm dò ý kiến bạn đọc về chất lượng phục vụ của thư viện (phiếu khảo sát, quy trình xử lý dữ liệu...)	Hồ sơ khảo sát trong giai đoạn tự đánh giá 2015-2021	ĐH SKĐAHN	TTTTTV
	12	H09.09.02.12	Mình chứng về việc học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ của cán bộ TTTTTV.		Đại học SKĐAHN	TTTTTV
Tiêu chí 9.3	1	H09.09.03.01	Sơ đồ phòng thực hành, sàn tập, phòng chiếu phim, trung tâm thực hành SKĐA	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	H09.09.01.01.D C
	2	H09.09.03.02	Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	3	H09.09.03.03	Thống kê danh mục trang thiết bị của phòng thực hành phục vụ đào tạo và NCKH	Tài liệu thống kê Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	4	H09.09.03.04	Danh sách các phòng thực hành mà Khoa TKMT sử dụng. Thống kê danh mục trang thiết bị Phòng học máy tính A2.609	Tài liệu thống kê Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	5	H09.09.03.05	Tài liệu hướng dẫn, quy định của phòng thực hành	Quyết định số 656/QĐ-SKĐAHN ngày 19/4/2020 V/v ban	Đại học SKĐAHN	P,HCTH

				hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của nhà trường		
6	H09.09.03.06	Minh chứng về việc Trường/ Khoa thường xuyên phổ biến đến người làm việc trong phòng thực hành các quy định, nội quy phòng, quy tắc an toàn và phòng chống cháy nổ (biên bản, thông báo, quy định về việc giảng dạy và học tập trong các phòng thực hành)	Văn bản năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH	
7	H09.09.03.07	Nội quy phòng, hướng dẫn sử dụng thiết bị phòng thực hành (ảnh chụp các bảng nội quy được dán tại các phòng thực hành).	Văn bản năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH	
8	H09.09.03.08	Quy chế tổ chức hoạt động (P. HCTH - Bộ phận HCQT) Quy định về quản lý và khai thác trang thiết bị thực hành. (cung cấp số, ngày tháng ban hành QĐ) Kế hoạch công tác tháng của bộ phận HCQT (trong đó có các kế hoạch về duy tu, bảo dưỡng, bổ sung, nâng cấp và đầu tư mới thiết bị phòng thực hành). Nhật ký sử dụng trang thiết bị phòng thực hành	Quyết định số 656/QĐ-SKĐAHN ngày 19/4/2020 V/v ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của nhà trường	Đại học SKĐAHN	P.HCTH	
9	H09.09.03.09	Kế hoạch và thông báo đến các đơn vị trong toàn Trường về việc mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất; Các phiếu đề xuất mua	Thông báo số 159/TB-HCQT ngày 9/4/2018 V/v Bổ sung thiết bị cơ sở vật chất	Đại học SKĐAHN	P.HCTH	

			sắm trang thiết bị của Khoa TKMT (2015-2021);			
	10	H09.09.03.10	Báo cáo tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị (tần suất sử dụng, thời gian hoạt động, số giờ vận hành...)	Văn bản năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	11	H09.09.03.11	Tổng hợp kinh phí đã đầu tư mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị	Văn bản năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	12	H09.09.03.12	Danh sách các nhà hát, hãng phim, đài truyền hình; Danh mục thiết bị mua sắm cho Khoa TKMT...	Tài liệu thống kê năm 2015-2021		P.HCTH
	13	H09.09.03.13	Dữ liệu phản hồi của NH và các bên liên quan về phòng thực hành và các trang thiết bị	Phiếu khảo sát năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	
	14	H09.09.03.14	Danh mục các trang thiết bị được cập nhật hàng năm trong giai đoạn (2016-2021)	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	H09.09.01.01.D C
Tiêu chí						
9.4	1	H09.09.04.01	Thống kê hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm và thiết bị công nghệ thông tin, trang thông tin điện tử	Tài liệu thống kê từ năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	2	H09.09.04.02	Báo cáo đánh giá ngoài Trường ĐH SKĐAHN (2017- tiêu chí 9.4)	Công văn số 202/KĐCL ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-ĐHQGHN	Đại học SKĐAHN	P.KT & ĐBCLGD
	3	H09.09.04.03	Tổng hợp các biên bản kiểm kê tài sản từ năm 2015-2020.	Thông báo số 482/TB-SKĐAHN ngày 03/12/2019 V/v Kiểm kê tài sản. Quyết định số 1183/QĐ-SKĐAHN ngày 01/10/2020 V/v thành lập Ban Kiểm kê tài sản năm 2020	Đại học SKĐAHN	P.HCTH

	4	H09.09.04.04	<p>Thư viện điện tử;</p> <p>Sổ sách theo dõi việc vận hành và bảo trì phòng máy tính, phần cứng, phần mềm và các mạng truyền thông, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử</p>	Sổ theo dõi (2015-2021)	Đại học SKĐAHN	TTTTTV
	5	H09.09.04.05	<p>Ban biên tập website; Phân công nhiệm vụ</p> <p>Quyết định thành lập Ban quản trị trang thông tin điện tử.</p> <p>Văn bản phân công bộ phận/người phụ trách hệ thống CNTT;</p> <p>Quy chế hoạt động của Trường</p> <p>Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và trang thông tin điện tử, đáp ứng yêu cầu về quản trị mạng</p>	<p>QĐ số 962/QĐ – SKDA ngày 16/9/2019 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban quản trị Trang thông tin điện tử</p>	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	6	H09.09.04.06	Văn bản liên quan đến: kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin trong toàn trường	Hồ sơ năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	7	H09.09.04.07	nội quy sử dụng, sổ sách theo dõi, quản lý và nhật ký sử dụng các trang thiết bị tin học một cách quy chuẩn	Hồ sơ năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	8	H09.09.04.08	<p>Báo cáo đánh giá ngoài Trường Đại học SKĐAHN do Trung tâm KĐCLGD – ĐH QGHN;</p> <p>Báo cáo tài chính (2015-2020) dành cho Danh mục máy tính, phần</p>	<p>Công văn số 202 /KĐCL ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-ĐHQGHN</p>	Đại học SKĐAHN	P.HCTH

			cứng, phần mềm, ... được cập nhật hằng năm (2015-2020).			
	9	H09.09.04.09	Minh chứng việc tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ cũng được tổ chức thường xuyên	- Thông báo số 198/TB-SKĐAHN ngày 12/4/2017 - Thông báo số 153/TB-SKĐAHN ngày 19/5/2020	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	10	H09.09.04.10	Báo cáo tự đánh giá Trường ĐHSKĐAHN (để đăng ký kiểm định và được đánh giá ngoài năm 2017)	Báo cáo năm 2017	Đại học SKĐAHN	P.KT & ĐBCLGD
	11	H09.09.04.11	Kết quả tốt nghiệp năm 2020 ngành TKMT SKĐA	Năm 2020-2021	ĐH SKĐAHN	P.ĐT, QLKH & HTQT
Tiêu chí 9.5	1	H09.09.05.01	<p>Liệt kê các văn bản của Nhà nước chỉ đạo công tác này, Nhà trường đang thực hiện như:</p> <p>Nghị định số 80/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về môi trường dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.</p> <p>Chỉ thị 6036/CT-BGDĐT quy định về việc tăng cường thực hiện phòng chống tác hại thuốc lá và lạm dụng đồ uống có cồn trong ngành giáo dục</p>	<p>- Nghị định số 80/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ</p> <p>- Chỉ thị 6036/CT-BGDĐT</p>	Chính phủ; Bộ GD&ĐT.	
	2	H09.09.05.02	Hình ảnh chụp các cảnh quan của Trường	Ảnh 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH; Khoa Nhiếp ảnh
	3	H09.09.05.03	Sơ đồ chỉ dẫn đến các khu làm việc, phòng học, phòng thực hành.	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	4	H09.09.05.04	Hợp đồng với Công ty vệ sinh Hoàn mỹ	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH
	5	H09.09.05.05	Minh chứng: Nhà trường đã tổ chức kiểm tra về công tác nước sạch và vệ	Báo cáo năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH

		sinh môi trường.			
6	H09.09.05.06	Các thông báo phun thuốc muỗi, thuốc sát khuẩn thời kỳ chống dịch covid 19. Thông báo phòng chống dịch và triển khai học trực tuyến thời kỳ dịch bệnh.	Thông báo ngày 5/2/2020 số 94/TB-SKĐAHN ngày 12/3/2020 113/TB-SKĐAHN ngày 26/3/2020 Số 93/TB-SKĐAHN ngày 31/3/2020 của phó hiệu trưởng	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
7	H09.09.05.07	Thông báo khám sức khỏe cho cán bộ Trường (2015-2020)	- Thông báo số 522/TB-SKĐAHN ngày 5/12/2018 ; Số 497/TB-SKĐAHN ngày 13/12/2019 của phó hiệu trưởng	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
8	H09.09.05.08	Minh chứng khám sức khỏe cho sinh viên năm nhất và bảo hiểm y tế cho sinh viên.	- Kế hoạch số 328/KH-SKĐAHN ngày 4/9/2019 v/v tổ chức khám sức khỏe cho SV K39 - Thông báo số 501 TB/-SKĐAHN ngày 16/12/2019 V/v đóng bảo hiểm y tế HSSV năm 2020	P.CTHSSV	P.HCTH
9	H09.09.05.09	Thông báo về các quy định an toàn khi nghỉ lễ, tết và có quy định về việc tiết kiệm điện, nước.	Thông báo số 18 và 20/TB-SKĐAHN ngày 17/1/2020	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
10	H09.09.05.10	Minh chứng về Hội thảo văn hoá ứng xử....	Quyết định số 458/QĐ-SKĐAHN ngày 27/05/2016 v/v thực hiện nề nếp giảng đường	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
11	H09.09.05.11	Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH
12	H09.09.05.12	Phương án phòng chống cháy nổ	Thông báo số 21 /TB-SKĐAHN ngày 14/4/2017 v/v cử người đi tập		P.HCTH

				huấn phong cháy chữa cháy năm 2017		
	13	H09.09.05.13	Quy chế tổ chức hoạt động	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014	Đại học SKĐAHN	
	14	H09.09.05.14	-Hệ thống camera. -Kế hoạch bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh. -Dữ liệu về tập huấn/diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm hoặc xử lý các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn hàng năm -Các báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
	15	H09.09.05.15	Các quy định, nội quy giảng đường, phòng thực hành, nhà xe, hội trường và quy định về việc đeo thẻ.	Quyết định số 458/QĐ-SKĐAHN ngày 27/05/2016 v/v thực hiện nề nếp giảng đường	Đại học SKĐAHN	P.HCTH
Tiêu chuẩn 10	10					
Tiêu chí 10.1	1	H10.10.01.01	Minh chứng về: năm học 2018-2019, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT của tất cả các khoa/trung tâm đào tạo	Thông báo Số 273/QĐ-SKĐAHN, ngày 31/3/2017 về việc rà soát, cập nhật, bổ sung, sửa đổi CTĐT	ĐH SKĐAHN	P.ĐT QLKH&HTQT
	2	H10.10.01.02	Văn bản giao nhiệm vụ/quy trình thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH (trích thông tin từ Kết luận của Hiệu trưởng trong cuộc họp giao ban Minh chứng việc tổ chức hội thảo chương trình đào		ĐH SKĐAHN	K. TKMT + Viện SK ĐA

			tạo tài năng của Khoa. TKMT			
3	H10.10.01.03	Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Các văn bản của Trường ĐH SKĐA HN về vấn đề này	Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Bộ GD & BĐT	P.ĐTQLKH & HTQT	
4	H10.10.01.04	Danh sách các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nghiên cứu viên, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp) được thiết lập từ khi chuẩn bị cho công tác KĐCLGD (năm 2017).	Danh sách (Ngày tháng lập danh sách)	Đại học SKĐAHN	K. TKMT	
5	H10.10.01.05	-Biên bản giao nhiệm vụ của Khoa trong việc thực hiện khảo sát, thu thập thông tin liên quan đến việc xây dựng và phát triển CTĐT. biên bản họp cấp Khoa, Tổ giao nhiệm vụ thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan -Phiếu khảo sát/dữ liệu khảo sát/báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, người học và người sử dụng lao động để xây dựng và phát triển CTDH	Hồ sơ 2015-2021	ĐH SKĐAHN	K. TKMT	
6	H10.10.01.06	Thông báo/ kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học/ Thông báo công bố kết quả phản hồi của người học	Quy định số 1158/QĐ-SKĐAHN ngày 30/9/2016 V/v lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt	ĐH SKĐAHN	P. KTĐBCLGD	

				động giảng dạy của GV. Thông báo số 217/TB-SKĐAHN ngày 14/6/2019 về kết quả phản hồi ý kiến người học		
	7	H10.10.01.07	Hồ sơ kiểm tra công tác đào tạo tại K. TKMT	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	P. KT &ĐBCLGD
Tiêu chí 10.2	1	H10.10.02.01	Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;	thông tư BGDDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Bộ GD & ĐT	P. ĐT QLKH & HT QT
	2	H10.10.02.02	Phòng Đào tạo, quản lý KH & HTQT là đầu mối tổ chức chỉ đạo các khoa việc thực hiện xây dựng và phát triển CTĐT: Ban hành kế hoạch, Quyết định thành lập HĐ, (liệt kê toàn bộ các hoạt động của P. ĐT QLKH & HTQT về vấn đề này) Mô tả chi tiết về quy trình thiết kế, phát triển CTĐT đảm bảo chất lượng đào tạo.(P. ĐT QLKH & HTQT vẽ sơ đồ này dựa trên những việc đã làm để hoàn thành công tác rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2019)	Năm 2015-2021		P. ĐT QLKH & HTQT
	3	H10.10.02.03	Minh chứng về quá trình K. TKMT rà soát điều chỉnh CTĐT (năm 2019) (các biên bản họp về vấn đề này, tổng kết vấn đề)	Giai đoạn 2015-2021	ĐH SKĐAHN	K. TKMT
	4	H10.10.02.04	Bảng đối sánh những nội dung chính đã cập nhật trong CTDH qua các năm (2015, 2019)		Đại học SKĐAHN	K. TKMT
	5	H10.10.02.05	Các văn bản mẫu phiếu đề cương chi tiết do phòng đào tạo thiết kế	Phiên bản các năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	K. TKMT

	6	H10.10.02.06	Khoa thống kê các nội dung điều chỉnh CTĐT ngành. TKMT (trích lại biên bản do thư ký ghi chép trong các cuộc họp của Hội đồng thẩm định)	Biên bản họp năm 2015-2019	Đại học SKĐAHN	K. TKMT
	7	H10.10.02.07	Thông báo lấy ý kiến góp ý CTĐT đã được điều chỉnh, tổng hợp ý kiến đóng góp từ các đơn vị toàn Trường, Quyết định ban hành CTĐT năm 2019. Hồ sơ: Các minh chứng lấy từ cuộc họp của hội đồng thẩm định (phải được ghi thành biên bản chi tiết); trong đó có ý kiến nhận xét của các phản biện (có bản nhận xét kèm theo); kết quả kiểm phiếu (có biên bản kiểm phiếu kèm theo) và kết luận của Hội đồng thẩm định cấp trường, có chữ ký của các thành viên hội đồng.	Năm 2019	Đại học SKĐAHN	K. TKMT
Tiêu chí 10.3	1	H10.10.03.01	“Quy định về công tác khảo thí của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội” và Quy chế đào tạo của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 19/02/2021	Đại học SKĐAHN	P.KT&ĐBCLGD
	2	H10.10.03.02	Thông báo của P. KT &ĐBCLGD về việc tiếp nhận ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, yêu cầu các khoa trong toàn Trường rà soát, cập nhật, xây dựng câu hỏi thi, đề thi	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.KT &ĐBCLGD
	3	H10.10.03.03	Minh chứng: K. TKMT cũng đề ra quy trình đánh giá học phần	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	K. TKMT
	4	H10.10.03.04	Mẫu phiếu đánh giá học phần bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, và bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kì	Mẫu phiếu đánh giá học phần Mẫu bài tiểu luận	Đại học SKĐAHN	K. TKMT
	5	H10.10.03.05	Đề cương chi tiết học phần	Đề cương các phiên bản năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	K. TKMT
	6	H10.10.03.06	Phòng KT & ĐBCLGD của	Năm 2015-2021	Đại học	P.KT &

			Nhà trường phối hợp với Khoa thực hiện hằng năm. 100% các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành TKMT đều được lấy ý kiến.		SKĐAHN	ĐBCLGD
	7	H10.10.03.07	Hồ sơ kiểm tra hoạt động đào tạo của K. TKMT	Thông báo số 380/TB-SKĐAHN ngày 14/10/2019 V/v kiểm tra hoạt động tổ chức đào tạo tại khoa/TT HKI (2019-2020)		P.KT & ĐBCLGD
	8	H10.10.03.08	Kế hoạch giảng dạy của giảng viên	Kế hoạch năm 2015-2021		K. TKMT
	9	H10.10.03.09	Sổ ghi đầu bài	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.ĐTQLKH & HTQT.
Tiêu chí 10.4	1	H10.10.04.01	Văn bản Sứ mạng, tầm nhìn của Trường	Quyết định số 1219/QĐ-SKĐAHN ngày 13/10/2016 Về việc công bố “Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội”	Đại học SKĐA	P.KT & ĐBCLGD
	2	H10.10.04.02	Các hoạt động nghề nghiệp cụ thể: Liệt kê các giải thưởng nghề nghiệp, HCV, HCB, bằng khen	Văn bản thống kê	Đại học SKĐAHN	K. TKMT
	3	H10.10.04.03	Danh sách những tác phẩm đạt giải thưởng của GV K. TKMT	Văn bản thống kê	Đại học SKĐAHN	K. TKMT
	4	H10.10.04.04	Danh sách những tác phẩm đạt giải thưởng của SV K. TKMT	Danh sách	Đại học SKĐAHN	K. TKMT
	5	H10.10.04.05	Liệt kê các bài viết liên quan đến tác phẩm được giải thưởng (trong đó có sự góp mặt của GV K. TKMT)	Văn bản thống kê	Đại học SKĐAHN	K. TKMT
	6	H10.10.04.06	Quy định về chế độ làm việc của giảng viên	Quyết định số 1015/QĐ-SKĐAHN ngày 09/9/2016	Đại học SKĐAHN	K. TKMT
	7	H10.10.04.07	Danh sách tên Hội nghị, hội	Danh sách (Ngày	Đại học SKĐAHN	K. TKMT

			thảo của Trường tổ chức - tháng lập) Các hội nghị, hội thảo, v.v để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH.			
	8	H10.10.04.08	Liệt kê các bài viết trên tạp chí của Nhà trường và nhiều tạp chí, báo khác về các tác phẩm đạt giải có sự góp mặt của GV K. TKMT	Văn bản thống kê (Ngày tháng lập)	Đại học SKĐAHN	K. TKMT
	9	H10.10.04.09	Danh sách chuyên gia, hợp đồng giảng dạy các giảng viên thỉnh giảng đến làm việc tại Trường (2015-2021).	Danh sách (Ngày tháng lập)	Đại học SKĐAHN	K. TKMT
Tiêu chí 10.5	1	H10.10.05.01	Kế hoạch công tác tháng và kết luận của Hiệu trưởng tại các cuộc họp giao ban hằng tháng (2015-2020)	Kết luận giao ban từ năm 2015-2020	ĐH SKĐAHN	Phòng Hành chính, Tổng hợp
	2	H10.10.05.02	Biên bản các cuộc họp: cán bộ lớp đầu năm, các cuộc họp với phòng quản lý HSSV, sinh hoạt lớp theo định kỳ hàng tháng, hội nghị đối thoại với lãnh đạo Nhà trường	Năm 2020-2021	ĐH SKĐAHN	K. TKMT, Phòng Công tác HSSV
	3	H10.10.05.03	- Sổ theo dõi CSVC thường xuyên - Biên bản kiểm kê tài sản cuối năm	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng Hành chính, Tổng hợp
	4	H10.10.05.04	Báo cáo công khai tài chính tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức (các năm từ 2015-2020)	Báo cáo tại Hội nghị công chức, viên chức từ năm 15-2020	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (TV)
	5	H10.10.05.05	Giấy đề nghị mua sắm sửa chữa của các khoa, các phòng	Giấy đề nghị	ĐH SKĐAHN	K. TKMT
	6	H10.10.05.06	- Thông báo về việc bổ sung minh chứng cho báo cáo tự đánh giá - Mẫu phiếu khảo sát	Số 365/TB- SKĐAHN ngày 12/10/2015	ĐH SKĐAHN	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD
	7	H10.10.05.07	Đề xuất của K. TKMT hoặc cung cấp bài tập tốt nghiệp (đề án tốt nghiệp) cho Thu viện	Năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	K. TKMT
	8	H10.10.05.08	Chính sách xã hội hoá (trích nội dung họp giao ban về vấn đề lấp điều hoà khu nhà C)	Năm 2019	ĐH SKĐAHN	Phòng Hành chính-Tổng hợp
	9	H10.10.05.09	Bản quy hoạch tổng thể phát triển Nhà trường đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm	Quyết định số 276/QĐ- SKĐAHN ngày	ĐH SKĐAHN	Phòng Hành chính-Tổng hợp

			2030	08/4/2019 V/v thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Nhà trường		
	10	H10.10.05.10	Đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia.	Năm 2015	ĐH SKĐAHN	Phòng Hành chính-Tổng hợp
Tiêu chí 10.6	1	H10.10.06.01	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 538/QĐ BVHTTDL Hà Nội ngày 06/3/2014	BVHTTDL	P.HCTH
	2	H10.10.06.02	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 05/11/2014	Đại học SKĐAHN	Phòng Hành chính, Tổng hợp
	3	H10.10.06.03	Hệ thống minh chứng về công việc của Phòng KT & ĐBCLGD (báo cáo tổng kết công tác hằng năm từ 2015-2020).	Báo cáo công tác từ 2015-2020	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD	
	4	H10.10.06.04	- Quy định/Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và tổng hợp phiếu phản hồi. - Các văn bản quy định/hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan	Quyết định số 1158/QĐ-SKĐAHN ngày 30/9/2016	Đại học SKĐAHN	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD
	5	H10.10.06.05	Các mẫu phiếu đánh giá cuối năm (dùng cho công tác thi đua khen thưởng)	Quy chế Thi đua, khen thưởng của Trường (Quyết định số 266/QĐ-SKĐAHN ngày 17/3/2020)	Đại học SKĐAHN	Phòng Hành chính-Tổng hợp
	6	H10.10.06.06	Kết luận của Hiệu trưởng trong cuộc họp giao ban hàng tháng.	Kết luận giao ban hàng tháng từ năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	Phòng Hành chính-Tổng hợp
Tiêu chuẩn 11	11					
Tiêu chí 11.1	1	H11.11.01.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường (chức năng,	Quyết định số 747/QĐ-	Đại học SKĐAHN	Phòng Hành chính, Tổng

			nhiệm vụ của P. CTHSSV)	SKĐAHN, Hà Nội ngày 05/11/2014		hợp
2	H11.11.01.02	Sổ GV chủ nhiệm, các báo cáo của K. TKMT về P. Đào tạo, QLKH & HTQT...	Sổ tay GVCN năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN		K. TKMT
3	H11.11.01.03	Hệ thống biên bản xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp, xét kỷ luật...	Biên bản từ năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN		P.CTHSSV, P.ĐT QLKH & HTQT
4	H11.11.01.04	Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của phòng CT HSSV		Đại học SKĐAHN		P.CTHSSV
5	H11.11.01.05	Minh chứng xét điều kiện TN, và tổng kết điểm để làm căn cứ giám sát quá trình học của SV (SV tốt nghiệp và thôi học được quản lý đầy đủ thông tin tại phòng Đào tạo, QLKH & HTQT, phòng CT HSSV của Nhà trường).	Quyết định số 1208/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 08/10/2020 v/v công nhận đủ điều kiện TN cho lớp DV Kịch, ĐA-TH K36	Đại học SKĐAHN		P.CTHSSV, P.ĐT QLKH & HTQT
6	H11.11.01.06	Liệt kê tên các quy định của Bộ GD &ĐT; của Trường về công tác đào tạo, QLHSSV	Quyết định số 1111/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 17/10/2018 v/v ban hành Quy định công tác đào tạo ĐH theo hình thức chính quy của Trường ĐH SKĐA HN	Đại học SKĐAHN		P.CTHSSV, P.ĐT QLKH & HTQT
7	H11.11.01.07	Thống kê thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây (2015-2020)	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN		P.CTHSSV
8	H11.11.01.08	Hồ sơ, quyết định cho thôi học, bảo lưu...	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN		P.CTHSSV
9	H11.11.01.09	Minh chứng về triển khai hệ thống học tập trực tuyến do dịch Covid 19	Thông báo ngày 5/2/2020 số 94/TB-SKĐAHN ngày 12/3/2020 113/TB-SKĐAHN ngày 26/3/2020 Số 93/TB-SKĐAHN ngày 31/3/2020 của phó hiệu trưởng	Đại học SKĐAHN		P.CTHSSV
10	H11.11.01.10	Minh chứng về việc kiểm tra nề nếp giám sát chặt chẽ tình hình học tập của sinh viên	Thông báo số 294/TN-SKĐAHN ngày 19/8/2019	Đại học SKĐAHN		P.CTHSSV

			(Thông báo, biểu mẫu thống kê...)	của phó hiệu trưởng		
Tiêu chí 11.2	1	H11.11.02.01	Quy trình đề 1 SV Khoa TKMT được công nhận tốt nghiệp.	Văn bản ghi rõ ngày tháng năm	Đại học SKĐAHN	P.ĐT QLKH & HTQT mô tả
	2	H11.11.02.02	Bảng 11.1 (tiêu chí 11.1) Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ thôi học của SV ngành TKMT SKĐA từ khóa tuyển sinh 2012 đến 2016. (cột 5)	Số liệu tính đến thời điểm tháng 10/2020.	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV, P.ĐT QLKH & HTQT
	3	H11.11.02.03	Biên bản họp xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp, hồ sơ xin bảo lưu của SV TKMT (2015-2020).	Biên bản từ năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV,
	4	H11.11.02.04	Thông báo lùi lịch bảo vệ TN dự kiến do dịch bệnh covid 19. Hoặc các lý do khác....	Thông báo số ngày tháng năm ban hành	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV, P.ĐT QLKH & HTQT
	5	H11.11.02.05	Quy định về việc học riêng hoặc quy định về bảo lưu....	Quyết định số 1111/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 17/10/2018 Trường ĐHSKĐAHN	Đại học SKĐAHN	P.ĐT QLKH & HTQT
Tiêu chí 11.3	1	H11.11.03.01	Công văn 2919/BGDĐT-GDDH của Bộ giáo dục và Đào tạo về Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp Công văn 3943/BGDĐT-GDDH ngày 31/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp	https://thuvienphapluat.vn/cong-van/giao-duc/cong-van-2919-bgddt-gddh-2017-khao-sat-tinh-hinh-viec-lam-sinh-vien-tot-nghiep-355820.aspx https://www.dropbox.com/	BGDĐT	P. CTHSSV
	2	H11.11.03.02	Tổng hợp kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2017	http://skda.edu.vn/2017/12/19/tong-hop-ket-qua-khao-sat-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep-nam-2017/	Đại học SKĐAHN	P. CTHSSV
	3	H11.11.03.03	Minh chứng về việc khảo sát tỷ lệ có việc làm của ngành TKMT	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	Khoa SK/ P. CTHSSV
	4	H11.11.03.04	Báo cáo tự đánh giá Trường	Năm 2017	Đại học	P. KT &

			ĐH SKĐAHN		SKĐAHN	ĐBCLGD
Tiêu chí 11.4	1	H11.11.04.01	Thông tư 22 Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học.	Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	BGDĐT	P. CTHSSV
	2	H11.11.04.02	Quy định Về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học	- Thông tư số 19/2012/ TT-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) - Quyết định số 198/QĐ-SKĐAHN ngày 14/3/2017 về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài nghiên cứu khoa học	- Bộ Giáo dục và Đào tạo - Đại học SKĐAHN	P. CTHSSV
	3	H11.11.04.03	Số liệu bổ sung tài liệu cho thư viện	Năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	K. TKMT
	4	H11.11.04.04	Danh mục các giải thưởng do SV chuyên ngành TKMT, K. TKMT đạt được.	Văn bản thống kê năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P. KT & ĐBCLGD
	5	H11.11.04.05	Các quy định về khen thưởng học sinh sinh viên	Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 5/4/2016	Bộ trưởng Bộ Giáo dục đào tạo	
	6	H11.11.04.06	Hoạt động tổ chức cuộc thi tài năng sinh viên	Thông báo năm 2015-2021	ĐH SKĐAHN	K. TKMT
Tiêu chí 11.5	1	H11.11.05.01	Hội nghị cán bộ, viên chức và Hội nghị cán bộ chủ chốt	Giấy triệu tập Hội nghị cán bộ công chức viên chức 8h30 thứ 5 ngày 16/01/2020 MC các năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P. HCTH
	2	H11.11.05.02	MC: tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các học phần (mẫu phiếu)	Mẫu phiếu	Đại học SKĐAHN	K. TKMT
	3	H11.11.05.03	Dự thảo Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan	Năm 2022	Đại học SKĐAHN	P. KT & ĐBCLGD
	4	H11.11.05.04	Biên bản họp lớp, họp khoa Sân khấu	Biên bản họp	Đại học SKĐAHN	K. TKMT

	5	H11.11.05.05	Danh sách cựu sinh viên khoa Sân khấu	Danh sách		K. TKMT
	6	H11.11.05.06	Khảo sát việc làm của cựu SV (phiếu khảo sát, thư ngỏ....)	Phiếu khảo sát		K. TKMT